VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2019/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2019*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thái Bình

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thái Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2019.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH THÁI BÌNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2019/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thái Bình được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000 khu vực phần đất liền tỉnh Thái Bình.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thái Bình được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa. Tên gọi khác của địa danh hoặc ghi chú để phân biệt các địa danh cùng tên trong một đơn vị hành chính cấp xã được thể hiện trong ngoặc đơn.

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường"; TT. là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố"; H. là chữ viết tắt của "huyện".

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý

được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối".

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 chứa địa danh chuẩn hóa ở cột "Địa danh".

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH THÁI BÌNH

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thái Bình gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Thái Bình	
2	Huyện Đông Hưng	
3	Huyện Hưng Hà	
4	Huyện Kiến Xương	
5	Huyện Quỳnh Phụ	
6	Huyện Thái Thụy	
7	Huyện Tiền Hải	
8	Huyện Vũ Thư	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Thái Bình	KX	P. Bồ Xuyên	TP. Thái Bình	20° 27' 34"	106° 20' 33"					F-48-93-B-a
chùa Vạn Xuân Tự	KX	P. Bồ Xuyên	TP. Thái Bình	20° 27' 17"	106° 20' 12"					F-48-93-B-a
Đường tỉnh 454	KX	P. Bồ Xuyên	TP. Thái Bình			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-93-B-a
Đường tỉnh 458	KX	P. Bồ Xuyên	TP. Thái Bình			20° 27' 29"	106° 20' 30"	20° 23' 27"	106° 26' 28"	F-48-93-B-a
Nhà máy Bia Hương Sen	KX	P. Bồ Xuyên	TP. Thái Bình	20° 27' 34"	106° 20' 18"					F-48-93-B-a
phố Lê Quý Đôn	KX	P. Bồ Xuyên	TP. Thái Bình			20° 27' 38"	106° 19' 59"	20° 26' 18"	106° 20' 59"	F-48-93-B-a
phố Lý Bôn	KX	P. Bồ Xuyên	TP. Thái Bình			20° 28' 06"	106° 19' 18"	20° 25' 45"	106° 20' 32"	F-48-93-B-a
phố Lý Thường Kiệt	KX	P. Bồ Xuyên	TP. Thái Bình			20° 27' 29"	106° 20' 30"	20° 26' 33"	106° 21' 16"	F-48-93-B-a
phố Nguyễn Thị Minh Khai	KX	P. Bồ Xuyên	TP. Thái Bình			20° 27' 10"	106° 20' 19"	20° 26' 58"	106° 20' 02"	F-48-93-B-a
phố Trần Thái Tông	KX	P. Bồ Xuyên	TP. Thái Bình			20° 27' 34"	106° 20' 33"	20° 26' 22"	106° 19' 11"	F-48-93-B-a
sông Trà Lý	TV	P. Bồ Xuyên	TP. Thái Bình			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-a
đền Hai Bà Trưng	KX	P. Đề Thám	TP. Thái Bình	20° 26' 57"	106° 20' 27"					F-48-93-B-a
Đường tỉnh 454	KX	P. Đề Thám	TP. Thái Bình			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-93-B-a
phố Hai Bà Trưng	KX	P. Đề Thám	TP. Thái Bình			20° 27' 13"	106° 20' 55"	20° 26' 43"	106° 20' 09"	F-48-93-B-a
phố Lê Lợi	KX	P. Đề Thám	TP. Thái Bình			20° 27' 12"	106° 20' 43"	20° 26' 44"	106° 20' 03"	F-48-93-B-a
phố Lê Quý Đôn	KX	P. Đề Thám	TP. Thái Bình			20° 27' 38"	106° 19' 59"	20° 26' 18"	106° 20' 59"	F-48-93-B-a
phố Lý Bôn	KX	P. Đề Thám	TP. Thái Bình			20° 28' 06"	106° 19' 18"	20° 25' 45"	106° 20' 32"	F-48-93-B-a
phố Quang Trung	KX	P. Đề Thám	TP. Thái Bình			20° 26' 43"	106° 20' 09"	20° 26' 22"	106° 19' 11"	F-48-93-B-a
phố Trần Hưng Đạo	KX	P. Đề Thám	TP. Thái Bình			20° 27' 20"	106° 20' 47"	20° 26' 29"	106° 19' 36"	F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sân vận động tỉnh Thái Bình	KX	P. Đề Thám	TP. Thái Bình	20° 26' 50"	106° 20' 24"					F-48-93-B-a
Cầu Bo	KX	P. Hoàng Diệu	TP. Thái Bình	20° 27' 15"	106° 20' 57"					F-48-93-B-a
cầu Sa Cát	KX	P. Hoàng Diệu	TP. Thái Bình	20° 28' 59"	106° 21' 29"					F-48-93-B-a
cầu Thái Bình	KX	P. Hoàng Diệu	TP. Thái Bình	20° 27' 34"	106° 20' 33"					F-48-93-B-a
đường Long Hưng	KX	P. Hoàng Diệu	TP. Thái Bình			20° 28' 59"	106° 21' 29"	20° 27' 34"	106° 20' 33"	F-48-93-B-a
Đền Quan	KX	P. Hoàng Diệu	TP. Thái Bình	20° 27' 54"	106° 21' 44"					F-48-93-B-a
quảng trường Thái Bình	KX	P. Hoàng Diệu	TP. Thái Bình	20° 28' 22"	106° 21' 46"					F-48-93-B-a
sông Trà Lý	TV	P. Hoàng Diệu	TP. Thái Bình			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-a
Cầu Nề	KX	P. Kỳ Bá	TP. Thái Bình	20° 26' 24"	106° 20' 19"					F-48-93-B-a
Đình Bo	KX	P. Kỳ Bá	TP. Thái Bình	20° 26' 55"	106° 20' 45"					F-48-93-B-a
Đường tỉnh 454	KX	P. Kỳ Bá	TP. Thái Bình			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-93-B-a
Đường tỉnh 458	KX	P. Kỳ Bá	TP. Thái Bình			20° 27' 29"	106° 20' 30"	20° 23' 27"	106° 26' 28"	F-48-93-B-a
phố Lê Đại Hành	KX	P. Kỳ Bá	TP. Thái Bình			20° 27' 01"	106° 20' 52"	20° 26' 33"	106° 20' 15"	F-48-93-B-a
phố Lý Bôn	KX	P. Kỳ Bá	TP. Thái Bình			20° 28' 06"	106° 19' 18"	20° 25' 45"	106° 20' 32"	F-48-93-B-a
phố Lý Thường Kiệt	KX	P. Kỳ Bá	TP. Thái Bình			20° 27' 29"	106° 20' 30"	20° 26' 33"	106° 21' 16"	F-48-93-B-a
phố Ngô Thì Nhậm	KX	P. Kỳ Bá	TP. Thái Bình			20° 26' 24"	106° 19' 48"	20° 26' 17"	106° 20' 58"	F-48-93-B-a
Trường Đại học Y Dược Thái Bình	KX	P. Kỳ Bá	TP. Thái Bình	20° 26' 38"	106° 20' 18"					F-48-93-B-a
sông Trà Lý	TV	P. Kỳ Bá	TP. Thái Bình			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-a
Cầu Bo	KX	P. Lê Hồng Phong	TP. Thái Bình	20° 27' 15"	106° 20' 57"					F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Thái Bình	KX	P. Lê Hồng Phong	TP. Thái Bình	20° 27' 34"	106° 20' 33"					F-48-93-B-a
Đài tưởng niệm Trận địa chiến đấu Trung đội tự vệ khu Trần Phú	KX	P. Lê Hồng Phong	TP. Thái Bình	20° 27' 05"	106° 20' 40"					F-48-93-B-a
Đường tỉnh 458	KX	P. Lê Hồng Phong	TP. Thái Bình			20° 27' 29"	106° 20' 30"	20° 23' 27"	106° 26' 28"	F-48-93-B-a
phố Hai Bà Trưng	KX	P. Lê Hồng Phong	TP. Thái Bình			20° 27' 13"	106° 20' 55"	20° 26' 43"	106° 20' 09"	F-48-93-B-a
phố Lê Lợi	KX	P. Lê Hồng Phong	TP. Thái Bình			20° 27' 12"	106° 20' 43"	20° 26' 44"	106° 20' 03"	F-48-93-B-a
phố Lê Quý Đôn	KX	P. Lê Hồng Phong	TP. Thái Bình			20° 27' 38"	106° 19' 59"	20° 26' 18"	106° 20' 59"	F-48-93-B-a
phố Lý Thường Kiệt	KX	P. Lê Hồng Phong	TP. Thái Bình			20° 27' 29"	106° 20' 30"	20° 26' 33"	106° 21' 16"	F-48-93-B-a
phố Trần Hưng Đạo	KX	P. Lê Hồng Phong	TP. Thái Bình			20° 27' 20"	106° 20' 47"	20° 26' 29"	106° 19' 36"	F-48-93-B-a
sông Trà Lý	TV	P. Lê Hồng Phong	TP. Thái Bình			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-a
cầu Phúc Khánh 2	KX	P. Phú Khánh	TP. Thái Bình	20° 26' 28"	106° 19' 15"					F-48-93-B-a
đường Hùng Vương	KX	P. Phú Khánh	TP. Thái Bình			20° 26' 22"	106° 19' 11"	20° 26' 15"	106° 17' 56"	F-48-93-B-a
đường Trần Thị Dung	KX	P. Phú Khánh	TP. Thái Bình			20° 26' 25"	106° 18' 04"	20° 26' 30"	106° 19' 14"	F-48-93-B-a
đường Trần Thủ Độ	KX	P. Phú Khánh	TP. Thái Bình			20° 27' 56"	106° 20' 12"	20° 26' 37"	106° 18' 03"	F-48-93-B-a
Khu công nghiệp Phúc Khánh	KX	P. Phú Khánh	TP. Thái Bình	20° 26' 35"	106° 18' 24"					F-48-93-B-a
phố Quang Trung	KX	P. Phú Khánh	TP. Thái Bình			20° 26' 43"	106° 20' 09"	20° 26' 22"	106° 19' 11"	F-48-93-B-a
phố Trần Thái Tông	KX	P. Phú Khánh	TP. Thái Bình			20° 27' 34"	106° 20' 33"	20° 26' 22"	106° 19' 11"	F-48-93-B-a
sông Kiến Giang	TV	P. Phú Khánh	TP. Thái Bình			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-B-a
Bệnh viện Đa khoa chất lượng cao Thái Bình	KX	P. Quang Trung	TP. Thái Bình	20° 26' 24"	106° 20' 05"					F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình	KX	P. Quang Trung	TP. Thái Bình	20° 26' 32"	106° 20' 08"					F-48-93-B-a
đường Ngô Thì Nhậm	KX	P. Quang Trung	TP. Thái Bình			20° 26' 24"	106° 19' 48"	20° 26' 17"	106° 20' 58"	F-48-93-B-a
Đường tỉnh 454	KX	P. Quang Trung	TP. Thái Bình			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-93-B-a
phố Lý Bôn	KX	P. Quang Trung	TP. Thái Bình			20° 28' 06"	106° 19' 18"	20° 25' 45"	106° 20' 32"	F-48-93-B-a
phố Quang Trung	KX	P. Quang Trung	TP. Thái Bình			20° 26' 43"	106° 20' 09"	20° 26' 22"	106° 19' 11"	F-48-93-B-a
Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình	KX	P. Quang Trung	TP. Thái Bình	20° 26' 08"	106° 19' 22"					F-48-93-B-a
sông Kiến Giang	TV	P. Quang Trung	TP. Thái Bình			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-B-a
Cầu Báng	KX	P. Tiền Phong	TP. Thái Bình	20° 28' 06"	106° 19' 18"					F-48-93-B-a
chùa Đoan Túc	KX	P. Tiền Phong	TP. Thái Bình	20° 27' 25"	106° 19' 59"					F-48-93-B-a
Cụm công nghiệp Phong Phú	KX	P. Tiền Phong	TP. Thái Bình	20° 28' 08"	106° 19' 51"					F-48-93-B-a
đình Nhân Thanh	KX	P. Tiền Phong	TP. Thái Bình	20° 27' 56"	106° 19' 37"					F-48-93-B-a
đường Trần Thủ Độ	KX	P. Tiền Phong	TP. Thái Bình			20° 27' 56"	106° 20' 12"	20° 26' 37"	106° 18' 03"	F-48-93-B-a
Đường tỉnh 454	KX	P. Tiền Phong	TP. Thái Bình			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-93-B-a
Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh	KX	P. Tiền Phong	TP. Thái Bình	20° 27' 11"	106° 19' 39"					F-48-93-B-a
phố Lê Quý Đôn	KX	P. Tiền Phong	TP. Thái Bình			20° 27' 38"	106° 19' 59"	20° 26' 18"	106° 20' 59"	F-48-93-B-a
phố Lý Bôn	KX	P. Tiền Phong	TP. Thái Bình			20° 28' 06"	106° 19' 18"	20° 25' 45"	106° 20' 32"	F-48-93-B-a
phố Trần Thái Tông	KX	P. Tiền Phong	TP. Thái Bình			20° 27' 34"	106° 20' 33"	20° 26' 22"	106° 19' 11"	F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Trà Lý	TV	P. Tiền Phong	TP. Thái Bình			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-a
bến xe Thái Bình	KX	P. Trần Hưng Đạo	TP. Thái Bình	20° 26' 59"	106° 19' 54"					F-48-93-B-a
cầu Phúc Khánh 2	KX	P. Trần Hưng Đạo	TP. Thái Bình	20° 26' 28"	106° 19' 15"					F-48-93-B-a
đường Trần Thủ Độ	KX	P. Trần Hưng Đạo	TP. Thái Bình			20° 27' 56"	106° 20' 12"	20° 26' 37"	106° 18' 03"	F-48-93-B-a
Đường tỉnh 454	KX	P. Trần Hưng Đạo	TP. Thái Bình			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-93-B-a
Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh	KX	P. Trần Hưng Đạo	TP. Thái Bình	20° 27' 11"	106° 19' 39"					F-48-93-B-a
phố Lý Bôn	KX	P. Trần Hưng Đạo	TP. Thái Bình			20° 28' 06"	106° 19' 18"	20° 25' 45"	106° 20' 32"	F-48-93-B-a
phố Quang Trung	KX	P. Trần Hưng Đạo	TP. Thái Bình			20° 26' 43"	106° 20' 09"	20° 26' 22"	106° 19' 11"	F-48-93-B-a
phố Trần Hưng Đạo	KX	P. Trần Hưng Đạo	TP. Thái Bình			20° 27' 20"	106° 20' 47"	20° 26' 29"	106° 19' 36"	F-48-93-B-a
phố Trần Thái Tông	KX	P. Trần Hưng Đạo	TP. Thái Bình			20° 27' 34"	106° 20' 33"	20° 26' 22"	106° 19' 11"	F-48-93-B-a
Cầu Trắng	KX	P. Trần Lãm	TP. Thái Bình	20° 26' 20"	106° 21' 30"					F-48-93-B-a
đình Lạc Đạo (Đình Cả)	KX	P. Trần Lãm	TP. Thái Bình	20° 26' 40"	106° 21' 22"					F-48-93-B-a
đường Hoàng Văn Thái	KX	P. Trần Lãm	TP. Thái Bình			20° 26' 33"	106° 21' 16"	20° 25' 58"	106° 21' 56"	F-48-93-B-a
đường Trần Lãm	KX	P. Trần Lãm	TP. Thái Bình			20° 26' 58"	106° 21' 33"	20° 24' 53"	106° 18' 57"	F-48-93-B-a
Đường tỉnh 454	KX	P. Trần Lãm	TP. Thái Bình			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-93-B-a
Đường tỉnh 458	KX	P. Trần Lãm	TP. Thái Bình			20° 27' 29"	106° 20' 30"	20° 23' 27"	106° 26' 28"	F-48-93-B-a
phố Lê Quý Đôn	KX	P. Trần Lãm	TP. Thái Bình			20° 27' 38"	106° 19' 59"	20° 26' 18"	106° 20' 59"	F-48-93-B-a
phố Lý Bôn	KX	P. Trần Lãm	TP. Thái Bình			20° 28' 06"	106° 19' 18"	20° 25' 45"	106° 20' 32"	F-48-93-B-a
phố Lý Thường Kiệt	KX	P. Trần Lãm	TP. Thái Bình			20° 27' 29"	106° 20' 30"	20° 26' 33"	106° 21' 16"	F-48-93-B-a
phố Ngô Thì Nhậm	KX	P. Trần Lãm	TP. Thái Bình			20° 26' 24"	106° 19' 48"	20° 26' 17"	106° 20' 58"	F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Kìm	TV	P. Trần Lãm	TP. Thái Bình			20° 26' 57"	106° 21' 30"	20° 24' 32"	106° 21' 51"	F-48-93-B-a
sông Trà Lý	TV	P. Trần Lãm	TP. Thái Bình			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-a
thôn Cầu Nhân	DC	xã Đông Hòa	TP. Thái Bình	20° 29' 03"	106° 20' 41"					F-48-93-B-a
thôn Hiệp Trung	DC	xã Đông Hòa	TP. Thái Bình	20° 29' 23"	106° 20' 32"					F-48-93-B-a
thôn Nam Cầu Nhân	DC	xã Đông Hòa	TP. Thái Bình	20° 28' 46"	106° 20' 35"					F-48-93-B-a
thôn Nam Hiệp Trung	DC	xã Đông Hòa	TP. Thái Bình	20° 29' 03"	106° 19' 59"					F-48-93-B-a
thôn Nghĩa Phương	DC	xã Đông Hòa	TP. Thái Bình	20° 28' 10"	106° 20' 44"					F-48-93-B-a
thôn Nghĩa Thắng	DC	xã Đông Hòa	TP. Thái Bình	20° 28' 42"	106° 20' 51"					F-48-93-B-a
thôn Trung Nghĩa	DC	xã Đông Hòa	TP. Thái Bình	20° 28' 24"	106° 20' 32"					F-48-93-B-a
cầu Hòa Bình	KX	xã Đông Hòa	TP. Thái Bình	20° 28' 38"	106° 19' 56"					F-48-93-B-a
cầu Sa Cát 2	KX	xã Đông Hòa	TP. Thái Bình	20° 29' 18"	106° 21' 27"					F-48-93-B-a
đền Đồng Côn	KX	xã Đông Hòa	TP. Thái Bình	20° 28' 57"	106° 20' 28"					F-48-93-B-a
đình Hiệp Trung	KX	xã Đông Hòa	TP. Thái Bình	20° 29' 21"	106° 20' 23"					F-48-93-B-a
miếu Vua Lẫm	KX	xã Đông Hòa	TP. Thái Bình	20° 28' 55"	106° 20' 39"					F-48-93-B-a
Quốc lộ 10	KX	xã Đông Hòa	TP. Thái Bình			20° 39' 41"	106° 26' 16"	20° 26' 41"	106° 13' 01"	F-48-93-B-a
sông Trà Lý	TV	xã Đông Hòa	TP. Thái Bình			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-a
thôn An Lễ	DC	xã Đông Mỹ	TP. Thái Bình	20° 30' 00"	106° 21' 40"					F-48-81-D-c, F-48-93-B-a
thôn Gia Lễ	DC	xã Đông Mỹ	TP. Thái Bình	20° 29' 27"	106° 21' 40"					F-48-93-B-a
thôn Tống Thỏ Bắc	DC	xã Đông Mỹ	TP. Thái Bình	20° 29' 45"	106° 22' 11"					F-48-93-B-a
thôn Tống Thỏ Nam	DC	xã Đông Mỹ	TP. Thái Bình	20° 29' 03"	106° 21' 59"					F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tống Thỏ Trung	DC	xã Đông Mỹ	TP. Thái Bình	20° 29' 28"	106° 22' 13"					F-48-93-B-a
cầu An Lễ	KX	xã Đông Mỹ	TP. Thái Bình	20° 30' 11"	106° 21' 33"					F-48-93-B-a
cầu Sa Cát	KX	xã Đông Mỹ	TP. Thái Bình	20° 28' 59"	106° 21' 29"					F-48-93-B-a
Khu di tích đền, chùa Gia Lễ	KX	xã Đông Mỹ	TP. Thái Bình	20° 29' 45"	106° 22' 03"					F-48-93-B-a
đình Tống Thỏ	KX	xã Đông Mỹ	TP. Thái Bình	20° 29' 48"	106° 22' 14"					F-48-93-B-a
đường Long Hưng	KX	xã Đông Mỹ	TP. Thái Bình			20° 28' 59"	106° 21' 29"	20° 27' 34"	106° 20' 33"	F-48-93-B-a
Khu công nghiệp Gia Lễ	KX	xã Đông Mỹ	TP. Thái Bình	20° 30' 23"	106° 21' 24"					F-48-81-D-c
Quốc lộ 10	KX	xã Đông Mỹ	TP. Thái Bình			20° 39' 41"	106° 26' 16"	20° 26' 41"	106° 13' 01"	F-48-81-D-c, F-48-93-B-a
Quốc lộ 39	KX	xã Đông Mỹ	TP. Thái Bình			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-D-c, F-48-93-B-a
sông Trà Lý	TV	xã Đông Mỹ	TP. Thái Bình			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-a, F-48-93-B-b
thôn Đoàn Kết	DC	xã Đông Thọ	TP. Thái Bình	20° 29' 38"	106° 20' 04"					F-48-93-B-a
thôn Hồng Phong	DC	xã Đông Thọ	TP. Thái Bình	20° 29' 22"	106° 20' 02"					F-48-93-B-a
thôn Lam Sơn	DC	xã Đông Thọ	TP. Thái Bình	20° 29' 43"	106° 20' 40"					F-48-93-B-a
thôn Quang Trung	DC	xã Đông Thọ	TP. Thái Bình	20° 29' 35"	106° 20' 22"					F-48-93-B-a
thôn Thống Nhất	DC	xã Đông Thọ	TP. Thái Bình	20° 29' 26"	106° 20' 16"					F-48-93-B-a
thôn Trần Phú	DC	xã Đông Thọ	TP. Thái Bình	20° 29' 31"	106° 20' 32"					F-48-93-B-a
đình Nam Thọ	KX	xã Đông Thọ	TP. Thái Bình	20° 29' 40"	106° 20' 22"					F-48-93-B-a
Khu công nghiệp Gia Lễ	KX	xã Đông Thọ	TP. Thái Bình	20° 30' 23"	106° 21' 24"					F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Trà Lý	TV	xã Đông Thọ	TP. Thái Bình			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-a, F-48-81-D-c
Tổ 1	DC	xã Phú Xuân	TP. Thái Bình	20° 27' 45"	106° 19' 39"					F-48-93-B-a
Tổ 2	DC	xã Phú Xuân	TP. Thái Bình	20° 27' 26"	106° 19' 45"					F-48-93-B-a
Tổ 4	DC	xã Phú Xuân	TP. Thái Bình	20° 26' 33"	106° 19' 08"					F-48-93-B-a
thôn Đại Lai 1	DC	xã Phú Xuân	TP. Thái Bình	20° 26' 58"	106° 19' 10"					F-48-93-B-a
thôn Đại Lai 2	DC	xã Phú Xuân	TP. Thái Bình	20° 27' 13"	106° 19' 22"					F-48-93-B-a
thôn Nghĩa Chính	DC	xã Phú Xuân	TP. Thái Bình	20° 26' 48"	106° 18' 03"					F-48-93-B-a
thôn Phú Lạc	DC	xã Phú Xuân	TP. Thái Bình	20° 27' 29"	106° 19' 29"					F-48-93-B-a
thôn Thắng Cựu	DC	xã Phú Xuân	TP. Thái Bình	20° 27' 46"	106° 19' 12"					F-48-93-B-a
thôn Vĩnh Gia	DC	xã Phú Xuân	TP. Thái Bình	20° 27' 29"	106° 18' 53"					F-48-93-B-a
thôn Xuân Lôi	DC	xã Phú Xuân	TP. Thái Bình	20° 27' 33"	106° 19' 16"					F-48-93-B-a
chùa Phú Lạc	KX	xã Phú Xuân	TP. Thái Bình	20° 27' 42"	106° 19' 39"					F-48-93-B-a
đình Làng Nghĩa Chính	KX	xã Phú Xuân	TP. Thái Bình	20° 26' 52"	106° 18' 04"					F-48-93-B-a
đường Trần Thị Dung	KX	xã Phú Xuân	TP. Thái Bình			20° 26' 25"	106° 18' 04"	20° 26' 30"	106° 19' 14"	F-48-93-B-a
đường Trần Thủ Độ	KX	xã Phú Xuân	TP. Thái Bình			20° 27' 56"	106° 20' 12"	20° 26' 37"	106° 18' 03"	F-48-93-B-a
Đường tỉnh 454	KX	xã Phú Xuân	TP. Thái Bình			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-93-B-a
Khu di tích đình, chùa Đại Lai	KX	xã Phú Xuân	TP. Thái Bình	20° 27' 02"	106° 19' 10"					F-48-93-B-a
Khu công nghiệp Phúc Khánh	KX	xã Phú Xuân	TP. Thái Bình	20° 26' 35"	106° 18' 24"					F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
phố Lý Bôn	KX	xã Phú Xuân	TP. Thái Bình			20° 28' 06"	106° 19' 18"	20° 25' 45"	106° 20' 32"	F-48-93-B-a
Quốc lộ 10	KX	xã Phú Xuân	TP. Thái Bình			20° 39' 41"	106° 26' 16"	20° 26' 41"	106° 13' 01"	F-48-93-B-a
từ đường quan Thái Bảo	KX	xã Phú Xuân	TP. Thái Bình	20° 27' 29"	106° 19' 28"					F-48-93-B-a
Thôn Dinh	DC	xã Tân Bình	TP. Thái Bình	20° 28' 29"	106° 19' 01"					F-48-93-B-a
thôn Đồng Thanh	DC	xã Tân Bình	TP. Thái Bình	20° 28' 14"	106° 19' 12"					F-48-93-B-a
thôn Tân Quán	DC	xã Tân Bình	TP. Thái Bình	20° 27' 20"	106° 18' 02"					F-48-93-B-a
thôn Trường Mại	DC	xã Tân Bình	TP. Thái Bình	20° 27' 52"	106° 18' 40"					F-48-93-B-a
thôn Tú Linh	DC	xã Tân Bình	TP. Thái Bình	20° 28' 18"	106° 18' 51"					F-48-93-B-a
Cầu Báng	KX	xã Tân Bình	TP. Thái Bình	20° 28' 06"	106° 19' 18"					F-48-93-B-a
Chùa Chành	KX	xã Tân Bình	TP. Thái Bình	20° 28' 32"	106° 18' 55"					F-48-93-B-a
cầu Hòa Bình	KX	xã Tân Bình	TP. Thái Bình	20° 28' 38"	106° 19' 56"					F-48-93-B-a
chùa Trừng Mại	KX	xã Tân Bình	TP. Thái Bình	20° 28' 02"	106° 18' 44"					F-48-93-B-a
Đường tỉnh 454	KX	xã Tân Bình	TP. Thái Bình			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-93-B-a
Khu công nghiệp Sông Trà	KX	xã Tân Bình	TP. Thái Bình	20° 28' 47"	106° 19' 22"					F-48-93-B-a
phố Lý Bôn	KX	xã Tân Bình	TP. Thái Bình			20° 28' 06"	106° 19' 18"	20° 25' 45"	106° 20' 32"	F-48-93-B-a
Quốc lộ 10	KX	xã Tân Bình	TP. Thái Bình			20° 39' 41"	106° 26' 16"	20° 26' 41"	106° 13' 01"	F-48-93-B-a
Trường Đại họcThái Bình	KX	xã Tân Bình	TP. Thái Bình	20° 28' 21"	106° 19' 01"					F-48-93-B-a
từ đường Bùi Quang Dũng	KX	xã Tân Bình	TP. Thái Bình	20° 28' 11"	106° 19' 13"					F-48-93-B-a
sông Trà Lý	TV	xã Tân Bình	TP. Thái Bình			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-a
Tổ 1	DC	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình	20° 25' 46"	106° 20' 10"					F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Tổ 2	DC	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình	20° 26' 11"	106° 21' 40"					F-48-93-B-a
thôn Đông Hải	DC	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình	20° 26' 04"	106° 21' 39"					F-48-93-B-a
thôn Hoà Hải	DC	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình	20° 25' 50"	106° 21' 23"					F-48-93-B-a
thôn Lạc Chính	DC	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình	20° 25' 30"	106° 19' 46"					F-48-93-B-a
thôn Nam Hùng	DC	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình	20° 25' 10"	106° 20' 15"					F-48-93-B-a
Thôn Quyến	DC	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình	20° 25' 30"	106° 20' 33"					F-48-93-B-a
thôn Tây Sơn	DC	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình	20° 25' 46"	106° 21' 05"					F-48-93-B-a
thôn Tiên Sơn	DC	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình	20° 25' 42"	106° 20' 02"					F-48-93-B-a
thôn Tống Văn	DC	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình	20° 25' 16"	106° 20' 30"					F-48-93-B-a
thôn Tống Vũ	DC	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình	20° 25' 38"	106° 21' 05"					F-48-93-B-a
thôn Trấn Tây	DC	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình	20° 25' 08"	106° 20' 09"					F-48-93-B-a
thôn Trung Hòa	DC	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình	20° 25' 27"	106° 20' 11"					F-48-93-B-a
thôn Vũ Trường	DC	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình	20° 26' 17"	106° 21' 52"					F-48-93-B-a
Bệnh viện Lao phổi Thái Bình	KX	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình	20° 25' 37"	106° 19' 55"					F-48-93-B-a
chùa Tống Vũ	KX	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình	20° 25' 36"	106° 21' 02"					F-48-93-B-a
Cầu Kìm	KX	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình	20° 25' 58"	106° 21' 56"					F-48-93-B-a
Cầu Trắng	KX	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình	20° 26' 20"	106° 21' 30"					F-48-93-B-a
Chùa Chanh	KX	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình	20° 25' 22"	106° 20' 07"					F-48-93-B-a
Chùa Sam	KX	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình	20° 25' 35"	106° 19' 52"					F-48-93-B-a
đình Tống Vũ	KX	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình	20° 25' 48"	106° 21' 22"					F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Hoàng Văn Thái	KX	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình			20° 26' 33"	106° 21' 16"	20° 25' 58"	106° 21' 56"	F-48-93-B-a
đường Trần Lãm	KX	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình			20° 26' 58"	106° 21' 33"	20° 24' 53"	106° 18' 57"	F-48-93-B-a
Đường tỉnh 454	KX	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-93-B-a
Đường tỉnh 458	KX	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình			20° 27' 29"	106° 20' 30"	20° 23' 27"	106° 26' 28"	F-48-93-B-a
phố Lý Bôn	KX	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình			20° 28' 06"	106° 19' 18"	20° 25' 45"	106° 20' 32"	F-48-93-B-a
sông Kiến Giang	TV	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-B-a
Sông Kìm	TV	xã Vũ Chính	TP. Thái Bình			20° 26' 57"	106° 21' 30"	20° 24' 32"	106° 21' 51"	F-48-93-B-a
thôn Đình Phùng	DC	xã Vũ Đông	TP. Thái Bình	20° 27' 53"	106° 22' 01"					F-48-93-B-a
thôn Hưng Đạo	DC	xã Vũ Đông	TP. Thái Bình	20° 27' 55"	106° 22' 23"					F-48-93-B-a, F-48-93-B-b
thôn Lê Lợi	DC	xã Vũ Đông	TP. Thái Bình	20° 27' 24"	106° 22' 52"					F-48-93-B-b
thôn Nguyễn Du	DC	xã Vũ Đông	TP. Thái Bình	20° 29' 05"	106° 22' 42"					F-48-93-B-a, F-48-93-B-b
thôn Nguyễn Huệ	DC	xã Vũ Đông	TP. Thái Bình	20° 28' 49"	106° 22' 26"					F-48-93-B-a, F-48-93-B-b
thôn Nguyễn Trãi	DC	xã Vũ Đông	TP. Thái Bình	20° 28' 25"	106° 22' 14"					F-48-93-B-a
thôn Quang Trung	DC	xã Vũ Đông	TP. Thái Bình	20° 28' 14"	106° 22' 37"					F-48-93-B-a, F-48-93-B-b
thôn Trần Phú	DC	xã Vũ Đông	TP. Thái Bình	20° 28' 08"	106° 22' 27"					F-48-93-B-a, F-48-93-B-b
chùa Hoàng Cô	KX	xã Vũ Đông	TP. Thái Bình	20° 27' 47"	106° 22' 15"					F-48-93-B-a
đình Đông Trì	KX	xã Vũ Đông	TP. Thái Bình	20° 28' 26"	106° 22' 31"					F-48-93-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Trà Lý	TV	xã Vũ Đông	TP. Thái Bình			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-a, F-48-93-B-b
Thôn Kìm	DC	xã Vũ Lạc	TP. Thái Bình	20° 25' 54"	106° 22' 04"					F-48-93-B-a
thôn Nam Hưng	DC	xã Vũ Lạc	TP. Thái Bình	20° 26' 09"	106° 23' 03"					F-48-93-B-b
thôn Tam Lạc	DC	xã Vũ Lạc	TP. Thái Bình	20° 26' 56"	106° 21' 46"					F-48-93-B-a
thôn Tam Lạc 2	DC	xã Vũ Lạc	TP. Thái Bình	20° 26' 56"	106° 22' 16"					F-48-93-B-a
thôn Thượng Cầm	DC	xã Vũ Lạc	TP. Thái Bình	20° 26' 02"	106° 22' 31"					F-48-93-B-a, F-48-93-B-b
thôn Vân Động	DC	xã Vũ Lạc	TP. Thái Bình	20° 26' 50"	106° 23' 04"					F-48-93-B-b
thôn Vân Động Nam	DC	xã Vũ Lạc	TP. Thái Bình	20° 26' 08"	106° 23' 10"					F-48-93-B-b
Cầu Kìm	KX	xã Vũ Lạc	TP. Thái Bình	20° 25' 58"	106° 21' 56"					F-48-93-B-a
chùa Thượng Cầm	KX	xã Vũ Lạc	TP. Thái Bình	20° 25' 56"	106° 22' 14"					F-48-93-B-a
đường Trần Lãm	KX	xã Vũ Lạc	TP. Thái Bình			20° 26' 58"	106° 21' 33"	20° 24' 53"	106° 18' 57"	F-48-93-B-a
đường Vũ Lạc	KX	xã Vũ Lạc	TP. Thái Bình			20° 26' 12"	106° 23' 30"	20° 25' 54"	106° 21' 56"	F-48-93-B-a, F-48-93-B-b
Đường tỉnh 458	KX	xã Vũ Lạc	TP. Thái Bình			20° 27' 29"	106° 20' 30"	20° 23' 27"	106° 26' 28"	F-48-93-B-a
từ đường Nguyễn Đình	KX	xã Vũ Lạc	TP. Thái Bình	20° 26' 18"	106° 22' 14"					F-48-93-B-a
từ đường họ Phạm Đình	KX	xã Vũ Lạc	TP. Thái Bình	20° 26' 08"	106° 22' 15"					F-48-93-B-a
Sông Kìm	TV	xã Vũ Lạc	TP. Thái Bình			20° 26' 57"	106° 21' 30"	20° 24' 32"	106° 21' 51"	F-48-93-B-a
sông Trà Lý	TV	xã Vũ Lạc	TP. Thái Bình			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-a
thôn Bắc Sơn	DC	xã Vũ Phúc	TP. Thái Bình	20° 25' 24"	106° 19' 34"					F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cự Phú	DC	xã Vũ Phúc	TP. Thái Bình	20° 25' 01"	106° 19' 24"					F-48-93-B-a
thôn Đông Hạ	DC	xã Vũ Phúc	TP. Thái Bình	20° 24' 42"	106° 19' 49"					F-48-93-B-a
thôn Phúc Hạ	DC	xã Vũ Phúc	TP. Thái Bình	20° 24' 38"	106° 19' 21"					F-48-93-B-a
thôn Phúc Khánh	DC	xã Vũ Phúc	TP. Thái Bình	20° 26' 03"	106° 19' 04"					F-48-93-B-a
thôn Phúc Thượng	DC	xã Vũ Phúc	TP. Thái Bình	20° 25' 56"	106° 19' 18"					F-48-93-B-a
thôn Tây Hạ	DC	xã Vũ Phúc	TP. Thái Bình	20° 24' 21"	106° 19' 11"					F-48-93-B-a
thôn Thanh Miếu	DC	xã Vũ Phúc	TP. Thái Bình	20° 25' 11"	106° 19' 40"					F-48-93-B-a
đình Thanh Miếu	KX	xã Vũ Phúc	TP. Thái Bình	20° 25' 15"	106° 19' 38"					F-48-93-B-a
đường Trần Lãm	KX	xã Vũ Phúc	TP. Thái Bình			20° 26' 58"	106° 21' 33"	20° 24' 53"	106° 18' 57"	F-48-93-B-a
sông Kiến Giang	TV	xã Vũ Phúc	TP. Thái Bình			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-B-a
sông Ngô Xá	TV	xã Vũ Phúc	TP. Thái Bình			20° 23' 59"	106° 17' 01"	20° 24' 23"	106° 20' 08"	F-48-93-B-a
cầu K40	KX	TT. Đông Hưng	H. Đông Hưng	20° 33' 26"	106° 20' 53"					F-48-81-D-c
Cầu Nguyễn	KX	TT. Đông Hưng	H. Đông Hưng	20° 33' 37"	106° 21' 14"					F-48-81-D-c
phố Bùi Sỹ Tiêm	KX	TT. Đông Hưng	H. Đông Hưng			20° 33' 37"	106° 21' 14"	20° 33' 00"	106° 21' 15"	F-48-81-D-c
phố Nguyễn Văn Năng	KX	TT. Đông Hưng	H. Đông Hưng			20° 33' 28"	106° 21' 11"	20° 33' 26"	106° 20' 53"	F-48-81-D-c
Quốc lộ 10	KX	TT. Đông Hưng	H. Đông Hưng			20° 39' 41"	106° 26' 16"	20° 26' 41"	106° 13' 01"	F-48-81-D-c
Quốc lộ 39	KX	TT. Đông Hưng	H. Đông Hưng			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-D-c
sông Tiên Hưng	TV	TT. Đông Hưng	H. Đông Hưng			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-c
thôn An Nạp	DC	xã An Châu	H. Đông Hưng	20° 35' 17"	106° 18' 17"					F-48-81-D-c
thôn Kim Châu I	DC	xã An Châu	H. Đông Hưng	20° 35' 25"	106° 19' 10"					F-48-81-D-c
thôn Kim Châu II	DC	xã An Châu	H. Đông Hưng	20° 35' 19"	106° 18' 42"					F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hậu Thượng	DC	xã Bạch Đằng	H. Đông Hưng	20° 31' 23"	106° 14' 35"					F-48-81-C-d
thôn Hậu Trung 1	DC	xã Bạch Đằng	H. Đông Hưng	20° 31' 11"	106° 15' 02"					F-48-81-C-d, F-48-81-D-c
thôn Hậu Trung 2	DC	xã Bạch Đằng	H. Đông Hưng	20° 30' 36"	106° 15' 04"					F-48-81-D-c
xóm Hòa Bình	DC	xã Bạch Đằng	H. Đông Hưng	20° 30' 26"	106° 15' 17"					F-48-81-D-c
xóm Tân Tiến	DC	xã Bạch Đằng	H. Đông Hưng	20° 30' 36"	106° 15' 27"					F-48-81-D-c
Khu di tích đình, miếu Hậu Trung	KX	xã Bạch Đằng	H. Đông Hưng	20° 31' 09"	106° 14' 48"					F-48-81-C-d
miếu Hậu Thượng	KX	xã Bạch Đằng	H. Đông Hưng	20° 31' 24"	106° 14' 26"					F-48-81-C-d
tuyến đò Giống	KX	xã Bạch Đằng	H. Đông Hưng	20° 30' 20"	106° 15' 08"					F-48-81-D-c
tuyến đò Hậu	KX	xã Bạch Đằng	H. Đông Hưng	20° 31' 02"	106° 14' 31"					F-48-81-C-d
sông Trà Lý	TV	xã Bạch Đằng	H. Đông Hưng			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-81-C-d, F-48-81-D-c
thôn Cao Mỗ	DC	xã Chương Dương	H. Đông Hưng	20° 32' 26"	106° 17' 54"					F-48-81-D-c
thôn Cao Mỗ Đông	DC	xã Chương Dương	H. Đông Hưng	20° 32' 31"	106° 18' 07"					F-48-81-D-c
thôn Cao Mỗ Nam	DC	xã Chương Dương	H. Đông Hưng	20° 32' 19"	106° 17' 60"					F-48-81-D-c
thôn Nam Lỗ	DC	xã Chương Dương	H. Đông Hưng	20° 32' 48"	106° 17' 55"					F-48-81-D-c
Thôn Sổ	DC	xã Chương Dương	H. Đông Hưng	20° 32' 54"	106° 18' 03"					F-48-81-D-c
đình Cao Mỗ	KX	xã Chương Dương	H. Đông Hưng	20° 32' 27"	106° 17' 50"					F-48-81-D-c
Khu di tích đền thờ, lăng mộ Phạm Huy Đĩnh	KX	xã Chương Dương	H. Đông Hưng	20° 32' 25"	106° 17' 58"					F-48-81-D-c
Quốc lộ 39	KX	xã Chương Dương	H. Đông Hưng			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Sa Lung	TV	xã Chương Dương	H. Đông Hưng			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-D-c
sông Tiên Hưng	TV	xã Chương Dương	H. Đông Hưng			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-c
thôn Đại Đồng	DC	xã Đông Á	H. Đông Hưng	20° 29' 46"	106° 23' 41"					F-48-81-D-d
thôn Đông A	DC	xã Đông Á	H. Đông Hưng	20° 30' 03"	106° 24' 10"					F-48-93-B-b, F-48-81-D-d
thôn Đông Hòa	DC	xã Đông Á	H. Đông Hưng	20° 29' 42"	106° 24' 05"					F-48-93-B-b
thôn Phú Bắc	DC	xã Đông Á	H. Đông Hưng	20° 30' 45"	106° 23' 33"					F-48-81-D-d
thôn Phú Xuân	DC	xã Đông Á	H. Đông Hưng	20° 29' 59"	106° 23' 36"					F-48-93-B-b, F-48-81-D-d
thôn Trưng Trắc A	DC	xã Đông Á	H. Đông Hưng	20° 30' 01"	106° 23' 50"					F-48-93-B-b, F-48-81-D-d
thôn Trưng Trắc B	DC	xã Đông Á	H. Đông Hưng	20° 29' 49"	106° 23' 56"					F-48-93-B-b
Chùa Hạ	KX	xã Đông Á	H. Đông Hưng	20° 30' 17"	106° 23' 49"					F-48-81-D-d
chùa Lan Thành	KX	xã Đông Á	H. Đông Hưng	20° 30' 36"	106° 24' 08"					F-48-81-D-d
đình Phú Xuân	KX	xã Đông Á	H. Đông Hưng	20° 29' 57"	106° 23' 32"					F-48-93-B-b
Miếu Giàng	KX	xã Đông Á	H. Đông Hưng	20° 29' 34"	106° 23' 26"					F-48-93-B-b
miếu Tầm Phương	KX	xã Đông Á	H. Đông Hưng	20° 30' 13"	106° 23' 58"					F-48-81-D-d
Quốc lộ 39	KX	xã Đông Á	H. Đông Hưng			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-D-d
sông Sa Lung	TV	xã Đông Á	H. Đông Hưng			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-D-d
sông Trà Lý	TV	xã Đông Á	H. Đông Hưng			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-b
thôn Bắc Lịch Động	DC	xã Đông Các	H. Đông Hưng	20° 32' 42"	106° 21' 59"					F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đông Các	DC	xã Đông Các	H. Đông Hưng	20° 32' 00"	106° 21' 47"					F-48-81-D-c
thôn Nam Hải	DC	xã Đông Các	H. Đông Hưng	20° 32' 09"	106° 21' 40"					F-48-81-D-c
thôn Nam Lịch Động	DC	xã Đông Các	H. Đông Hưng	20° 32' 24"	106° 22' 09"					F-48-81-D-c
thôn Nam Quán	DC	xã Đông Các	H. Đông Hưng	20° 31' 58"	106° 21' 31"					F-48-81-D-c
thôn Trung Lịch Động	DC	xã Đông Các	H. Đông Hưng	20° 32' 34"	106° 22' 04"					F-48-81-D-c
cầu Đông Các	KX	xã Đông Các	H. Đông Hưng	20° 31' 54"	106° 21' 35"					F-48-81-D-c
đình Lịch Động	KX	xã Đông Các	H. Đông Hưng	20° 32' 20"	106° 22' 01"					F-48-81-D-c
Quốc lộ 10	KX	xã Đông Các	H. Đông Hưng			20° 39' 41"	106° 26' 16"	20° 26' 41"	106° 13' 01"	F-48-81-D-c
sông Tiên Hưng	TV	xã Đông Các	H. Đông Hưng			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-c
thôn Đông Khê	DC	xã Đông Cường	H. Đông Hưng	20° 33' 39"	106° 25' 58"					F-48-81-D-d
thôn Hoành Từ	DC	xã Đông Cường	H. Đông Hưng	20° 33' 38"	106° 25' 41"					F-48-81-D-d
thôn Phương Mai	DC	xã Đông Cường	H. Đông Hưng	20° 34' 31"	106° 25' 28"					F-48-81-D-d
thôn Tào Xá	DC	xã Đông Cường	H. Đông Hưng	20° 34' 26"	106° 25' 03"					F-48-81-D-d
thôn Thân Thượng	DC	xã Đông Cường	H. Đông Hưng	20° 35' 10"	106° 24' 44"					F-48-81-D-d
thôn Xuân Thọ	DC	xã Đông Cường	H. Đông Hưng	20° 33' 57"	106° 25' 25"					F-48-81-D-d
chùa Tào Xá	KX	xã Đông Cường	H. Đông Hưng	20° 34' 24"	106° 24' 32"					F-48-81-D-d
chùa Xuân Thọ	KX	xã Đông Cường	H. Đông Hưng	20° 33' 45"	106° 24' 58"					F-48-81-D-d
đền Mã Bái	KX	xã Đông Cường	H. Đông Hưng	20° 34' 12"	106° 25' 07"					F-48-81-D-d
đình Hoành Từ (Đình Tiền)	KX	xã Đông Cường	H. Đông Hưng	20° 33' 31"	106° 25' 35"					F-48-81-D-d
đình Phương Mai	KX	xã Đông Cường	H. Đông Hưng	20° 34' 26"	106° 25' 21"					F-48-81-D-d
miếu Thân Thượng	KX	xã Đông Cường	H. Đông Hưng	20° 35' 21"	106° 24' 50"					F-48-81-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Diêm Hộ	TV	xã Đông Cường	H. Đông Hưng			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-81-D-d
sông Tiên Hưng	TV	xã Đông Cường	H. Đông Hưng			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-d
thôn Cầu Thượng	DC	xã Đông Dương	H. Đông Hưng	20° 29' 54"	106° 20' 49"					F-48-93-B-a
thôn Phương Cúc	DC	xã Đông Dương	H. Đông Hưng	20° 30' 17"	106° 20' 33"					F-48-93-B-a
thôn Phương Đài	DC	xã Đông Dương	H. Đông Hưng	20° 30' 08"	106° 20' 43"					F-48-81-D-c
thôn Thượng Đạt	DC	xã Đông Dương	H. Đông Hưng	20° 29' 54"	106° 20' 34"					F-48-93-B-a
chùa Cần Tu	KX	xã Đông Dương	H. Đông Hưng	20° 29' 57"	106° 20' 58"					F-48-93-B-a
Khu công nghiệp Gia Lễ	KX	xã Đông Dương	H. Đông Hưng	20° 30' 23"	106° 21' 24"					F-48-81-D-c
Miếu Chàng	KX	xã Đông Dương	H. Đông Hưng	20° 30' 10"	106° 20' 40"					F-48-81-D-c
từ đường họ Trần	KX	xã Đông Dương	H. Đông Hưng	20° 30' 16"	106° 20' 32"					F-48-81-D-c
sông Trà Lý	TV	xã Đông Dương	H. Đông Hưng			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-81-D-c
thôn An Bài	DC	xã Đông Động	H. Đông Hưng	20° 31' 45"	106° 20' 36"					F-48-81-D-c
thôn Bến Hòa	DC	xã Đông Động	H. Đông Hưng	20° 31' 43"	106° 21' 09"					F-48-81-D-c
thôn Đống Năm	DC	xã Đông Động	H. Đông Hưng	20° 31' 31"	106° 21' 32"					F-48-81-D-c
thôn Lam Điền	DC	xã Đông Động	H. Đông Hưng	20° 31' 44"	106° 21' 45"					F-48-81-D-c
thôn Phú Điền	DC	xã Đông Động	H. Đông Hưng	20° 31' 38"	106° 21' 36"					F-48-81-D-c
thôn Quả Quyết	DC	xã Đông Động	H. Đông Hưng	20° 31' 41"	106° 21' 29"					F-48-81-D-c
thôn Trung Thành	DC	xã Đông Động	H. Đông Hưng	20° 31' 32"	106° 21' 14"					F-48-81-D-c
thôn Xuân Đài	DC	xã Đông Động	H. Đông Hưng	20° 31' 55"	106° 20' 52"					F-48-81-D-c
xóm Nam Hà	DC	xã Đông Động	H. Đông Hưng	20° 31' 13"	106° 21' 14"					F-48-81-D-c
cầu Đông Các	KX	xã Đông Động	H. Đông Hưng	20° 31' 54"	106° 21' 35"					F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Đống Năm	KX	xã Đông Động	H. Đông Hưng	20° 31' 27"	106° 21' 16"					F-48-81-D-c
Chùa Bến	KX	xã Đông Động	H. Đông Hưng	20° 31' 48"	106° 20' 58"					F-48-81-D-c
đình Bến Hòa	KX	xã Đông Động	H. Đông Hưng	20° 31' 40"	106° 21' 06"					F-48-81-D-c
Khu di tích đình, đền Quả Quyết	KX	xã Đông Động	H. Đông Hưng	20° 31' 41"	106° 21' 25"					F-48-81-D-c
Khu di tích đền, miếu Xuân Đài	KX	xã Đông Động	H. Đông Hưng	20° 31' 54"	106° 20' 47"					F-48-81-D-c
miếu Hội Lam Điền	KX	xã Đông Động	H. Đông Hưng	20° 31' 47"	106° 21' 49"					F-48-81-D-c
Quốc lộ 10	KX	xã Đông Động	H. Đông Hưng			20° 39' 41"	106° 26' 16"	20° 26' 41"	106° 13' 01"	F-48-81-D-c
từ đường Đặng Chu	KX	xã Đông Động	H. Đông Hưng	20° 31' 56"	106° 20' 53"					F-48-81-D-c
sông Sa Lung	TV	xã Đông Động	H. Đông Hưng			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-D-c
thôn An Đồng	DC	xã Đông Giang	H. Đông Hưng	20° 32' 47"	106° 23' 30"					F-48-81-D-d
thôn Đông An	DC	xã Đông Giang	H. Đông Hưng	20° 32' 51"	106° 24' 01"					F-48-81-D-d
thôn Hòa Bình	DC	xã Đông Giang	H. Đông Hưng	20° 32' 09"	106° 23' 21"					F-48-81-D-d
thôn Lương Đống	DC	xã Đông Giang	H. Đông Hưng	20° 32' 32"	106° 23' 45"					F-48-81-D-d
thôn Nam Tiến	DC	xã Đông Giang	H. Đông Hưng	20° 32' 33"	106° 23' 28"					F-48-81-D-d
xóm Bình Trực	DC	xã Đông Giang	H. Đông Hưng	20° 33' 11"	106° 23' 41"					F-48-81-D-d
xóm Đồng Quan	DC	xã Đông Giang	H. Đông Hưng	20° 32' 54"	106° 23' 32"					F-48-81-D-d
xóm Đông Trực	DC	xã Đông Giang	H. Đông Hưng	20° 32' 49"	106° 23' 56"					F-48-81-D-d
sông Tiên Hưng	TV	xã Đông Giang	H. Đông Hưng			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-d
Sông Hoài	TV	xã Đông Giang	H. Đông Hưng			20° 29' 46"	106° 26' 03"	20° 33' 13"	106° 24' 22"	F-48-81-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bắc Song	DC	xã Đông Hà	H. Đông Hưng	20° 32' 18"	106° 23' 01"					F-48-81-D-d
thôn Đồng Tâm	DC	xã Đông Hà	H. Đông Hưng	20° 32' 29"	106° 22' 50"					F-48-81-D-d
thôn Liên Hoàn	DC	xã Đông Hà	H. Đông Hưng	20° 32' 43"	106° 22' 50"					F-48-81-D-d
thôn Minh Thành	DC	xã Đông Hà	H. Đông Hưng	20° 33' 20"	106° 23' 12"					F-48-81-D-d
thôn Nam Song	DC	xã Đông Hà	H. Đông Hưng	20° 32' 04"	106° 23' 04"					F-48-81-D-d
thôn Tam Đồng	DC	xã Đông Hà	H. Đông Hưng	20° 32' 20"	106° 22' 46"					F-48-81-D-d
chùa Hoa Nghiêm	KX	xã Đông Hà	H. Đông Hưng	20° 32' 11"	106° 22' 58"					F-48-81-D-d
chùa Hoa Viên	KX	xã Đông Hà	H. Đông Hưng	20° 32' 26"	106° 22' 46"					F-48-81-D-d
Chùa Nổi	KX	xã Đông Hà	H. Đông Hưng	20° 33' 21"	106° 22' 44"					F-48-81-D-d
từ đường Tiến sỹ Phạm Cảnh	KX	xã Đông Hà	H. Đông Hưng	20° 32' 18"	106° 23' 15"					F-48-81-D-d
sông Tiên Hưng	TV	xã Đông Hà	H. Đông Hưng			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-c, F-48-81-D-d
thôn Hùng Việt	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Hưng	20° 29' 47"	106° 22' 50"					F-48-93-B-b
thôn Thái Hòa 1	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Hưng	20° 30' 09"	106° 22' 55"					F-48-81-D-d
thôn Thái Hòa 2	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Hưng	20° 30' 09"	106° 23' 03"					F-48-81-D-d
thôn Thanh Long	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Hưng	20° 29' 38"	106° 23' 12"					F-48-93-B-b
thôn Tống Khê	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Hưng	20° 30' 06"	106° 22' 39"					F-48-81-D-d
chùa Thiên Phú	KX	xã Đông Hoàng	H. Đông Hưng	20° 30' 20"	106° 22' 33"					F-48-81-D-d
đình Hùng Việt	KX	xã Đông Hoàng	H. Đông Hưng	20° 29' 49"	106° 22' 52"					F-48-93-B-b
đình Thanh Long	KX	xã Đông Hoàng	H. Đông Hưng	20° 29' 40"	106° 23' 06"					F-48-93-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
miếu Thái Hòa	KX	xã Đông Hoàng	H. Đông Hưng	20° 30' 06"	106° 22' 59"					F-48-81-D-d
Quốc lộ 39	KX	xã Đông Hoàng	H. Đông Hưng			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-D-d
sông Trà Lý	TV	xã Đông Hoàng	H. Đông Hưng			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-b
thôn Long Bối	DC	xã Đông Hợp	H. Đông Hưng	20° 32' 14"	106° 21' 01"					F-48-81-D-c
thôn Long Bối Đông	DC	xã Đông Hợp	H. Đông Hưng	20° 32' 22"	106° 21' 21"					F-48-81-D-c
thôn Phong Lôi Đông	DC	xã Đông Hợp	H. Đông Hưng	20° 32' 59"	106° 21' 20"					F-48-81-D-c
thôn Phong Lôi Tây	DC	xã Đông Hợp	H. Đông Hưng	20° 32' 48"	106° 21' 17"					F-48-81-D-c
chùa Báo Ân	KX	xã Đông Hợp	H. Đông Hưng	20° 32' 26"	106° 21' 24"					F-48-81-D-c
chùa Long Khánh	KX	xã Đông Hợp	H. Đông Hưng	20° 32' 18"	106° 20' 56"					F-48-81-D-c
đình Phong Lôi (Đình Gòi)	KX	xã Đông Hợp	H. Đông Hưng	20° 32' 57"	106° 21' 19"					F-48-81-D-c
Đình Bái (đình Long Bối)	KX	xã Đông Hợp	H. Đông Hưng	20° 32' 16"	106° 21' 01"					F-48-81-D-c
miếu Đông A	KX	xã Đông Hợp	H. Đông Hưng	20° 33' 00"	106° 21' 33"					F-48-81-D-c
Quốc lộ 10	KX	xã Đông Hợp	H. Đông Hưng			20° 39' 41"	106° 26' 16"	20° 26' 41"	106° 13' 01"	F-48-81-D-c
từ đường Phạm Công	KX	xã Đông Hợp	H. Đông Hưng	20° 32' 11"	106° 21' 05"					F-48-81-D-c
sông Tiên Hưng	TV	xã Đông Hợp	H. Đông Hưng			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-c
thôn Minh Châu	DC	xã Đông Huy	H. Đông Hưng	20° 29' 59"	106° 24' 46"					F-48-81-D-d, F-48-93-B-b
thôn Nam Châu	DC	xã Đông Huy	H. Đông Hưng	20° 30' 04"	106° 25' 10"					F-48-81-D-d, F-48-93-B-b
thôn Phong Châu	DC	xã Đông Huy	H. Đông Hưng	20° 30' 14"	106° 24' 47"					F-48-81-D-d, F-48-93-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Roanh Châu	DC	xã Đông Huy	H. Đông Hưng	20° 30' 18"	106° 25' 11"					F-48-81-D-d
Khu di tích đình, chùa Hội Châu	KX	xã Đông Huy	H. Đông Hưng	20° 29' 40"	106° 24' 44"					F-48-93-B-b
từ đường Bùi Văn	KX	xã Đông Huy	H. Đông Hưng	20° 29' 58"	106° 25' 03"					F-48-93-B-b
sông Trà Lý	TV	xã Đông Huy	H. Đông Hưng			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-b
thôn Duyên Hà	DC	xã Đông Kinh	H. Đông Hưng	20° 32' 54"	106° 24' 59"					F-48-81-D-d
thôn Kinh Hào	DC	xã Đông Kinh	H. Đông Hưng	20° 33' 09"	106° 25' 42"					F-48-81-D-d
thôn Kinh Nậu	DC	xã Đông Kinh	H. Đông Hưng	20° 32' 39"	106° 25' 42"					F-48-81-D-d
thôn Lãm Khê	DC	xã Đông Kinh	H. Đông Hưng	20° 33' 17"	106° 24' 51"					F-48-81-D-d
cầu Vô Hối	KX	xã Đông Kinh	H. Đông Hưng	20° 32' 36"	106° 26' 17"					F-48-81-D-d
chùa Duyên Hà	KX	xã Đông Kinh	H. Đông Hưng	20° 33' 00"	106° 25' 02"					F-48-81-D-d
chùa Kinh Nậu	KX	xã Đông Kinh	H. Đông Hưng	20° 32' 52"	106° 25' 27"					F-48-81-D-d
chùa Lãm Khê	KX	xã Đông Kinh	H. Đông Hưng	20° 33' 16"	106° 24' 38"					F-48-81-D-d
đền Đệ Nhị	KX	xã Đông Kinh	H. Đông Hưng	20° 32' 32"	106° 25' 37"					F-48-81-D-d
đình Duyên Hà	KX	xã Đông Kinh	H. Đông Hưng	20° 32' 54"	106° 24' 51"					F-48-81-D-d
Đường tỉnh 456	KX	xã Đông Kinh	H. Đông Hưng			20° 32' 32"	106° 26' 13"	20° 33' 26"	106° 33' 20"	F-48-81-D-d
lăng miếu Kinh Hào	KX	xã Đông Kinh	H. Đông Hưng	20° 32' 55"	106° 25' 42"					F-48-81-D-d
Quốc lộ 39	KX	xã Đông Kinh	H. Đông Hưng			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-D-d
Trung tâm điều dưỡng người tâm thần có công tỉnh Thái Bình	KX	xã Đông Kinh	H. Đông Hưng	20° 32' 37"	106° 26' 10"					F-48-81-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
từ đường và phần mộ Đình Nguyên hoàng giáp Bùi Sĩ Tiêm	KX	xã Đông Kinh	H. Đông Hưng	20° 33' 10"	106° 25' 43"					F-48-81-D-d
sông Diêm Hộ	TV	xã Đông Kinh	H. Đông Hưng			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-81-D-d
Sông Hoài	TV	xã Đông Kinh	H. Đông Hưng			20° 29' 46"	106° 26' 03"	20° 33' 13"	106° 24' 22"	F-48-81-D-d
sông Tiên Hưng	TV	xã Đông Kinh	H. Đông Hưng			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-d
thôn Anh Dũng	DC	xã Đông La	H. Đông Hưng	20° 34' 09"	106° 21' 39"					F-48-81-D-c
thôn Bảo Châu	DC	xã Đông La	H. Đông Hưng	20° 33' 53"	106° 21' 53"					F-48-81-D-c
thôn Cổ Dũng 1	DC	xã Đông La	H. Đông Hưng	20° 34' 14"	106° 21' 36"					F-48-81-D-c
thôn Cổ Dũng 2	DC	xã Đông La	H. Đông Hưng	20° 33' 49"	106° 21' 12"					F-48-81-D-c
thôn Đồng Lệ	DC	xã Đông La	H. Đông Hưng	20° 33' 48"	106° 21' 36"					F-48-81-D-c
thôn Đồng Vi	DC	xã Đông La	H. Đông Hưng	20° 33' 55"	106° 22' 12"					F-48-81-D-c
thôn Thuần Túy	DC	xã Đông La	H. Đông Hưng	20° 34' 33"	106° 21' 10"					F-48-81-D-c
Cầu Rí	KX	xã Đông La	H. Đông Hưng	20° 34' 22"	106° 20' 36"					F-48-81-D-c
chùa Long Am	KX	xã Đông La	H. Đông Hưng	20° 33' 33"	106° 22' 12"					F-48-81-D-c
đền Bảo Châu	KX	xã Đông La	H. Đông Hưng	20° 34' 01"	106° 21' 42"					F-48-81-D-c
đình Cổ Dũng	KX	xã Đông La	H. Đông Hưng	20° 34' 11"	106° 21' 33"					F-48-81-D-c
đình Thuần Túy	KX	xã Đông La	H. Đông Hưng	20° 34' 36"	106° 21' 13"					F-48-81-D-c
Đền Nghè	KX	xã Đông La	H. Đông Hưng	20° 34' 12"	106° 21' 29"					F-48-81-D-c
Miếu Đạt	KX	xã Đông La	H. Đông Hưng	20° 34' 15"	106° 21' 33"					F-48-81-D-c
Quốc lộ 10	KX	xã Đông La	H. Đông Hưng			20° 39' 41"	106° 26' 16"	20° 26' 41"	106° 13' 01"	F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
từ đường Bùi Văn	KX	xã Đông La	H. Đông Hưng	20° 33' 52"	106° 22' 08"					F-48-81-D-c
từ đường Hoàng Xuân	KX	xã Đông La	H. Đông Hưng	20° 34' 34"	106° 21' 11"					F-48-81-D-c
từ đường Lê Ngọc	KX	xã Đông La	H. Đông Hưng	20° 33' 59"	106° 21' 47"					F-48-81-D-c
từ đường Mai Quý	KX	xã Đông La	H. Đông Hưng	20° 33' 57"	106° 21' 40"					F-48-81-D-c
từ đường Vũ Gia	KX	xã Đông La	H. Đông Hưng	20° 34' 14"	106° 21' 39"					F-48-81-D-c
sông Tiên Hưng	TV	xã Đông La	H. Đông Hưng			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-c
sông Yên Lộng	TV	xã Đông La	H. Đông Hưng			20° 41' 22"	106° 17' 57"	20° 34' 20"	106° 20' 37"	F-48-81-D-c
thôn Đông An	DC	xã Đông Lĩnh	H. Đông Hưng	20° 30' 31"	106° 25' 12"					F-48-81-D-d
thôn Tân Phương	DC	xã Đông Lĩnh	H. Đông Hưng	20° 30' 10"	106° 26' 08"					F-48-81-D-d
thôn Vạn Minh	DC	xã Đông Lĩnh	H. Đông Hưng	20° 30' 51"	106° 25' 21"					F-48-81-D-d
thôn Vạn Toàn	DC	xã Đông Lĩnh	H. Đông Hưng	20° 30' 59"	106° 25' 26"					F-48-81-D-d
thôn Xuân Phong	DC	xã Đông Lĩnh	H. Đông Hưng	20° 30' 42"	106° 25' 28"					F-48-81-D-d
xóm Đoàn Bắc	DC	xã Đông Lĩnh	H. Đông Hưng	20° 30' 33"	106° 25' 14"					F-48-81-D-d
xóm Đông Tiến	DC	xã Đông Lĩnh	H. Đông Hưng	20° 30' 56"	106° 25' 45"					F-48-81-D-d
xóm Lạc Hồng	DC	xã Đông Lĩnh	H. Đông Hưng	20° 30' 34"	106° 25' 23"					F-48-81-D-d
xóm Minh Dân	DC	xã Đông Lĩnh	H. Đông Hưng	20° 30' 50"	106° 25' 00"					F-48-81-D-d
xóm Quảng Lạc	DC	xã Đông Lĩnh	H. Đông Hưng	20° 30' 22"	106° 25' 32"					F-48-81-D-d, F-48-93-B-b
chùa Đông An	KX	xã Đông Lĩnh	H. Đông Hưng	20° 30' 32"	106° 25' 08"					F-48-81-D-d
đình Xuân Phong	KX	xã Đông Lĩnh	H. Đông Hưng	20° 30' 45"	106° 25' 43"					F-48-81-D-d
Sông Hoài	TV	xã Đông Lĩnh	H. Đông Hưng			20° 29' 46"	106° 26' 03"	20° 33' 13"	106° 24' 22"	F-48-81-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Trà Lý	TV	xã Đông Lĩnh	H. Đông Hưng			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-b
thôn Châu Giang	DC	xã Đông Phong	H. Đông Hưng	20° 30' 45"	106° 24' 16"					F-48-81-D-d
thôn Cổ Hội Đông	DC	xã Đông Phong	H. Đông Hưng	20° 30' 46"	106° 24' 42"					F-48-81-D-d
thôn Cổ Hội Tây	DC	xã Đông Phong	H. Đông Hưng	20° 30' 50"	106° 24' 32"					F-48-81-D-d
thôn Thượng Phú	DC	xã Đông Phong	H. Đông Hưng	20° 30' 30"	106° 24' 52"					F-48-81-D-d
chùa Lan Thành	KX	xã Đông Phong	H. Đông Hưng	20° 30' 36"	106° 24' 08"					F-48-81-D-d
đình Cổ Hội	KX	xã Đông Phong	H. Đông Hưng	20° 30' 57"	106° 24' 34"					F-48-81-D-d
đình Thượng Phú	KX	xã Đông Phong	H. Đông Hưng	20° 30' 35"	106° 24' 54"					F-48-81-D-d
nhà tưởng niệm Nguyễn Văn Năng	KX	xã Đông Phong	H. Đông Hưng	20° 30' 36"	106° 24' 53"					F-48-81-D-d
Quốc lộ 39	KX	xã Đông Phong	H. Đông Hưng			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-D-d
Sông Hoài	TV	xã Đông Phong	H. Đông Hưng			20° 29' 46"	106° 26' 03"	20° 33' 13"	106° 24' 22"	F-48-81-D-d
sông Sa Lung	TV	xã Đông Phong	H. Đông Hưng			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-D-d
thôn Cao Phú	DC	xã Đồng Phú	H. Đông Hưng	20° 30' 50"	106° 18' 27"					F-48-81-D-c
thôn Đồng Cống	DC	xã Đồng Phú	H. Đông Hưng	20° 30' 55"	106° 17' 52"					F-48-81-D-c
thôn Phú Vinh	DC	xã Đồng Phú	H. Đông Hưng	20° 31' 30"	106° 18' 03"					F-48-81-D-c
chùa Trình Lâm	KX	xã Đồng Phú	H. Đông Hưng	20° 31' 11"	106° 18' 08"					F-48-81-D-c
tuyến đò Cống Vực	KX	xã Đồng Phú	H. Đông Hưng	20° 30' 47"	106° 17' 43"					F-48-81-D-c
từ đường họ Bùi Đăng	KX	xã Đồng Phú	H. Đông Hưng	20° 30' 51"	106° 17' 55"					F-48-81-D-c
từ đường họ Phạm Đồng	KX	xã Đồng Phú	H. Đông Hưng	20° 31' 25"	106° 17' 57"					F-48-81-D-c
sông Sa Lung	TV	xã Đồng Phú	H. Đông Hưng			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Trà Lý	TV	xã Đồng Phú	H. Đông Hưng			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-81-D-c
thôn Bình Minh	DC	xã Đông Phương	H. Đông Hưng	20° 35' 33"	106° 23' 43"					F-48-81-D-d
Thôn Đông	DC	xã Đông Phương	H. Đông Hưng	20° 35' 05"	106° 23' 57"					F-48-81-D-d
thôn Đại Phú	DC	xã Đông Phương	H. Đông Hưng	20° 35' 36"	106° 23' 19"					F-48-81-D-d
Thôn Nam	DC	xã Đông Phương	H. Đông Hưng	20° 34' 47"	106° 23' 34"					F-48-81-D-d
Thôn Thượng	DC	xã Đông Phương	H. Đông Hưng	20° 35' 12"	106° 23' 49"					F-48-81-D-d
Thôn Trung	DC	xã Đông Phương	H. Đông Hưng	20° 34' 59"	106° 23' 34"					F-48-81-D-d
thôn Trần Phú	DC	xã Đông Phương	H. Đông Hưng	20° 35' 28"	106° 23' 25"					F-48-81-D-d
xóm Minh Khai	DC	xã Đông Phương	H. Đông Hưng	20° 35' 15"	106° 24' 16"					F-48-81-D-d
xóm Quốc Tuấn	DC	xã Đông Phương	H. Đông Hưng	20° 35' 28"	106° 24' 54"					F-48-81-D-d
Chùa Linh	KX	xã Đông Phương	H. Đông Hưng	20° 34' 34"	106° 23' 44"					F-48-81-D-d
đình Quốc Tuấn	KX	xã Đông Phương	H. Đông Hưng	20° 35' 34"	106° 25' 00"					F-48-81-D-d
Đền Thượng	KX	xã Đông Phương	H. Đông Hưng	20° 35' 35"	106° 23' 39"					F-48-81-D-d
Đình Lưu	KX	xã Đông Phương	H. Đông Hưng	20° 35' 09"	106° 23' 28"					F-48-81-D-d
tuyến đò Vàng	KX	xã Đông Phương	H. Đông Hưng	20° 35' 54"	106° 23' 54"					F-48-81-D-d
sông Diêm Hộ	TV	xã Đông Phương	H. Đông Hưng			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-81-D-d
thôn Cộng Hòa	DC	xã Đông Quang	H. Đông Hưng	20° 30' 48"	106° 21' 25"					F-48-81-D-c
thôn Hồng Phong	DC	xã Đông Quang	H. Đông Hưng	20° 30' 51"	106° 20' 60"					F-48-81-D-c
thôn Hưng Đạo Đông	DC	xã Đông Quang	H. Đông Hưng	20° 31' 12"	106° 20' 44"					F-48-81-D-c
thôn Hưng Đạo Tây	DC	xã Đông Quang	H. Đông Hưng	20° 31' 17"	106° 20' 24"					F-48-81-D-c
Thôn Năm	DC	xã Đông Quang	H. Đông Hưng	20° 30' 49"	106° 20' 32"					F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tô Hiệu	DC	xã Đông Quang	H. Đông Hưng	20° 30' 24"	106° 21' 10"					F-48-81-D-c
đình Hưng Đạo	KX	xã Đông Quang	H. Đông Hưng	20° 31' 17"	106° 20' 30"					F-48-81-D-c
Đình Miễu	KX	xã Đông Quang	H. Đông Hưng	20° 30' 29"	106° 21' 11"					F-48-81-D-c
Khu công nghiệp Gia Lễ	KX	xã Đông Quang	H. Đông Hưng	20° 30' 23"	106° 21' 24"					F-48-81-D-c
Quốc lộ 10	KX	xã Đông Quang	H. Đông Hưng			20° 39' 41"	106° 26' 16"	20° 26' 41"	106° 13' 01"	F-48-81-D-c
từ đường Tiến sĩ Đào Vũ Thường	KX	xã Đông Quang	H. Đông Hưng	20° 30' 50"	106° 20' 35"					F-48-81-D-c
sông Sa Lung	TV	xã Đông Quang	H. Đông Hưng			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-D-c
Thôn Bắc	DC	xã Đông Sơn	H. Đông Hưng	20° 34' 51"	106° 22' 21"					F-48-81-D-c, F-48-81-D-d
Thôn Đông	DC	xã Đông Sơn	H. Đông Hưng	20° 34' 35"	106° 22' 33"					F-48-81-D-d, F-48-81-D-c
Thôn Nam	DC	xã Đông Sơn	H. Đông Hưng	20° 34' 21"	106° 22' 10"					F-48-81-D-c
thôn Nam Dụ	DC	xã Đông Sơn	H. Đông Hưng	20° 35' 19"	106° 21' 34"					F-48-81-D-c
thôn Phấn Dũng	DC	xã Đông Sơn	H. Đông Hưng	20° 34' 48"	106° 21' 41"					F-48-81-D-c
Thôn Trung	DC	xã Đông Sơn	H. Đông Hưng	20° 34' 33"	106° 22' 13"					F-48-81-D-c
Chùa Đọ	KX	xã Đông Sơn	H. Đông Hưng	20° 34' 51"	106° 22' 16"					F-48-81-D-c
chùa Hưng Phúc (Chùa Quai)	KX	xã Đông Sơn	H. Đông Hưng	20° 34' 48"	106° 21' 39"					F-48-81-D-c
đình Đào Xá	KX	xã Đông Sơn	H. Đông Hưng	20° 34' 34"	106° 22' 31"					F-48-81-D-d
Đền Rò	KX	xã Đông Sơn	H. Đông Hưng	20° 35' 18"	106° 21' 34"					F-48-81-D-c
Đình Tầu	KX	xã Đông Sơn	H. Đông Hưng	20° 34' 24"	106° 22' 14"					F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền Thánh Mẫu	KX	xã Đông Sơn	H. Đông Hưng	20° 34' 40"	106° 22' 16"					F-48-81-D-c
Đường tỉnh 396B	KX	xã Đông Sơn	H. Đông Hưng			20° 41' 31"	106° 18' 09"	20° 35' 23"	106° 22' 05"	F-48-81-D-c
làng nghề Thảm len Đại Đồng	KX	xã Đông Sơn	H. Đông Hưng	20° 34' 36"	106° 22' 14"					F-48-81-D-c
Miếu Bắc	KX	xã Đông Sơn	H. Đông Hưng	20° 34' 53"	106° 22' 23"					F-48-81-D-c
Ngã ba Đọ	KX	xã Đông Sơn	H. Đông Hưng	20° 35' 23"	106° 22' 05"					F-48-81-D-c
Quốc lộ 10	KX	xã Đông Sơn	H. Đông Hưng			20° 39' 41"	106° 26' 16"	20° 26' 41"	106° 13' 01"	F-48-81-D-c
từ đường Phạm Huy Quang	KX	xã Đông Sơn	H. Đông Hưng	20° 34' 31"	106° 22' 12"					F-48-81-D-c
thôn Đông Thượng Liệt	DC	xã Đông Tân	H. Đông Hưng	20° 32' 01"	106° 26' 06"					F-48-81-D-d
thôn Lại Xá	DC	xã Đông Tân	H. Đông Hưng	20° 32' 09"	106° 25' 01"					F-48-81-D-d
thôn Phù Xa	DC	xã Đông Tân	H. Đông Hưng	20° 32' 01"	106° 24' 18"					F-48-81-D-d
thôn Tây Thượng Liệt	DC	xã Đông Tân	H. Đông Hưng	20° 32' 01"	106° 25' 34"					F-48-81-D-d
thôn Vĩnh Ninh	DC	xã Đông Tân	H. Đông Hưng	20° 31' 36"	106° 24' 60"					F-48-81-D-d
cầu Vô Hối	KX	xã Đông Tân	H. Đông Hưng	20° 32' 36"	106° 26' 17"					F-48-81-D-d
Chùa Lan	KX	xã Đông Tân	H. Đông Hưng	20° 32' 14"	106° 24' 51"					F-48-81-D-d
Khu di tích đình, chùa Thượng Liệt	KX	xã Đông Tân	H. Đông Hưng	20° 32' 01"	106° 25' 43"					F-48-81-D-d
Đường tỉnh 456	KX	xã Đông Tân	H. Đông Hưng			20° 32' 32"	106° 26' 13"	20° 33' 26"	106° 33' 20"	F-48-81-D-d
Đường tỉnh 457	KX	xã Đông Tân	H. Đông Hưng			20° 32' 03"	106° 25' 13"	20° 23' 27"	106° 26' 28"	F-48-81-D-d
Quốc lộ 39	KX	xã Đông Tân	H. Đông Hưng			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-D-d
sông Diêm Hộ	TV	xã Đông Tân	H. Đông Hưng			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-81-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Hoài	TV	xã Đông Tân	H. Đông Hưng			20° 29' 46"	106° 26' 03"	20° 33' 13"	106° 24' 22"	F-48-81-D-d
sông Tiên Hưng	TV	xã Đông Tân	H. Đông Hưng			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-c
thôn Bắc Đồng Hải	DC	xã Đông Vinh	H. Đông Hưng	20° 31' 51"	106° 23' 40"					F-48-81-D-d
thôn Đông Đồng Hải	DC	xã Đông Vinh	H. Đông Hưng	20° 31' 39"	106° 23' 51"					F-48-81-D-d
thôn Đồng Lang	DC	xã Đông Vinh	H. Đông Hưng	20° 32' 01"	106° 23' 48"					F-48-81-D-d
thôn Nam Đồng Hải	DC	xã Đông Vinh	H. Đông Hưng	20° 31' 37"	106° 23' 42"					F-48-81-D-d
thôn Tây Đồng Hải	DC	xã Đông Vinh	H. Đông Hưng	20° 31' 39"	106° 23' 30"					F-48-81-D-d
thôn Tế Quan	DC	xã Đông Vinh	H. Đông Hưng	20° 31' 18"	106° 22' 46"					F-48-81-D-d
thôn Văn Ông Đoài	DC	xã Đông Vinh	H. Đông Hưng	20° 31' 24"	106° 23' 07"					F-48-81-D-d
thôn Văn Ông Đông	DC	xã Đông Vinh	H. Đông Hưng	20° 31' 25"	106° 23' 29"					F-48-81-D-d
thôn Văn Ông Trung	DC	xã Đông Vinh	H. Đông Hưng	20° 31' 23"	106° 23' 20"					F-48-81-D-d
đình Đồng Lang	KX	xã Đông Vinh	H. Đông Hưng	20° 32' 01"	106° 23' 50"					F-48-81-D-d
Sông Hoài	TV	xã Đông Vinh	H. Đông Hưng			20° 29' 46"	106° 26' 03"	20° 33' 13"	106° 24' 22"	F-48-81-D-d
sông Sa Lung	TV	xã Đông Vinh	H. Đông Hưng			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-D-c, F-48-81-D-d
thôn Bắc Bình Cách	DC	xã Đông Xá	H. Đông Hưng	20° 33' 49"	106° 23' 35"					F-48-81-D-d
thôn Đông Bình Cách	DC	xã Đông Xá	H. Đông Hưng	20° 33' 42"	106° 23' 44"					F-48-81-D-d
thôn Tân Tích	DC	xã Đông Xá	H. Đông Hưng	20° 33' 20"	106° 24' 08"					F-48-81-D-d
thôn Tây Bình Cách	DC	xã Đông Xá	H. Đông Hưng	20° 33' 35"	106° 23' 18"					F-48-81-D-d
Khu di tích đình, đền, chùa Bình Cách	KX	xã Đông Xá	H. Đông Hưng	20° 33' 34"	106° 23' 24"					F-48-81-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Tiên Hưng	TV	xã Đông Xá	H. Đông Hưng			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-c, F-48-81-D-d
thôn Ký Con	DC	xã Đông Xuân	H. Đông Hưng	20° 30' 37"	106° 22' 10"					F-48-81-D-c
thôn Lê Lợi I	DC	xã Đông Xuân	H. Đông Hưng	20° 30' 41"	106° 21' 46"					F-48-81-D-c
thôn Lê Lợi II	DC	xã Đông Xuân	H. Đông Hưng	20° 30' 36"	106° 21' 31"					F-48-81-D-c
thôn Quang Trung	DC	xã Đông Xuân	H. Đông Hưng	20° 30' 53"	106° 22' 09"					F-48-81-D-c
cầu An Lễ	KX	xã Đông Xuân	H. Đông Hưng	20° 30' 11"	106° 21' 33"					F-48-81-D-c
chùa Thiên Quý	KX	xã Đông Xuân	H. Đông Hưng	20° 30' 37"	106° 22' 01"					F-48-81-D-c
Đình Cộm	KX	xã Đông Xuân	H. Đông Hưng	20° 31' 13"	106° 22' 05"					F-48-81-D-c
Đình Kênh	KX	xã Đông Xuân	H. Đông Hưng	20° 30' 38"	106° 22' 08"					F-48-81-D-c
Đình Nha	KX	xã Đông Xuân	H. Đông Hưng	20° 30' 42"	106° 21' 53"					F-48-81-D-c
Đình Quán	KX	xã Đông Xuân	H. Đông Hưng	20° 30' 44"	106° 21' 42"					F-48-81-D-c
Khu công nghiệp Gia Lễ	KX	xã Đông Xuân	H. Đông Hưng	20° 30' 23"	106° 21' 24"					F-48-81-D-c
Quốc lộ 10	KX	xã Đông Xuân	H. Đông Hưng			20° 39' 41"	106° 26' 16"	20° 26' 41"	106° 13' 01"	F-48-81-D-c
sông Sa Lung	TV	xã Đông Xuân	H. Đông Hưng			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-D-c, F-48-81-D-d
Thôn 1 (làng Phú La)	DC	xã Đô Lương	H. Đông Hưng	20° 36' 03"	106° 19' 58"					F-48-81-D-c
Thôn 2 (làng Phú La)	DC	xã Đô Lương	H. Đông Hưng	20° 35' 44"	106° 19' 58"					F-48-81-D-c
Thôn 3 (làng Phú La)	DC	xã Đô Lương	H. Đông Hưng	20° 35' 45"	106° 19' 43"					F-48-81-D-c
Thôn 4 (làng Phú La)	DC	xã Đô Lương	H. Đông Hưng	20° 35' 55"	106° 19' 44"					F-48-81-D-c
Thôn 5 (làng Tiến Trật)	DC	xã Đô Lương	H. Đông Hưng	20° 36' 14"	106° 19' 07"					F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 6 (làng Tiến Trật)	DC	xã Đô Lương	H. Đông Hưng	20° 36' 26"	106° 19' 17"					F-48-81-D-c
chùa Hưng Khánh	KX	xã Đô Lương	H. Đông Hưng	20° 35' 48"	106° 19' 54"					F-48-81-D-c
đền Tiến Trật	KX	xã Đô Lương	H. Đông Hưng	20° 36' 14"	106° 19' 02"					F-48-81-D-c
đường Thái Bình - Hà Nam	KX	xã Đô Lương	H. Đông Hưng			20° 35' 34"	106° 07' 40"	20° 36' 37"	106° 22' 42"	F-48-81-D-c
Miếu Cả	KX	xã Đô Lương	H. Đông Hưng	20° 36' 02"	106° 19' 51"					F-48-81-D-c
sông Yên Lộng	TV	xã Đô Lương	H. Đông Hưng			20° 41' 22"	106° 17' 57"	20° 34' 20"	106° 20' 37"	F-48-81-D-c
thôn An Bài	DC	xã Hoa Lư	H. Đông Hưng	20° 31' 49"	106° 17' 02"					F-48-81-D-c
thôn Kim Bôi	DC	xã Hoa Lư	H. Đông Hưng	20° 32' 07"	106° 17' 08"					F-48-81-D-c
thôn Lễ Nghĩa	DC	xã Hoa Lư	H. Đông Hưng	20° 32' 16"	106° 16' 47"					F-48-81-D-c
thôn Nguyên Lâm	DC	xã Hoa Lư	H. Đông Hưng	20° 31' 58"	106° 16' 23"					F-48-81-D-c
thôn Tân Lập	DC	xã Hoa Lư	H. Đông Hưng	20° 32' 25"	106° 17' 29"					F-48-81-D-c
cầu Cao Mỗ	KX	xã Hoa Lư	H. Đông Hưng	20° 32' 26"	106° 17' 30"					F-48-81-D-c
cây đa Chợ Khô	KX	xã Hoa Lư	H. Đông Hưng	20° 31' 57"	106° 16' 24"					F-48-81-D-c
đình Lễ Nghĩa	KX	xã Hoa Lư	H. Đông Hưng	20° 32' 19"	106° 16' 43"					F-48-81-D-c
Quốc lộ 39	KX	xã Hoa Lư	H. Đông Hưng			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-D-c
sông Sa Lung	TV	xã Hoa Lư	H. Đông Hưng			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-D-c
thôn An Lễ	DC	xã Hoa Nam	H. Đông Hưng	20° 31' 31"	106° 17' 09"					F-48-81-D-c
thôn Chiến Thắng	DC	xã Hoa Nam	H. Đông Hưng	20° 30' 51"	106° 16' 60"					F-48-81-D-c
thôn Thống Nhất	DC	xã Hoa Nam	H. Đông Hưng	20° 30' 39"	106° 16' 59"					F-48-81-D-c
thôn Vạn Thắng	DC	xã Hoa Nam	H. Đông Hưng	20° 31' 16"	106° 16' 50"					F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình An Lễ	KX	xã Hoa Nam	H. Đông Hưng	20° 31' 33"	106° 17' 05"					F-48-81-D-c
sông Trà Lý	TV	xã Hoa Nam	H. Đông Hưng			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-81-D-c
thôn An Ry	DC	xã Hồng Châu	H. Đông Hưng	20° 31' 00"	106° 15' 44"					F-48-81-D-c
thôn Cộng Hòa	DC	xã Hồng Châu	H. Đông Hưng	20° 31' 12"	106° 15' 23"					F-48-81-D-c
thôn Đoàn Kết	DC	xã Hồng Châu	H. Đông Hưng	20° 31' 42"	106° 15' 53"					F-48-81-D-c
thôn Hưng Tiến	DC	xã Hồng Châu	H. Đông Hưng	20° 31' 26"	106° 15' 58"					F-48-81-D-c
thôn Quyết Thắng	DC	xã Hồng Châu	H. Đông Hưng	20° 31' 40"	106° 15' 04"					F-48-81-D-c
thôn Văn Thụ	DC	xã Hồng Châu	H. Đông Hưng	20° 31' 53"	106° 15' 58"					F-48-81-D-c
Chùa Bơn	KX	xã Hồng Châu	H. Đông Hưng	20° 31' 13"	106° 15' 18"					F-48-81-D-c
chùa Quán Xá	KX	xã Hồng Châu	H. Đông Hưng	20° 31' 40"	106° 15' 50"					F-48-81-D-c
thôn Đông Đô	DC	xã Hồng Giang	H. Đông Hưng	20° 30' 51"	106° 16' 09"					F-48-81-D-c
thôn Đông Thành	DC	xã Hồng Giang	H. Đông Hưng	20° 30' 34"	106° 16' 13"					F-48-81-D-c
thôn Long Tiên	DC	xã Hồng Giang	H. Đông Hưng	20° 30' 42"	106° 15' 59"					F-48-81-D-c
thôn Nam An	DC	xã Hồng Giang	H. Đông Hưng	20° 30' 44"	106° 16' 16"					F-48-81-D-c
thôn Tân Tiến	DC	xã Hồng Giang	H. Đông Hưng	20° 30' 11"	106° 16' 54"					F-48-81-D-c
thôn Tây Chí	DC	xã Hồng Giang	H. Đông Hưng	20° 30' 37"	106° 15' 54"					F-48-81-D-c
thôn Vạn Lập	DC	xã Hồng Giang	H. Đông Hưng	20° 30' 03"	106° 16' 38"					F-48-81-D-c, F-48-93-B-a
sông Trà Lý	TV	xã Hồng Giang	H. Đông Hưng			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-81-D-c, F-48-93-B-a
thôn Bá Thôn I	DC	xã Hồng Việt	H. Đông Hưng	20° 32' 10"	106° 15' 23"					F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bá Thôn II	DC	xã Hồng Việt	H. Đông Hưng	20° 32' 11"	106° 15' 12"					F-48-81-D-c
Thôn Đoài	DC	xã Hồng Việt	H. Đông Hưng	20° 32' 44"	106° 15' 05"					F-48-81-D-c
Thôn Đông	DC	xã Hồng Việt	H. Đông Hưng	20° 32' 38"	106° 15' 22"					F-48-81-D-c
thôn Quán Thôn	DC	xã Hồng Việt	H. Đông Hưng	20° 32' 58"	106° 15' 36"					F-48-81-D-c
Thôn Tứ	DC	xã Hồng Việt	H. Đông Hưng	20° 32' 33"	106° 15' 03"					F-48-81-D-c
đình Bá Thôn	KX	xã Hồng Việt	H. Đông Hưng	20° 32' 06"	106° 15' 18"					F-48-81-D-c
Đình Đoài	KX	xã Hồng Việt	H. Đông Hưng	20° 32' 42"	106° 15' 01"					F-48-81-D-c
Đình Đông	KX	xã Hồng Việt	H. Đông Hưng	20° 32' 45"	106° 15' 20"					F-48-81-D-c
lăng Thái Bảo	KX	xã Hồng Việt	H. Đông Hưng	20° 32' 35"	106° 14' 40"					F-48-81-D-c
nhà thờ Nguyễn Sơn	KX	xã Hồng Việt	H. Đông Hưng	20° 32' 10"	106° 15' 24"					F-48-81-D-c
nhà tưởng niệm Đồng chí Trương Thủy	KX	xã Hồng Việt	H. Đông Hưng	20° 32' 09"	106° 15' 29"					F-48-81-D-c
từ đường và lăng mộ Lương Quy Chính	KX	xã Hồng Việt	H. Đông Hưng	20° 32' 39"	106° 15' 22"					F-48-81-D-c
sông Sa Lung	TV	xã Hồng Việt	H. Đông Hưng			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-D-c
thôn Ái Quốc	DC	xã Hợp Tiến	H. Đông Hưng	20° 33' 53"	106° 17' 48"					F-48-81-D-c
thôn Tân Bình	DC	xã Hợp Tiến	H. Đông Hưng	20° 33' 09"	106° 18' 40"					F-48-81-D-c
thôn Tân Hòa	DC	xã Hợp Tiến	H. Đông Hưng	20° 33' 30"	106° 17' 42"					F-48-81-D-c
thôn Tân Tiến	DC	xã Hợp Tiến	H. Đông Hưng	20° 33' 28"	106° 18' 38"					F-48-81-D-c
thôn Tiến Thắng	DC	xã Hợp Tiến	H. Đông Hưng	20° 33' 21"	106° 18' 27"					F-48-81-D-c
xóm Bạch Đằng	DC	xã Hợp Tiến	H. Đông Hưng	20° 32' 42"	106° 18' 46"					F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bình Định	DC	xã Hợp Tiến	H. Đông Hưng	20° 33' 02"	106° 18' 47"					F-48-81-D-c
xóm Dũng Tiến	DC	xã Hợp Tiến	H. Đông Hưng	20° 33' 23"	106° 18' 45"					F-48-81-D-c
xóm Hòa Bình	DC	xã Hợp Tiến	H. Đông Hưng	20° 33' 23"	106° 17' 40"					F-48-81-D-c
xóm Thái Học	DC	xã Hợp Tiến	H. Đông Hưng	20° 33' 34"	106° 17' 34"					F-48-81-D-c
chùa Thổ Khối	KX	xã Hợp Tiến	H. Đông Hưng	20° 33' 28"	106° 18' 32"					F-48-81-D-c
Chùa Dim (chùa Bạch Mã)	KX	xã Hợp Tiến	H. Đông Hưng	20° 33' 09"	106° 17' 45"					F-48-81-D-c
Quốc lộ 39	KX	xã Hợp Tiến	H. Đông Hưng			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-D-c
sông Tiên Hưng	TV	xã Hợp Tiến	H. Đông Hưng			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-c
thôn Ba Vì	DC	xã Liên Giang	H. Đông Hưng	20° 34' 44"	106° 20' 11"					F-48-81-D-c
thôn Kim Ngọc I	DC	xã Liên Giang	H. Đông Hưng	20° 35' 05"	106° 20' 19"					F-48-81-D-c
thôn Kim Ngọc II	DC	xã Liên Giang	H. Đông Hưng	20° 35' 11"	106° 20' 27"					F-48-81-D-c
thôn Kim Ngọc III	DC	xã Liên Giang	H. Đông Hưng	20° 35' 21"	106° 20' 41"					F-48-81-D-c
thôn Minh Hồng	DC	xã Liên Giang	H. Đông Hưng	20° 35' 27"	106° 21' 06"					F-48-81-D-c
Cầu Rí	KX	xã Liên Giang	H. Đông Hưng	20° 34' 22"	106° 20' 36"					F-48-81-D-c
Đền Sảnh	KX	xã Liên Giang	H. Đông Hưng	20° 35' 15"	106° 20' 25"					F-48-81-D-c
sông Tiên Hưng	TV	xã Liên Giang	H. Đông Hưng			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-c
sông Yên Lộng	TV	xã Liên Giang	H. Đông Hưng			20° 41' 22"	106° 17' 57"	20° 34' 20"	106° 20' 37"	F-48-81-D-c
thôn An Bình	DC	xã Lô Giang	H. Đông Hưng	20° 34' 43"	106° 17' 19"					F-48-81-D-c
thôn Hoàng Nông	DC	xã Lô Giang	H. Đông Hưng	20° 33' 51"	106° 17' 09"					F-48-81-D-c
thôn Minh Đức	DC	xã Lô Giang	H. Đông Hưng	20° 34' 45"	106° 17' 09"					F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phú Nông	DC	xã Lô Giang	H. Đông Hưng	20° 33' 34"	106° 17' 06"					F-48-81-D-c
xóm Quyết Lập	DC	xã Lô Giang	H. Đông Hưng	20° 34' 45"	106° 17' 06"					F-48-81-D-c
Đường tỉnh 455	KX	xã Lô Giang	H. Đông Hưng			20° 33' 12"	106° 16' 35"	20° 33' 09"	106° 28' 10"	F-48-81-D-c
sông Tiên Hưng	TV	xã Lô Giang	H. Đông Hưng			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-c
thôn An Thái	DC	xã Mê Linh	H. Đông Hưng	20° 34' 19"	106° 17' 40"					F-48-81-D-c
thôn An Vĩnh	DC	xã Mê Linh	H. Đông Hưng	20° 34' 36"	106° 18' 32"					F-48-81-D-c
Thôn Đầm	DC	xã Mê Linh	H. Đông Hưng	20° 33' 40"	106° 18' 25"					F-48-81-D-c
Thôn Đoài	DC	xã Mê Linh	H. Đông Hưng	20° 34' 33"	106° 18' 10"					F-48-81-D-c
Thôn Hậu	DC	xã Mê Linh	H. Đông Hưng	20° 34' 43"	106° 18' 23"					F-48-81-D-c
Thôn Hữu	DC	xã Mê Linh	H. Đông Hưng	20° 34' 49"	106° 18' 02"					F-48-81-D-c
Thôn Tiền	DC	xã Mê Linh	H. Đông Hưng	20° 34' 27"	106° 18' 20"					F-48-81-D-c
xóm Quyết Trung	DC	xã Mê Linh	H. Đông Hưng	20° 34' 03"	106° 18' 50"					F-48-81-D-c
Chùa Cả	KX	xã Mê Linh	H. Đông Hưng	20° 34' 39"	106° 18' 11"					F-48-81-D-c
miếu thờ Tiến sỹ Nguyễn Thành	KX	xã Mê Linh	H. Đông Hưng	20° 34' 35"	106° 18' 28"					F-48-81-D-c
sông Tiên Hưng	TV	xã Mê Linh	H. Đông Hưng			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-c
thôn Thọ Hưng	DC	xã Minh Châu	H. Đông Hưng	20° 31' 45"	106° 18' 40"					F-48-81-D-c
thôn Thọ Nam	DC	xã Minh Châu	H. Đông Hưng	20° 31' 29"	106° 18' 28"					F-48-81-D-c
thôn Thọ Sơn	DC	xã Minh Châu	H. Đông Hưng	20° 32' 12"	106° 18' 22"					F-48-81-D-c
thôn Thọ Tiến	DC	xã Minh Châu	H. Đông Hưng	20° 31' 45"	106° 18' 28"					F-48-81-D-c
thôn Thọ Trung	DC	xã Minh Châu	H. Đông Hưng	20° 31' 32"	106° 18' 32"					F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Hoa Long	KX	xã Minh Châu	H. Đông Hưng	20° 31' 44"	106° 18' 31"					F-48-81-D-c
Quốc lộ 39	KX	xã Minh Châu	H. Đông Hưng			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-D-c
sông Sa Lung	TV	xã Minh Châu	H. Đông Hưng			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-D-c
thôn Duy Tân	DC	xã Minh Tân	H. Đông Hưng	20° 33' 20"	106° 16' 26"					F-48-81-D-c
thôn Đình Phùng	DC	xã Minh Tân	H. Đông Hưng	20° 33' 51"	106° 16' 01"					F-48-81-D-c
thôn Hoàng Đức	DC	xã Minh Tân	H. Đông Hưng	20° 34' 33"	106° 16' 33"					F-48-81-D-c
thôn Hưng Sơn	DC	xã Minh Tân	H. Đông Hưng	20° 34' 00"	106° 16' 50"					F-48-81-D-c
thôn Liên Minh	DC	xã Minh Tân	H. Đông Hưng	20° 33' 16"	106° 16' 33"					F-48-81-D-c
chùa Chung Minh Tân	KX	xã Minh Tân	H. Đông Hưng	20° 34' 07"	106° 16' 20"					F-48-81-D-c
Đình Gòi	KX	xã Minh Tân	H. Đông Hưng	20° 34' 27"	106° 16' 28"					F-48-81-D-c
Đường tỉnh 455	KX	xã Minh Tân	H. Đông Hưng			20° 33' 12"	106° 16' 35"	20° 33' 09"	106° 28' 10"	F-48-81-D-c
miếu Đài Vường	KX	xã Minh Tân	H. Đông Hưng	20° 33' 57"	106° 16' 46"					F-48-81-D-c
Quốc lộ 39	KX	xã Minh Tân	H. Đông Hưng			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-D-c
sông Tiên Hưng	TV	xã Minh Tân	H. Đông Hưng			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-c
thôn Bắc Lạng	DC	xã Nguyên Xá	H. Đông Hưng	20° 33' 04"	106° 20' 26"					F-48-81-D-c
thôn Đà Giang	DC	xã Nguyên Xá	H. Đông Hưng	20° 34' 10"	106° 20' 39"					F-48-81-D-c
thôn Đề Quang	DC	xã Nguyên Xá	H. Đông Hưng	20° 32' 55"	106° 20' 25"					F-48-81-D-c
thôn Đông Khê	DC	xã Nguyên Xá	H. Đông Hưng	20° 33' 12"	106° 20' 33"					F-48-81-D-c
thôn Hồng Phong	DC	xã Nguyên Xá	H. Đông Hưng	20° 32' 53"	106° 20' 37"					F-48-81-D-c
thôn Lê Tiến	DC	xã Nguyên Xá	H. Đông Hưng	20° 32' 46"	106° 20' 30"					F-48-81-D-c
thôn Phan Thanh	DC	xã Nguyên Xá	H. Đông Hưng	20° 33' 00"	106° 20' 34"					F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Trần Phú	DC	xã Nguyên Xá	H. Đông Hưng	20° 33' 22"	106° 20' 17"					F-48-81-D-c
xóm Đồng Hồng	DC	xã Nguyên Xá	H. Đông Hưng	20° 33' 14"	106° 20' 40"					F-48-81-D-c
cầu K40	KX	xã Nguyên Xá	H. Đông Hưng	20° 33' 26"	106° 20' 53"					F-48-81-D-c
Khu di tích đền thờ, từ đường, lăng mộ Nguyễn Thị Tần	KX	xã Nguyên Xá	H. Đông Hưng	20° 33' 04"	106° 20' 24"					F-48-81-D-c
làng nghề Bánh cáy Làng Nguyễn	KX	xã Nguyên Xá	H. Đông Hưng	20° 33' 02"	106° 20' 28"					F-48-81-D-c
làng kháng chiến Nguyên Xá	KX	xã Nguyên Xá	H. Đông Hưng	20° 33' 12"	106° 20' 25"					F-48-81-D-c
nghĩa trang liệt sĩ Huyện Đông Hưng	KX	xã Nguyên Xá	H. Đông Hưng	20° 33' 15"	106° 20' 29"					F-48-81-D-c
Quốc lộ 39	KX	xã Nguyên Xá	H. Đông Hưng			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-D-c
từ đường Đại tôn Nguyễn Công	KX	xã Nguyên Xá	H. Đông Hưng	20° 34' 12"	106° 20' 40"					F-48-81-D-c
từ đường họ Hoàng	KX	xã Nguyên Xá	H. Đông Hưng	20° 32' 55"	106° 20' 30"					F-48-81-D-c
từ đường Nghè Bá Dương	KX	xã Nguyên Xá	H. Đông Hưng	20° 32' 47"	106° 20' 28"					F-48-81-D-c
từ đường Nguyễn Doan Tước	KX	xã Nguyên Xá	H. Đông Hưng	20° 32' 44"	106° 20' 36"					F-48-81-D-c
sông Tiên Hưng	TV	xã Nguyên Xá	H. Đông Hưng			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-c
thôn Cổ Xá	DC	xã Phong Châu	H. Đông Hưng	20° 32' 49"	106° 19' 42"					F-48-81-D-c
thôn Khuốc Bắc	DC	xã Phong Châu	H. Đông Hưng	20° 33' 29"	106° 19' 10"					F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khuốc Đông	DC	xã Phong Châu	H. Đông Hưng	20° 33' 14"	106° 19' 28"					F-48-81-D-c
thôn Khuốc Tây	DC	xã Phong Châu	H. Đông Hưng	20° 33' 11"	106° 19' 17"					F-48-81-D-c
Am Vô Linh Từ	KX	xã Phong Châu	H. Đông Hưng	20° 32' 39"	106° 19' 01"					F-48-81-D-c
miếu Khuốc Bắc	KX	xã Phong Châu	H. Đông Hưng	20° 33' 30"	106° 19' 06"					F-48-81-D-c
Quốc lộ 39	KX	xã Phong Châu	H. Đông Hưng			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-D-c
sông Tiên Hưng	TV	xã Phong Châu	H. Đông Hưng			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-c
thôn Quốc Dương	DC	xã Phú Châu	H. Đông Hưng	20° 32' 02"	106° 19' 21"					F-48-81-D-c
Thôn Cốc	DC	xã Phú Châu	H. Đông Hưng	20° 32' 05"	106° 20' 14"					F-48-81-D-c
Thôn Phạm	DC	xã Phú Châu	H. Đông Hưng	20° 32' 19"	106° 20' 04"					F-48-81-D-c
Thôn Tăng	DC	xã Phú Châu	H. Đông Hưng	20° 32' 32"	106° 19' 45"					F-48-81-D-c
chùa Cổ Cốc	KX	xã Phú Châu	H. Đông Hưng	20° 32' 04"	106° 20' 11"					F-48-81-D-c
Đình Phạm	KX	xã Phú Châu	H. Đông Hưng	20° 32' 19"	106° 19' 58"					F-48-81-D-c
Quốc lộ 39	KX	xã Phú Châu	H. Đông Hưng			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-D-c
sông Sa Lung	TV	xã Phú Châu	H. Đông Hưng			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-D-c
thôn Duyên Giang	DC	xã Phú Lương	H. Đông Hưng	20° 34' 08"	106° 19' 21"					F-48-81-D-c
thôn Duyên Phú	DC	xã Phú Lương	H. Đông Hưng	20° 34' 29"	106° 19' 12"					F-48-81-D-c
thôn Duyên Trang Đông	DC	xã Phú Lương	H. Đông Hưng	20° 34' 10"	106° 19' 57"					F-48-81-D-c
thôn Duyên Trang Tây	DC	xã Phú Lương	H. Đông Hưng	20° 34' 02"	106° 19' 46"					F-48-81-D-c
thôn Duyên Tục	DC	xã Phú Lương	H. Đông Hưng	20° 34' 16"	106° 19' 27"					F-48-81-D-c
Khu di tích miếu, chùa Duyên Tục	KX	xã Phú Lương	H. Đông Hưng	20° 34' 17"	106° 19' 11"					F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Tiên Hưng	TV	xã Phú Lương	H. Đông Hưng			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-c
thôn An Liêm	DC	xã Thăng Long	H. Đông Hưng	20° 32' 36"	106° 16' 33"					F-48-81-D-c
thôn Cộng Hòa	DC	xã Thăng Long	H. Đông Hưng	20° 32' 56"	106° 16' 17"					F-48-81-D-c
thôn Lộ Vị	DC	xã Thăng Long	H. Đông Hưng	20° 32' 45"	106° 16' 52"					F-48-81-D-c
thôn Thần Khê	DC	xã Thăng Long	H. Đông Hưng	20° 32' 55"	106° 16' 44"					F-48-81-D-c
Chùa Un	KX	xã Thăng Long	H. Đông Hưng	20° 32' 54"	106° 16' 00"					F-48-81-D-c
đình An Liêm	KX	xã Thăng Long	H. Đông Hưng	20° 32' 36"	106° 16' 40"					F-48-81-D-c
đình Hàng Dâu	KX	xã Thăng Long	H. Đông Hưng	20° 32' 52"	106° 16' 43"					F-48-81-D-c
đình Làng Và	KX	xã Thăng Long	H. Đông Hưng	20° 32' 32"	106° 16' 46"					F-48-81-D-c
Đền Rèm	KX	xã Thăng Long	H. Đông Hưng	20° 32' 34"	106° 16' 26"					F-48-81-D-c
Quốc lộ 39	KX	xã Thăng Long	H. Đông Hưng			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-D-c
sông Sa Lung	TV	xã Thăng Long	H. Đông Hưng			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-D-c
sông Tiên Hưng	TV	xã Thăng Long	H. Đông Hưng			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-c
thôn Hưng Quan	DC	xã Trọng Quan	H. Đông Hưng	20° 31' 21"	106° 19' 56"					F-48-81-D-c
thôn Tràng Quan	DC	xã Trọng Quan	H. Đông Hưng	20° 31' 06"	106° 19' 27"					F-48-81-D-c
thôn Tràng Sinh	DC	xã Trọng Quan	H. Đông Hưng	20° 31' 06"	106° 19' 05"					F-48-81-D-c
thôn Tràng Vinh	DC	xã Trọng Quan	H. Đông Hưng	20° 30' 41"	106° 19' 09"					F-48-81-D-c
thôn Vinh Hoa	DC	xã Trọng Quan	H. Đông Hưng	20° 31' 04"	106° 19' 56"					F-48-81-D-c
thôn Vinh Quan	DC	xã Trọng Quan	H. Đông Hưng	20° 30' 48"	106° 19' 42"					F-48-81-D-c
thôn Vinh Tiến	DC	xã Trọng Quan	H. Đông Hưng	20° 30' 41"	106° 20' 15"					F-48-81-D-c
chùa Hoa Lau	KX	xã Trọng Quan	H. Đông Hưng	20° 31' 10"	106° 19' 17"					F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đình Sồng	KX	xã Trọng Quan	H. Đông Hưng	20° 31' 14"	106° 19' 56"					F-48-81-D-c
sông Sa Lung	TV	xã Trọng Quan	H. Đông Hưng			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-D-c
sông Trà Lý	TV	xã Trọng Quan	H. Đông Hưng			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-81-D-c
khu dân cư Duyên Phúc	DC	TT. Hưng Hà	H. Hưng Hà	20° 35' 11"	106° 13' 09"					F-48-81-C-d
khu dân cư Đãn Chàng I	DC	TT. Hưng Hà	H. Hưng Hà	20° 35' 40"	106° 13' 28"					F-48-81-C-d
khu dân cư Đãn Chàng II	DC	TT. Hưng Hà	H. Hưng Hà	20° 35' 57"	106° 13' 32"					F-48-81-C-d
khu dân cư Đồng Tu I	DC	TT. Hưng Hà	H. Hưng Hà	20° 35' 47"	106° 12' 30"					F-48-81-C-d
khu dân cư Đồng Tu II	DC	TT. Hưng Hà	H. Hưng Hà	20° 35' 44"	106° 12' 30"					F-48-81-C-d
khu dân cư Nhân Cầu 1	DC	TT. Hưng Hà	H. Hưng Hà	20° 35' 22"	106° 13' 40"					F-48-81-C-d
khu dân cư Nhân Cầu 2	DC	TT. Hưng Hà	H. Hưng Hà	20° 35' 30"	106° 13' 25"					F-48-81-C-d
khu dân cư Nhân Cầu 3	DC	TT. Hưng Hà	H. Hưng Hà	20° 35' 22"	106° 13' 23"					F-48-81-C-d
khu dân cư Thị Độc	DC	TT. Hưng Hà	H. Hưng Hà	20° 35' 34"	106° 13' 01"					F-48-81-C-d
khu dân cư Thọ Mai	DC	TT. Hưng Hà	H. Hưng Hà	20° 35' 11"	106° 13' 31"					F-48-81-C-d
cầu Đồng Tu	KX	TT. Hưng Hà	H. Hưng Hà	20° 35' 58"	106° 11' 56"					F-48-81-C-d
đường Thái Bình - Hà Nam	KX	TT. Hưng Hà	H. Hưng Hà			20° 35' 34"	106° 07' 40"	20° 36' 37"	106° 22' 42"	F-48-81-C-d
Đường tỉnh 454	KX	TT. Hưng Hà	H. Hưng Hà			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-81-C-d
Quốc lộ 39	KX	TT. Hưng Hà	H. Hưng Hà			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-C-d
sông Sa Lung	TV	TT. Hưng Hà	H. Hưng Hà			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-C-d
sông Tiên Hưng	TV	TT. Hưng Hà	H. Hưng Hà			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-C-d
khu phố An Tảo	DC	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà	20° 36' 47"	106° 08' 11"					F-48-81-C-d
khu phố Ân Xá	DC	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà	20° 36' 32"	106° 09' 00"					F-48-81-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu phố Buộm	DC	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà	20° 37' 08"	106° 08' 27"					F-48-81-C-d
khu phố Châu	DC	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà	20° 38' 14"	106° 08' 19"					F-48-81-C-b
khu phố Đầu	DC	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà	20° 37' 25"	106° 08' 53"					F-48-81-C-d
khu phố Đặng Xá	DC	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà	20° 36' 31"	106° 08' 28"					F-48-81-C-d
khu phố Lái	DC	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà	20° 37' 45"	106° 08' 29"					F-48-81-C-b
khu phố Mẽ	DC	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà	20° 36' 56"	106° 09' 07"					F-48-81-C-d
khu phố Kiều Thạch	DC	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà	20° 38' 16"	106° 08' 30"					F-48-81-C-b
khu phố Tây Xuyên	DC	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà	20° 38' 30"	106° 08' 22"					F-48-81-C-b
khu phố Thị An	DC	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà	20° 37' 00"	106° 08' 44"					F-48-81-C-d
khu phố Văn	DC	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà	20° 37' 16"	106° 08' 13"					F-48-81-C-d
khu phố Vân Đông	DC	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà	20° 37' 57"	106° 08' 50"					F-48-81-C-b
khu phố Vân Nam	DC	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà	20° 37' 52"	106° 08' 40"					F-48-81-C-b
khu phố Xuân Trúc	DC	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà	20° 38' 29"	106° 08' 38"					F-48-81-C-b
tổ dân phố Tiền Phong	DC	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà	20° 36' 53"	106° 08' 39"					F-48-81-C-d
Cầu Lê	KX	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà	20° 36' 27"	106° 09' 08"					F-48-81-C-d
Khu di tích đình, đền, chùa Đặng Xá	KX	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà	20° 36' 20"	106° 08' 35"					F-48-81-C-d
Khu di tích đình, đền Tây Xuyên	KX	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà	20° 38' 30"	106° 08' 26"					F-48-81-C-d
đình Xuân Trúc	KX	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà	20° 38' 26"	106° 08' 34"					F-48-81-C-d
Đình Châu	KX	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà	20° 38' 07"	106° 08' 18"					F-48-81-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
miếu Làng Vân	KX	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà	20° 37' 20"	106° 08' 13"					F-48-81-C-d
Quốc lộ 39	KX	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-C-b, F-48-81-C-d
Sông Hồng	TV	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-81-C-d
sông Sa Lung	TV	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-C-b, F-48-81-C-d
sông Thái Sư	TV	TT. Hưng Nhân	H. Hưng Hà			20° 36' 10"	106° 10' 57"	20° 37' 06"	106° 09' 19"	F-48-81-C-d
thôn Cộng Hòa	DC	xã Bắc Sơn	H. Hưng Hà	20° 36' 53"	106° 17' 29"					F-48-81-D-c
thôn Minh Đức	DC	xã Bắc Sơn	H. Hưng Hà	20° 36' 47"	106° 17' 08"					F-48-81-D-c
thôn Quyết Tiến	DC	xã Bắc Sơn	H. Hưng Hà	20° 36' 44"	106° 17' 30"					F-48-81-D-c
thôn Tân Dân	DC	xã Bắc Sơn	H. Hưng Hà	20° 36' 53"	106° 16' 56"					F-48-81-D-c
thôn Thăng Long	DC	xã Bắc Sơn	H. Hưng Hà	20° 36' 42"	106° 17' 57"					F-48-81-D-c
đình Vinh Thọ	KX	xã Bắc Sơn	H. Hưng Hà	20° 37' 13"	106° 16' 56"					F-48-81-D-c
đường Thái Bình - Hà Nam	KX	xã Bắc Sơn	H. Hưng Hà			20° 35' 34"	106° 07' 40"	20° 36' 37"	106° 22' 42"	F-48-81-D-c
Đường tỉnh 455	KX	xã Bắc Sơn	H. Hưng Hà			20° 33' 12"	106° 16' 35"	20° 33' 09"	106° 28' 10"	F-48-81-D-c
Khu di tích miếu, đền Tứ Xã	KX	xã Bắc Sơn	H. Hưng Hà	20° 36' 58"	106° 17' 24"					F-48-81-D-c
thôn Đào Thành	DC	xã Canh Tân	H. Hưng Hà	20° 38' 39"	106° 09' 50"					F-48-81-C-b
thôn Lưu Xá Bắc	DC	xã Canh Tân	H. Hưng Hà	20° 38' 47"	106° 09' 00"					F-48-81-C-b
thôn Lưu Xá Đông	DC	xã Canh Tân	H. Hưng Hà	20° 38' 33"	106° 09' 23"					F-48-81-C-b
thôn Lưu Xá Nam	DC	xã Canh Tân	H. Hưng Hà	20° 38' 15"	106° 09' 17"					F-48-81-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Vế Đông	DC	xã Canh Tân	H. Hưng Hà	20° 37' 55"	106° 10' 15"					F-48-81-C-b
thôn Vế Tây	DC	xã Canh Tân	H. Hưng Hà	20° 37' 56"	106° 10' 08"					F-48-81-C-b
xóm Đồng Vàn	DC	xã Canh Tân	H. Hưng Hà	20° 38' 16"	106° 09' 22"					F-48-81-C-b
xóm Trại Mới	DC	xã Canh Tân	H. Hưng Hà	20° 38' 24"	106° 09' 46"					F-48-81-C-b
chùa Bảo Quốc	KX	xã Canh Tân	H. Hưng Hà	20° 38' 34"	106° 09' 03"					F-48-81-C-b
Chùa Vế	KX	xã Canh Tân	H. Hưng Hà	20° 37' 56"	106° 10' 18"					F-48-81-C-b
đền Lưu Xá	KX	xã Canh Tân	H. Hưng Hà	20° 38' 30"	106° 09' 08"					F-48-81-C-b
sông Đào Thành	TV	xã Canh Tân	H. Hưng Hà			20° 36' 45"	106° 09' 54"	20° 38' 46"	106° 10' 02"	F-48-81-C-b
Sông Luộc	TV	xã Canh Tân	H. Hưng Hà			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-C-b
thôn An Tiến	DC	xã Chí Hòa	H. Hưng Hà	20° 31' 35"	106° 13' 39"					F-48-81-C-d
Thôn Chùa	DC	xã Chí Hòa	H. Hưng Hà	20° 32' 47"	106° 13' 39"					F-48-81-C-d
Thôn Nhuệ	DC	xã Chí Hòa	H. Hưng Hà	20° 32' 21"	106° 14' 40"					F-48-81-C-d
Thôn Sàng	DC	xã Chí Hòa	H. Hưng Hà	20° 32' 22"	106° 14' 10"					F-48-81-C-d
thôn Vân Đài	DC	xã Chí Hòa	H. Hưng Hà	20° 32' 58"	106° 14' 15"					F-48-81-C-d
thôn Vị Giang	DC	xã Chí Hòa	H. Hưng Hà	20° 32' 10"	106° 13' 59"					F-48-81-C-d
xóm An Lại	DC	xã Chí Hòa	H. Hưng Hà	20° 31' 39"	106° 13' 31"					F-48-81-C-d
Đình Nhuệ	KX	xã Chí Hòa	H. Hưng Hà	20° 32' 21"	106° 14' 38"					F-48-81-C-d
đình Vỵ Sỹ	KX	xã Chí Hòa	H. Hưng Hà	20° 32' 14"	106° 13' 55"					F-48-81-C-d
đền Vân Đài	KX	xã Chí Hòa	H. Hưng Hà	20° 32' 54"	106° 14' 14"					F-48-81-C-d
Đường huyện 62	KX	xã Chí Hòa	H. Hưng Hà			20° 32' 18"	106° 12' 44"	20° 32' 13"	106° 13' 49"	F-48-81-C-d
Đường tỉnh 452	KX	xã Chí Hòa	H. Hưng Hà			20° 39' 10"	106° 19' 20"	20° 31' 20"	106° 13' 51"	F-48-81-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Sa Lung	TV	xã Chí Hòa	H. Hưng Hà			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-C-d
sông Trà Lý	TV	xã Chí Hòa	H. Hưng Hà			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-81-C-d
thôn Minh Khai	DC	xã Chi Lăng	H. Hưng Hà	20° 34' 47"	106° 16' 13"					F-48-81-D-c
thôn Quyết Thắng	DC	xã Chi Lăng	H. Hưng Hà	20° 34' 50"	106° 16' 17"					F-48-81-D-c
thôn Quyết Tiến	DC	xã Chi Lăng	H. Hưng Hà	20° 34' 20"	106° 16' 19"					F-48-81-D-c
thôn Tân Tiến	DC	xã Chi Lăng	H. Hưng Hà	20° 34' 04"	106° 15' 50"					F-48-81-D-c
thôn Thống Nhất	DC	xã Chi Lăng	H. Hưng Hà	20° 34' 53"	106° 16' 12"					F-48-81-D-c
thôn Tiền Phong	DC	xã Chi Lăng	H. Hưng Hà	20° 34' 46"	106° 15' 59"					F-48-81-D-c
thôn Trần Phú	DC	xã Chi Lăng	H. Hưng Hà	20° 34' 41"	106° 16' 07"					F-48-81-D-c
đền Vua Lê	KX	xã Chi Lăng	H. Hưng Hà	20° 34' 56"	106° 16' 00"					F-48-81-D-c
từ đường họ Đinh	KX	xã Chi Lăng	H. Hưng Hà	20° 34' 54"	106° 16' 14"					F-48-81-D-c
sông Tiên Hưng	TV	xã Chi Lăng	H. Hưng Hà			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-c
thôn An Cầu	DC	xã Cộng Hòa	H. Hưng Hà	20° 38' 58"	106° 10' 18"					F-48-81-C-b
thôn Cầu Công	DC	xã Cộng Hòa	H. Hưng Hà	20° 38' 45"	106° 10' 15"					F-48-81-C-b
thôn Dương Thôn	DC	xã Cộng Hòa	H. Hưng Hà	20° 39' 03"	106° 10' 54"					F-48-81-C-b
thôn Đồng Thái	DC	xã Cộng Hòa	H. Hưng Hà	20° 38' 22"	106° 10' 37"					F-48-81-C-b
thôn Hà Thanh	DC	xã Cộng Hòa	H. Hưng Hà	20° 38' 35"	106° 11' 36"					F-48-81-C-b
thôn Hiệu Vũ	DC	xã Cộng Hòa	H. Hưng Hà	20° 38' 53"	106° 10' 37"					F-48-81-C-b
thôn Hùng Tiến	DC	xã Cộng Hòa	H. Hưng Hà	20° 38' 15"	106° 10' 40"					F-48-81-C-b
thôn Ngô Quyền	DC	xã Cộng Hòa	H. Hưng Hà	20° 38' 07"	106° 10' 38"					F-48-81-C-b
thôn Quan Hà	DC	xã Cộng Hòa	H. Hưng Hà	20° 38' 09"	106° 11' 17"					F-48-81-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Trung Thành	DC	xã Cộng Hòa	H. Hưng Hà	20° 38' 06"	106° 10' 26"					F-48-81-C-b
thôn Vũ Thôn	DC	xã Cộng Hòa	H. Hưng Hà	20° 38' 44"	106° 10' 59"					F-48-81-C-b
đình Hiệu Vũ	KX	xã Cộng Hòa	H. Hưng Hà	20° 39' 00"	106° 10' 36"					F-48-81-C-b
đình Làng Dương Thôn	KX	xã Cộng Hòa	H. Hưng Hà	20° 39' 01"	106° 10' 50"					F-48-81-C-b
đình Vũ Thôn	KX	xã Cộng Hòa	H. Hưng Hà	20° 38' 44"	106° 10' 56"					F-48-81-C-b
tuyến đò Hiệu Vũ	KX	xã Cộng Hòa	H. Hưng Hà	20° 39' 28"	106° 10' 44"					F-48-81-C-b
sông Đào Thành	TV	xã Cộng Hòa	H. Hưng Hà			20° 36' 45"	106° 09' 54"	20° 38' 46"	106° 10' 02"	F-48-81-C-b
Sông Luộc	TV	xã Cộng Hòa	H. Hưng Hà			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-C-b
Thôn Bái	DC	xã Dân Chủ	H. Hưng Hà	20° 38' 57"	106° 16' 16"					F-48-81-D-a
Thôn Đinh	DC	xã Dân Chủ	H. Hưng Hà	20° 38' 40"	106° 16' 00"					F-48-81-D-a
thôn Đan Hội	DC	xã Dân Chủ	H. Hưng Hà	20° 38' 57"	106° 15' 52"					F-48-81-D-a
thôn Hà Thắng	DC	xã Dân Chủ	H. Hưng Hà	20° 38' 54"	106° 15' 40"					F-48-81-D-a
thôn Hà Tiến	DC	xã Dân Chủ	H. Hưng Hà	20° 39' 13"	106° 15' 31"					F-48-81-D-a
Thôn Ngọc	DC	xã Dân Chủ	H. Hưng Hà	20° 38' 36"	106° 16' 16"					F-48-81-D-a
thôn Phú Hội	DC	xã Dân Chủ	H. Hưng Hà	20° 39' 12"	106° 15' 59"					F-48-81-D-a
Thôn Trung	DC	xã Dân Chủ	H. Hưng Hà	20° 38' 44"	106° 16' 16"					F-48-81-D-a
Đình Bái	KX	xã Dân Chủ	H. Hưng Hà	20° 38' 55"	106° 16' 18"					F-48-81-D-a
Đình Đinh	KX	xã Dân Chủ	H. Hưng Hà	20° 38' 39"	106° 15' 57"					F-48-81-D-a
đình Đan Hội	KX	xã Dân Chủ	H. Hưng Hà	20° 38' 56"	106° 15' 56"					F-48-81-D-a
đình Hà Lang	KX	xã Dân Chủ	H. Hưng Hà	20° 39' 15"	106° 15' 24"					F-48-81-D-a
Đình Trung	KX	xã Dân Chủ	H. Hưng Hà	20° 38' 41"	106° 16' 20"					F-48-81-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 452	KX	xã Dân Chủ	H. Hưng Hà			20° 39' 10"	106° 19' 20"	20° 31' 20"	106° 13' 51"	F-48-81-D-a
thôn Bùi Minh	DC	xã Duyên Hải	H. Hưng Hà	20° 38' 12"	106° 16' 01"					F-48-81-D-a
thôn Bùi Tiến	DC	xã Duyên Hải	H. Hưng Hà	20° 38' 16"	106° 15' 38"					F-48-81-D-a
thôn Bùi Việt	DC	xã Duyên Hải	H. Hưng Hà	20° 38' 19"	106° 16' 08"					F-48-81-D-a
thôn Khả Đông	DC	xã Duyên Hải	H. Hưng Hà	20° 37' 53"	106° 17' 06"					F-48-81-D-a
thôn Khả Tân	DC	xã Duyên Hải	H. Hưng Hà	20° 37' 58"	106° 16' 53"					F-48-81-D-a
thôn Khả Tiến	DC	xã Duyên Hải	H. Hưng Hà	20° 38' 00"	106° 17' 02"					F-48-81-D-a
thôn Kiều La	DC	xã Duyên Hải	H. Hưng Hà	20° 37' 42"	106° 15' 50"					F-48-81-D-a
thôn Văn Quan	DC	xã Duyên Hải	H. Hưng Hà	20° 37' 52"	106° 15' 42"					F-48-81-D-a
Cầu Châu	KX	xã Duyên Hải	H. Hưng Hà	20° 37' 57"	106° 16' 30"					F-48-81-D-a
Đình Bùi	KX	xã Duyên Hải	H. Hưng Hà	20° 38' 20"	106° 16' 02"					F-48-81-D-a
Đình Khả	KX	xã Duyên Hải	H. Hưng Hà	20° 37' 59"	106° 17' 12"					F-48-81-D-a
Đình Quán	KX	xã Duyên Hải	H. Hưng Hà	20° 38' 00"	106° 15' 38"					F-48-81-D-a
thôn Ái Quốc	DC	xã Điệp Nông	H. Hưng Hà	20° 40' 09"	106° 14' 49"					F-48-81-C-b
thôn Canh Nông	DC	xã Điệp Nông	H. Hưng Hà	20° 39' 00"	106° 13' 27"					F-48-81-C-b
thôn Duyên Nông	DC	xã Điệp Nông	H. Hưng Hà	20° 39' 15"	106° 13' 48"					F-48-81-C-b
thôn Hoàng Nông	DC	xã Điệp Nông	H. Hưng Hà	20° 38' 48"	106° 13' 32"					F-48-81-C-b
thôn Ngũ Đoài	DC	xã Điệp Nông	H. Hưng Hà	20° 39' 43"	106° 14' 30"					F-48-81-C-b
thôn Ngũ Đông	DC	xã Điệp Nông	H. Hưng Hà	20° 39' 38"	106° 14' 44"					F-48-81-C-b
thôn Việt Yên 1	DC	xã Điệp Nông	H. Hưng Hà	20° 39' 21"	106° 14' 13"					F-48-81-C-b
thôn Việt Yên 2	DC	xã Điệp Nông	H. Hưng Hà	20° 39' 30"	106° 14' 32"					F-48-81-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Việt Yên 3	DC	xã Điệp Nông	H. Hưng Hà	20° 39' 43"	106° 14' 20"					F-48-81-C-b
thôn Việt Yên 4	DC	xã Điệp Nông	H. Hưng Hà	20° 39' 37"	106° 14' 09"					F-48-81-C-b
thôn Việt Yên 5	DC	xã Điệp Nông	H. Hưng Hà	20° 39' 30"	106° 14' 14"					F-48-81-C-b
đền Thượng Đông	KX	xã Điệp Nông	H. Hưng Hà	20° 39' 42"	106° 14' 18"					F-48-81-C-b
Khu di tích đình, chùa Hoàng Nông	KX	xã Điệp Nông	H. Hưng Hà	20° 38' 53"	106° 13' 26"					F-48-81-C-b
Khu di tích đình, chùa Làng Duyên Nông	KX	xã Điệp Nông	H. Hưng Hà	20° 39' 04"	106° 13' 47"					F-48-81-C-b
Khu di tích đình, đền, chùa Canh Nông	KX	xã Điệp Nông	H. Hưng Hà	20° 38' 35"	106° 13' 37"					F-48-81-C-b
Đền Ngũ	KX	xã Điệp Nông	H. Hưng Hà	20° 40' 05"	106° 14' 41"					F-48-81-C-b
tuyến đò Canh Nông	KX	xã Điệp Nông	H. Hưng Hà	20° 38' 47"	106° 13' 19"					F-48-81-C-b
tuyến phà La Tiến	KX	xã Điệp Nông	H. Hưng Hà	20° 39' 57"	106° 14' 05"					F-48-81-C-b
từ đường họ Quách thôn Canh Nông	KX	xã Điệp Nông	H. Hưng Hà	20° 38' 34"	106° 13' 33"					F-48-81-C-b
Sông Luộc	TV	xã Điệp Nông	H. Hưng Hà			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-C-b
thôn Chấp Trung 1	DC	xã Đoan Hùng	H. Hưng Hà	20° 37' 20"	106° 14' 06"					F-48-81-C-d
thôn Chấp Trung 2	DC	xã Đoan Hùng	H. Hưng Hà	20° 36' 42"	106° 13' 59"					F-48-81-C-d
thôn Đôn Nông	DC	xã Đoan Hùng	H. Hưng Hà	20° 38' 08"	106° 13' 24"					F-48-81-C-b
thôn Tiên La	DC	xã Đoan Hùng	H. Hưng Hà	20° 37' 13"	106° 13' 12"					F-48-81-C-d
thôn Văn Mỹ	DC	xã Đoan Hùng	H. Hưng Hà	20° 37' 58"	106° 13' 52"					F-48-81-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền Nguyên Khánh - Đôn Nông	KX	xã Đoan Hùng	H. Hưng Hà	20° 38' 16"	106° 13' 43"					F-48-81-C-b
đền Tiên La	KX	xã Đoan Hùng	H. Hưng Hà	20° 37' 33"	106° 13' 15"					F-48-81-C-b
Đường tỉnh 452	KX	xã Đoan Hùng	H. Hưng Hà			20° 39' 10"	106° 19' 20"	20° 31' 20"	106° 13' 51"	F-48-81-C-d
Sông Luộc	TV	xã Đoan Hùng	H. Hưng Hà			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-C-b
sông Tiên Hưng	TV	xã Đoan Hùng	H. Hưng Hà			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-C-b, F-48-81-C-d
thôn Bùi Xá	DC	xã Độc Lập	H. Hưng Hà	20° 32' 29"	106° 11' 35"					F-48-81-C-d
thôn Đồng Phú	DC	xã Độc Lập	H. Hưng Hà	20° 32' 40"	106° 10' 56"					F-48-81-C-d
thôn Long Nãi	DC	xã Độc Lập	H. Hưng Hà	20° 33' 24"	106° 11' 13"					F-48-81-C-d
thôn Lộc Thọ	DC	xã Độc Lập	H. Hưng Hà	20° 33' 13"	106° 11' 52"					F-48-81-C-d
thôn Phú Vinh	DC	xã Độc Lập	H. Hưng Hà	20° 33' 36"	106° 10' 53"					F-48-81-C-d
thôn Xuân La	DC	xã Độc Lập	H. Hưng Hà	20° 33' 09"	106° 10' 44"					F-48-81-C-d
xóm Hồng Hà	DC	xã Độc Lập	H. Hưng Hà	20° 32' 15"	106° 10' 42"					F-48-81-C-d
Đường tỉnh 453	KX	xã Độc Lập	H. Hưng Hà			20° 36' 26"	106° 09' 09"	20° 32' 18"	106° 12' 44"	F-48-81-C-d
tuyến đò Phú Hậu	KX	xã Độc Lập	H. Hưng Hà	20° 32' 09"	106° 10' 27"					F-48-81-C-d
từ đường Lê Quý Đôn	KX	xã Độc Lập	H. Hưng Hà	20° 32' 45"	106° 11' 09"					F-48-81-C-d
Sông Hồng	TV	xã Độc Lập	H. Hưng Hà			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-81-C-d
thôn Chí Linh	DC	xã Đông Đô	H. Hưng Hà	20° 36' 51"	106° 16' 45"					F-48-81-D-c
thôn Đông Đô Kỳ	DC	xã Đông Đô	H. Hưng Hà	20° 36' 03"	106° 17' 10"					F-48-81-D-c
thôn Đồng Phú	DC	xã Đông Đô	H. Hưng Hà	20° 36' 17"	106° 17' 25"					F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hữu Đô Kỳ	DC	xã Đông Đô	H. Hưng Hà	20° 36' 00"	106° 17' 00"					F-48-81-D-c
thôn Mậu Lâm	DC	xã Đông Đô	H. Hưng Hà	20° 36' 22"	106° 16' 36"					F-48-81-D-c
Khu di tích đình, đền, chùa Đô Kỳ	KX	xã Đông Đô	H. Hưng Hà	20° 36' 00"	106° 17' 01"					F-48-81-D-c
đường Thái Bình - Hà Nam	KX	xã Đông Đô	H. Hưng Hà			20° 35' 34"	106° 07' 40"	20° 36' 37"	106° 22' 42"	F-48-81-D-c
Đường tỉnh 455	KX	xã Đông Đô	H. Hưng Hà			20° 33' 12"	106° 16' 35"	20° 33' 09"	106° 28' 10"	F-48-81-D-c
Khu di tích miếu, chùa Chí Linh	KX	xã Đông Đô	H. Hưng Hà	20° 36' 52"	106° 16' 34"					F-48-81-D-c
miếu Mậu Lâm	KX	xã Đông Đô	H. Hưng Hà	20° 36' 22"	106° 16' 33"					F-48-81-D-c
thôn Bổng Thôn	DC	xã Hòa Bình	H. Hưng Hà	20° 35' 17"	106° 14' 56"					F-48-81-C-d, F-48-81-D-c
thôn Minh Thiện	DC	xã Hòa Bình	H. Hưng Hà	20° 35' 00"	106° 15' 22"					F-48-81-D-c
thôn Ninh Thôn	DC	xã Hòa Bình	H. Hưng Hà	20° 35' 35"	106° 15' 33"					F-48-81-D-c
thôn Tân Dân	DC	xã Hòa Bình	H. Hưng Hà	20° 34' 35"	106° 15' 18"					F-48-81-D-c
đình Vua Lê	KX	xã Hòa Bình	H. Hưng Hà	20° 35' 39"	106° 15' 26"					F-48-81-D-c
sông Tiên Hưng	TV	xã Hòa Bình	H. Hưng Hà			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-C-d, F-48-81-D-c
Thôn Bùi	DC	xã Hòa Tiến	H. Hưng Hà	20° 37' 09"	106° 11' 10"					F-48-81-C-d
Thôn Hòa	DC	xã Hòa Tiến	H. Hưng Hà	20° 37' 30"	106° 11' 58"					F-48-81-C-b, F-48-81-C-d
Thôn Hú	DC	xã Hòa Tiến	H. Hưng Hà	20° 38' 05"	106° 11' 40"					F-48-81-C-b
Thôn Lường	DC	xã Hòa Tiến	H. Hưng Hà	20° 37' 21"	106° 10' 24"					F-48-81-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Nguộn	DC	xã Hòa Tiến	H. Hưng Hà	20° 37' 13"	106° 10' 36"					F-48-81-C-d
Thôn Nhiễm	DC	xã Hòa Tiến	H. Hưng Hà	20° 38' 20"	106° 11' 44"					F-48-81-C-b
Thôn Phan	DC	xã Hòa Tiến	H. Hưng Hà	20° 38' 23"	106° 12' 10"					F-48-81-C-b
thôn Phan 1	DC	xã Hòa Tiến	H. Hưng Hà	20° 38' 24"	106° 12' 37"					F-48-81-C-b
thôn Tư Nam	DC	xã Hòa Tiến	H. Hưng Hà	20° 37' 47"	106° 10' 44"					F-48-81-C-b
Thôn Quyến	DC	xã Hòa Tiến	H. Hưng Hà	20° 37' 33"	106° 11' 35"					F-48-81-C-b, F-48-81-C-d
Thôn Sâm	DC	xã Hòa Tiến	H. Hưng Hà	20° 37' 49"	106° 11' 04"					F-48-81-C-b
Thôn Tịp	DC	xã Hòa Tiến	H. Hưng Hà	20° 37' 27"	106° 10' 57"					F-48-81-C-b, F-48-81-C-d
Thôn Vải	DC	xã Hòa Tiến	H. Hưng Hà	20° 37' 46"	106° 11' 26"					F-48-81-C-b
Chùa Hú	KX	xã Hòa Tiến	H. Hưng Hà	20° 38' 11"	106° 11' 37"					F-48-81-C-b
Đình Hú	KX	xã Hòa Tiến	H. Hưng Hà	20° 38' 10"	106° 11' 37"					F-48-81-C-b
nhà thờ Tiến sĩ Tông Quai	KX	xã Hòa Tiến	H. Hưng Hà	20° 37' 52"	106° 11' 09"					F-48-81-C-b
tuyến đò Phan	KX	xã Hòa Tiến	H. Hưng Hà	20° 38' 40"	106° 12' 06"					F-48-81-C-b
sông Đào Thành	TV	xã Hòa Tiến	H. Hưng Hà			20° 36' 45"	106° 09' 54"	20° 38' 46"	106° 10' 02"	F-48-81-C-b, F-48-81-C-d
Sông Luộc	TV	xã Hòa Tiến	H. Hưng Hà			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-C-b
thôn Bắc Sơn	DC	xã Hồng An	H. Hưng Hà	20° 34' 45"	106° 08' 26"					F-48-81-C-d
Thôn Điềm	DC	xã Hồng An	H. Hưng Hà	20° 34' 29"	106° 09' 50"					F-48-81-C-d
thôn Đồng Trang	DC	xã Hồng An	H. Hưng Hà	20° 34' 46"	106° 09' 44"					F-48-81-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Gạo	DC	xã Hồng An	H. Hưng Hà	20° 34' 40"	106° 10' 18"					F-48-81-C-d
Thôn Hà	DC	xã Hồng An	H. Hưng Hà	20° 34' 10"	106° 10' 25"					F-48-81-C-d
thôn Hùng Thắng	DC	xã Hồng An	H. Hưng Hà	20° 35' 05"	106° 08' 54"					F-48-81-C-d
Thôn Mậu	DC	xã Hồng An	H. Hưng Hà	20° 35' 01"	106° 09' 22"					F-48-81-C-d
thôn Nam Tiến	DC	xã Hồng An	H. Hưng Hà	20° 34' 32"	106° 09' 27"					F-48-81-C-d
thôn Quyết Tiến	DC	xã Hồng An	H. Hưng Hà	20° 35' 03"	106° 09' 05"					F-48-81-C-d
thôn Việt Thắng	DC	xã Hồng An	H. Hưng Hà	20° 34' 46"	106° 08' 51"					F-48-81-C-d
Chùa Đìa	KX	xã Hồng An	H. Hưng Hà	20° 34' 58"	106° 08' 59"					F-48-81-C-d
đường Thái Bình - Hà Nam	KX	xã Hồng An	H. Hưng Hà			20° 35' 34"	106° 07' 40"	20° 36' 37"	106° 22' 42"	F-48-81-C-d
Đường tỉnh 453	KX	xã Hồng An	H. Hưng Hà			20° 36' 26"	106° 09' 09"	20° 32' 18"	106° 12' 44"	F-48-81-C-d
từ đường Nguyễn Văn	KX	xã Hồng An	H. Hưng Hà	20° 34' 55"	106° 08' 35"					F-48-81-C-d
từ đường Trần Ích	KX	xã Hồng An	H. Hưng Hà	20° 34' 53"	106° 08' 57"					F-48-81-C-d
Sông Hồng	TV	xã Hồng An	H. Hưng Hà			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-81-C-d
sông Thái Sư	TV	xã Hồng An	H. Hưng Hà			20° 36' 10"	106° 10' 57"	20° 37' 06"	106° 09' 19"	F-48-81-C-d
thôn Đồng Hàn	DC	xã Hồng Lĩnh	H. Hưng Hà	20° 33' 31"	106° 15' 34"					F-48-81-D-c
thôn Hợp Đông	DC	xã Hồng Lĩnh	H. Hưng Hà	20° 33' 57"	106° 14' 54"					F-48-81-C-d, F-48-81-D-c
thôn Hợp Đoài	DC	xã Hồng Lĩnh	H. Hưng Hà	20° 33' 43"	106° 14' 43"					F-48-81-C-d
thôn Vũ Đoài	DC	xã Hồng Lĩnh	H. Hưng Hà	20° 34' 23"	106° 14' 32"					F-48-81-C-d
thôn Vũ Đông	DC	xã Hồng Lĩnh	H. Hưng Hà	20° 34' 28"	106° 14' 55"					F-48-81-C-d, F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền Đồng Hàn	KX	xã Hồng Lĩnh	H. Hưng Hà	20° 33' 37"	106° 15' 39"					F-48-81-D-c
Khu di tích đình, chùa Hợp Đông	KX	xã Hồng Lĩnh	H. Hưng Hà	20° 33' 58"	106° 14' 55"					F-48-81-C-d
Quốc lộ 39	KX	xã Hồng Lĩnh	H. Hưng Hà			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-C-d, F-48-81-D-c
sông Sa Lung	TV	xã Hồng Lĩnh	H. Hưng Hà			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-C-d
sông Tiên Hưng	TV	xã Hồng Lĩnh	H. Hưng Hà			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-C-d, F-48-81-D-c
thôn Cổ Trai	DC	xã Hồng Minh	H. Hưng Hà	20° 31' 45"	106° 12' 04"					F-48-81-C-d
thôn Đồng Đào	DC	xã Hồng Minh	H. Hưng Hà	20° 31' 46"	106° 12' 56"					F-48-81-C-d
thôn Đồng Lâm	DC	xã Hồng Minh	H. Hưng Hà	20° 31' 48"	106° 11' 23"					F-48-81-C-d
thôn Minh Thành	DC	xã Hồng Minh	H. Hưng Hà	20° 31' 18"	106° 12' 15"					F-48-81-C-d
thôn Minh Xuyên	DC	xã Hồng Minh	H. Hưng Hà	20° 31' 22"	106° 12' 05"					F-48-81-C-d
thôn Phú Nha	DC	xã Hồng Minh	H. Hưng Hà	20° 31' 37"	106° 11' 20"					F-48-81-C-d
thôn Tân Mỹ	DC	xã Hồng Minh	H. Hưng Hà	20° 31' 56"	106° 11' 11"					F-48-81-C-d
thôn Thọ Phú	DC	xã Hồng Minh	H. Hưng Hà	20° 32' 06"	106° 11' 17"					F-48-81-C-d
thôn Tịnh Thủy	DC	xã Hồng Minh	H. Hưng Hà	20° 31' 27"	106° 12' 44"					F-48-81-C-d
thôn Tịnh Xuyên	DC	xã Hồng Minh	H. Hưng Hà	20° 31' 26"	106° 12' 13"					F-48-81-C-d
thôn Xuân Lôi	DC	xã Hồng Minh	H. Hưng Hà	20° 31' 37"	106° 11' 59"					F-48-81-C-d
xóm Cổ Lễ	DC	xã Hồng Minh	H. Hưng Hà	20° 31' 25"	106° 12' 39"					F-48-81-C-d
xóm Đồng Xuân	DC	xã Hồng Minh	H. Hưng Hà	20° 31' 45"	106° 11' 31"					F-48-81-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Hồng Bàng	DC	xã Hồng Minh	H. Hưng Hà	20° 31' 16"	106° 12' 04"					F-48-81-C-d
cầu Tịnh Xuyên	KX	xã Hồng Minh	H. Hưng Hà	20° 31' 03"	106° 12' 17"					F-48-81-C-d
đền Thái Lăng	KX	xã Hồng Minh	H. Hưng Hà	20° 31' 35"	106° 11' 05"					F-48-81-C-d
đình Thọ Phú	KX	xã Hồng Minh	H. Hưng Hà	20° 32' 12"	106° 11' 16"					F-48-81-C-d
đình Xuân Lôi	KX	xã Hồng Minh	H. Hưng Hà	20° 31' 34"	106° 11' 54"					F-48-81-C-d
Đường tỉnh 454	KX	xã Hồng Minh	H. Hưng Hà			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-81-C-d
Khu di tích đình, đền Cổ Trai	KX	xã Hồng Minh	H. Hưng Hà	20° 31' 49"	106° 11' 55"					F-48-81-C-d
tuyến đò Thượng Hộ	KX	xã Hồng Minh	H. Hưng Hà	20° 31' 14"	106° 11' 41"					F-48-81-C-d
Sông Hồng	TV	xã Hồng Minh	H. Hưng Hà			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-81-C-d
sông Trà Lý	TV	xã Hồng Minh	H. Hưng Hà			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-81-C-d
Thôn Cập	DC	xã Hùng Dũng	H. Hưng Hà	20° 38' 10"	106° 15' 11"					F-48-81-D-a
thôn Hà Lý	DC	xã Hùng Dũng	H. Hưng Hà	20° 37' 51"	106° 14' 23"					F-48-81-C-b
thôn Nhân Phú	DC	xã Hùng Dũng	H. Hưng Hà	20° 37' 30"	106° 14' 49"					F-48-81-C-b, F-48-81-C-d
thôn Trung Đẳng	DC	xã Hùng Dũng	H. Hưng Hà	20° 38' 23"	106° 14' 39"					F-48-81-C-b
chùa Nhân Phú	KX	xã Hùng Dũng	H. Hưng Hà	20° 37' 27"	106° 14' 43"					F-48-81-C-b
chùa Trung Đẳng	KX	xã Hùng Dũng	H. Hưng Hà	20° 38' 27"	106° 14' 34"					F-48-81-C-b
đình Làng Cập	KX	xã Hùng Dũng	H. Hưng Hà	20° 38' 10"	106° 15' 06"					F-48-81-D-a
Đường tỉnh 452	KX	xã Hùng Dũng	H. Hưng Hà			20° 39' 10"	106° 19' 20"	20° 31' 20"	106° 13' 51"	F-48-81-C-d, F-48-81-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu di tích đình, chùa Hà Lý	KX	xã Hùng Dũng	H. Hưng Hà	20° 37' 57"	106° 14' 24"					F-48-81-C-b
miếu Trung Đẳng	KX	xã Hùng Dũng	H. Hưng Hà	20° 38' 24"	106° 14' 33"					F-48-81-C-b
thôn Bình Minh	DC	xã Kim Trung	H. Hưng Hà	20° 35' 15"	106° 11' 59"					F-48-81-C-d
thôn Kim Sơn 1	DC	xã Kim Trung	H. Hưng Hà	20° 35' 08"	106° 12' 35"					F-48-81-C-d
thôn Kim Sơn 2	DC	xã Kim Trung	H. Hưng Hà	20° 35' 05"	106° 12' 44"					F-48-81-C-d
thôn Lập Bái	DC	xã Kim Trung	H. Hưng Hà	20° 34' 47"	106° 12' 40"					F-48-81-C-d
thôn Nghĩa Thôn (thôn Trung Nghĩa)	DC	xã Kim Trung	H. Hưng Hà	20° 34' 12"	106° 12' 26"					F-48-81-C-d
thôn Trung Thôn 1	DC	xã Kim Trung	H. Hưng Hà	20° 34' 34"	106° 12' 34"					F-48-81-C-d
thôn Trung Thôn 2	DC	xã Kim Trung	H. Hưng Hà	20° 34' 38"	106° 12' 25"					F-48-81-C-d
chùa Đống Kim	KX	xã Kim Trung	H. Hưng Hà	20° 35' 27"	106° 12' 00"					F-48-81-C-d
sông Sa Lung	TV	xã Kim Trung	H. Hưng Hà			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-C-d
Thôn Bái	DC	xã Liên Hiệp	H. Hưng Hà	20° 36' 43"	106° 09' 38"					F-48-81-C-d
Thôn Chiêm	DC	xã Liên Hiệp	H. Hưng Hà	20° 36' 49"	106° 09' 21"					F-48-81-C-d
Thôn Khuốc	DC	xã Liên Hiệp	H. Hưng Hà	20° 36' 54"	106° 10' 15"					F-48-81-C-d
Thôn Nại	DC	xã Liên Hiệp	H. Hưng Hà	20° 36' 30"	106° 10' 41"					F-48-81-C-d
Thôn Ngừ	DC	xã Liên Hiệp	H. Hưng Hà	20° 36' 45"	106° 10' 29"					F-48-81-C-d
Thôn Nứa	DC	xã Liên Hiệp	H. Hưng Hà	20° 36' 35"	106° 10' 04"					F-48-81-C-d
Cầu Nại	KX	xã Liên Hiệp	H. Hưng Hà	20° 36' 29"	106° 10' 32"					F-48-81-C-d
đền Quốc Mẫu thờ Trần Thị Dung	KX	xã Liên Hiệp	H. Hưng Hà	20° 36' 49"	106° 10' 34"					F-48-81-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình thờ Trần Thủ Độ	KX	xã Liên Hiệp	H. Hưng Hà	20° 36' 51"	106° 10' 14"					F-48-81-C-d
Đình Ngừ	KX	xã Liên Hiệp	H. Hưng Hà	20° 36' 44"	106° 10' 18"					F-48-81-C-d
lăng mộ Trần Thị Dung	KX	xã Liên Hiệp	H. Hưng Hà	20° 36' 37"	106° 10' 37"					F-48-81-C-d
lăng mộ Trần Thủ Độ	KX	xã Liên Hiệp	H. Hưng Hà	20° 36' 37"	106° 10' 23"					F-48-81-C-d
Quốc lộ 39	KX	xã Liên Hiệp	H. Hưng Hà			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-C-d
sông Đào Thành	TV	xã Liên Hiệp	H. Hưng Hà			20° 36' 45"	106° 09' 54"	20° 38' 46"	106° 10' 02"	F-48-81-C-d
sông Sa Lung	TV	xã Liên Hiệp	H. Hưng Hà			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-C-d
thôn Cộng Hòa	DC	xã Minh Hòa	H. Hưng Hà	20° 33' 00"	106° 12' 40"					F-48-81-C-d
thôn Phú Mỹ	DC	xã Minh Hòa	H. Hưng Hà	20° 33' 00"	106° 13' 26"					F-48-81-C-d
thôn Thanh Lãng	DC	xã Minh Hòa	H. Hưng Hà	20° 32' 07"	106° 12' 27"					F-48-81-C-d
thôn Thượng Lãng	DC	xã Minh Hòa	H. Hưng Hà	20° 32' 45"	106° 12' 28"					F-48-81-C-d
thôn Vĩnh Bảo	DC	xã Minh Hòa	H. Hưng Hà	20° 32' 50"	106° 12' 41"					F-48-81-C-d
thôn Vị Khê	DC	xã Minh Hòa	H. Hưng Hà	20° 32' 35"	106° 13' 23"					F-48-81-C-d
xóm Hồng Thái	DC	xã Minh Hòa	H. Hưng Hà	20° 32' 18"	106° 12' 52"					F-48-81-C-d
xóm Thanh Vị	DC	xã Minh Hòa	H. Hưng Hà	20° 32' 27"	106° 12' 40"					F-48-81-C-d
đình Duyên Lãng	KX	xã Minh Hòa	H. Hưng Hà	20° 32' 59"	106° 12' 37"					F-48-81-C-d
đình Thượng Lãng	KX	xã Minh Hòa	H. Hưng Hà	20° 32' 42"	106° 12' 24"					F-48-81-C-d
Đường huyện 62	KX	xã Minh Hòa	H. Hưng Hà			20° 32' 18"	106° 12' 44"	20° 32' 13"	106° 13' 49"	F-48-81-C-d
Đường tỉnh 453	KX	xã Minh Hòa	H. Hưng Hà			20° 36' 26"	106° 09' 09"	20° 32' 18"	106° 12' 44"	F-48-81-C-d
Đường tỉnh 454	KX	xã Minh Hòa	H. Hưng Hà			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-81-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu di tích đình, đền Thanh Lãng	KX	xã Minh Hòa	H. Hưng Hà	20° 32' 14"	106° 12' 24"					F-48-81-C-d
thôn Đồng Lạc	DC	xã Minh Khai	H. Hưng Hà	20° 35' 04"	106° 14' 34"					F-48-81-C-d
thôn Hiến Nạp	DC	xã Minh Khai	H. Hưng Hà	20° 34' 30"	106° 13' 41"					F-48-81-C-d
thôn Thanh Cách	DC	xã Minh Khai	H. Hưng Hà	20° 35' 07"	106° 13' 58"					F-48-81-C-d
thôn Thanh La	DC	xã Minh Khai	H. Hưng Hà	20° 34' 44"	106° 14' 09"					F-48-81-C-d
thôn Tuy Lai	DC	xã Minh Khai	H. Hưng Hà	20° 35' 22"	106° 14' 15"					F-48-81-C-d
thôn Tư La	DC	xã Minh Khai	H. Hưng Hà	20° 34' 54"	106° 14' 14"					F-48-81-C-d
xóm Lê Vinh	DC	xã Minh Khai	H. Hưng Hà	20° 34' 24"	106° 13' 25"					F-48-81-C-d
Xóm Mới	DC	xã Minh Khai	H. Hưng Hà	20° 35' 36"	106° 14' 23"					F-48-81-C-d
cầu Tư La	KX	xã Minh Khai	H. Hưng Hà	20° 34' 53"	106° 14' 19"					F-48-81-C-d
Đường tỉnh 452	KX	xã Minh Khai	H. Hưng Hà			20° 39' 10"	106° 19' 20"	20° 31' 20"	106° 13' 51"	F-48-81-C-d
Đường tỉnh 454	KX	xã Minh Khai	H. Hưng Hà			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-81-C-d
Quốc lộ 39	KX	xã Minh Khai	H. Hưng Hà			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-C-d
sông Tiên Hưng	TV	xã Minh Khai	H. Hưng Hà			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-C-d
thôn Kiều Trai	DC	xã Minh Tân	H. Hưng Hà	20° 33' 53"	106° 10' 58"					F-48-81-C-d
thôn Phụng Công	DC	xã Minh Tân	H. Hưng Hà	20° 34' 01"	106° 10' 35"					F-48-81-C-d
thôn Phú Lạc	DC	xã Minh Tân	H. Hưng Hà	20° 33' 49"	106° 10' 11"					F-48-81-C-d
thôn Quang Trung	DC	xã Minh Tân	H. Hưng Hà	20° 34' 05"	106° 11' 14"					F-48-81-C-d
thôn Tân Thái	DC	xã Minh Tân	H. Hưng Hà	20° 33' 51"	106° 11' 26"					F-48-81-C-d
thôn Thanh Nga	DC	xã Minh Tân	H. Hưng Hà	20° 33' 36"	106° 10' 27"					F-48-81-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Chuẩn Cách	DC	xã Minh Tân	H. Hưng Hà	20° 33' 59"	106° 11' 17"					F-48-81-C-d
đình Kiều Trai	KX	xã Minh Tân	H. Hưng Hà	20° 34' 09"	106° 10' 49"					F-48-81-C-d
Đường tỉnh 453	KX	xã Minh Tân	H. Hưng Hà			20° 36' 26"	106° 09' 09"	20° 32' 18"	106° 12' 44"	F-48-81-C-d
Khu di tích đình, chùa Phụng Công	KX	xã Minh Tân	H. Hưng Hà	20° 33' 58"	106° 10' 31"					F-48-81-C-d
Sông Hồng	TV	xã Minh Tân	H. Hưng Hà			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-81-C-d
Thôn Bản	DC	xã Phúc Khánh	H. Hưng Hà	20° 36' 35"	106° 12' 26"					F-48-81-C-d
thôn Hương Xá	DC	xã Phúc Khánh	H. Hưng Hà	20° 36' 25"	106° 11' 04"					F-48-81-C-d
Thôn Khổng	DC	xã Phúc Khánh	H. Hưng Hà	20° 36' 47"	106° 11' 14"					F-48-81-C-d
thôn Khánh Mỹ	DC	xã Phúc Khánh	H. Hưng Hà	20° 36' 22"	106° 11' 18"					F-48-81-C-d
thôn Sòi 1	DC	xã Phúc Khánh	H. Hưng Hà	20° 36' 47"	106° 11' 48"					F-48-81-C-d
thôn Sòi 2	DC	xã Phúc Khánh	H. Hưng Hà	20° 36' 47"	106° 11' 40"					F-48-81-C-d
Quốc lộ 39	KX	xã Phúc Khánh	H. Hưng Hà			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-C-d
sông Sa Lung	TV	xã Phúc Khánh	H. Hưng Hà			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-C-d
Thôn Cun	DC	xã Tân Hòa	H. Hưng Hà	20° 37' 18"	106° 09' 36"					F-48-81-C-d
Thôn Gạo	DC	xã Tân Hòa	H. Hưng Hà	20° 37' 38"	106° 09' 46"					F-48-81-C-b
Thôn Kênh	DC	xã Tân Hòa	H. Hưng Hà	20° 37' 02"	106° 09' 51"					F-48-81-C-d
Thôn Khám	DC	xã Tân Hòa	H. Hưng Hà	20° 36' 57"	106° 09' 29"					F-48-81-C-d
Thôn Lường	DC	xã Tân Hòa	H. Hưng Hà	20° 37' 15"	106° 09' 13"					F-48-81-C-d
Thôn Me	DC	xã Tân Hòa	H. Hưng Hà	20° 37' 26"	106° 10' 14"					F-48-81-C-b, F-48-81-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Riệc	DC	xã Tân Hòa	H. Hưng Hà	20° 37' 54"	106° 09' 44"					F-48-81-C-b
Thôn Ruốm	DC	xã Tân Hòa	H. Hưng Hà	20° 37' 28"	106° 09' 23"					F-48-81-C-b, F-48-81-C-d
chùa Làng Diệc	KX	xã Tân Hòa	H. Hưng Hà	20° 37' 52"	106° 09' 33"					F-48-81-C-b
đình Làng Diệc	KX	xã Tân Hòa	H. Hưng Hà	20° 37' 49"	106° 09' 35"					F-48-81-C-b
Đình Me	KX	xã Tân Hòa	H. Hưng Hà	20° 37' 28"	106° 10' 10"					F-48-81-C-d
miếu Làng Diệc	KX	xã Tân Hòa	H. Hưng Hà	20° 37' 52"	106° 09' 34"					F-48-81-C-b
sông Đào Thành	TV	xã Tân Hòa	H. Hưng Hà			20° 36' 45"	106° 09' 54"	20° 38' 46"	106° 10' 02"	F-48-81-C-b, F-48-81-C-d
sông Sa Lung	TV	xã Tân Hòa	H. Hưng Hà			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-C-d
thôn An Tập	DC	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà	20° 37' 44"	106° 08' 00"					F-48-81-C-b
thôn Bùi Xá	DC	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà	20° 38' 40"	106° 07' 59"					F-48-81-C-b
thôn Hải Triều	DC	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà	20° 38' 51"	106° 08' 29"					F-48-81-C-b
thôn Hà Tân	DC	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà	20° 38' 41"	106° 07' 34"					F-48-81-C-b
thôn Hà Xá 1	DC	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà	20° 38' 12"	106° 07' 42"					F-48-81-C-b
thôn Hà Xá 2	DC	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà	20° 38' 33"	106° 07' 41"					F-48-81-C-b
thôn Lão Khê	DC	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà	20° 38' 45"	106° 07' 33"					F-48-81-C-a, F-48-81-C-b
thôn Phú Hà	DC	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà	20° 37' 48"	106° 07' 54"					F-48-81-C-b
thôn Quan Khê	DC	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà	20° 38' 58"	106° 08' 03"					F-48-81-C-b
thôn Tân Ấp	DC	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà	20° 37' 28"	106° 07' 59"					F-48-81-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tân Hà	DC	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà	20° 38' 26"	106° 07' 00"					F-48-81-C-a
thôn Thanh Triều	DC	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà	20° 38' 59"	106° 08' 22"					F-48-81-C-b
thôn Trung Hòa	DC	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà	20° 38' 42"	106° 07' 06"					F-48-81-C-a
thôn Xuân Hải	DC	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà	20° 38' 58"	106° 08' 44"					F-48-81-C-b
cầu Triều Dương	KX	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà	20° 39' 10"	106° 07' 41"					F-48-81-C-b
đền thờ Phạm Đôn Lễ	KX	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà	20° 38' 51"	106° 08' 18"					F-48-81-C-b
đền Trần Hưng Đạo - Hà Tân	KX	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà	20° 38' 52"	106° 07' 37"					F-48-81-C-b
đình Trung Hòa thôn Trung Hòa	KX	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà	20° 38' 46"	106° 07' 14"					F-48-81-C-a
Khu di tích đình, chùa Thanh Triều	KX	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà	20° 39' 02"	106° 08' 15"					F-48-81-C-b
Khu di tích đình, đền Phú Hà	KX	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà	20° 37' 43"	106° 07' 54"					F-48-81-C-b
Khu lăng mộ, đền thờ Các vua Lê, Hoàng Thái Hậu, Hoàng Hậu giai đoạn 1849 - 1527	KX	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà	20° 38' 45"	106° 07' 59"					F-48-81-C-b
làng nghề Chiếu Hới	KX	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà	20° 38' 51"	106° 08' 27"					F-48-81-C-b
miếu Tân Hà	KX	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà	20° 38' 24"	106° 07' 20"					F-48-81-C-a
Quốc lộ 39	KX	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-C-b
Sông Hồng	TV	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-81-C-b, F-48-81-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Luộc	TV	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-C-a, F-48-81-C-b
sông Sa Lung	TV	xã Tân Lễ	H. Hưng Hà			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-C-b
thôn An Nhân	DC	xã Tân Tiến	H. Hưng Hà	20° 36' 50"	106° 13' 05"					F-48-81-C-d
thôn Lương Ngọc	DC	xã Tân Tiến	H. Hưng Hà	20° 37' 23"	106° 12' 43"					F-48-81-C-d
thôn Nham Lang	DC	xã Tân Tiến	H. Hưng Hà	20° 38' 06"	106° 13' 11"					F-48-81-C-b
Chợ Buộm	KX	xã Tân Tiến	H. Hưng Hà	20° 37' 27"	106° 13' 05"					F-48-81-C-d
Đền Buộm	KX	xã Tân Tiến	H. Hưng Hà	20° 37' 28"	106° 13' 03"					F-48-81-C-d
Đền Rẫy	KX	xã Tân Tiến	H. Hưng Hà	20° 37' 05"	106° 12' 59"					F-48-81-C-d
đường Thái Bình - Hà Nam	KX	xã Tân Tiến	H. Hưng Hà			20° 35' 34"	106° 07' 40"	20° 36' 37"	106° 22' 42"	F-48-81-C-d
nghĩa trang Giáp Tân Tiến	KX	xã Tân Tiến	H. Hưng Hà	20° 38' 07"	106° 12' 55"					F-48-81-C-b
Khu di tích đình, chùa Ngùi - Lương Ngọc	KX	xã Tân Tiến	H. Hưng Hà	20° 36' 59"	106° 12' 10"					F-48-81-C-d
sông Tiên Hưng	TV	xã Tân Tiến	H. Hưng Hà			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-C-b, F-48-81-C-d
Sông Luộc	TV	xã Tân Tiến	H. Hưng Hà			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-C-b
thôn Duyên Trường	DC	xã Tây Đô	H. Hưng Hà	20° 35' 43"	106° 16' 57"					F-48-81-D-c
thôn Đa Phú	DC	xã Tây Đô	H. Hưng Hà	20° 36' 02"	106° 16' 25"					F-48-81-D-c
thôn Kênh Thôn	DC	xã Tây Đô	H. Hưng Hà	20° 35' 12"	106° 15' 57"					F-48-81-D-c
thôn Khánh Lai	DC	xã Tây Đô	H. Hưng Hà	20° 35' 35"	106° 17' 26"					F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Mỹ Thịnh	DC	xã Tây Đô	H. Hưng Hà	20° 35' 38"	106° 16' 05"					F-48-81-D-c
thôn Nội Thôn	DC	xã Tây Đô	H. Hưng Hà	20° 35' 23"	106° 16' 22"					F-48-81-D-c
thôn Quang Trung	DC	xã Tây Đô	H. Hưng Hà	20° 36' 10"	106° 16' 41"					F-48-81-D-c
thôn Trần Phú	DC	xã Tây Đô	H. Hưng Hà	20° 36' 19"	106° 16' 04"					F-48-81-D-c
đền Khánh Lai	KX	xã Tây Đô	H. Hưng Hà	20° 35' 40"	106° 17' 27"					F-48-81-D-c
Đường tỉnh 455	KX	xã Tây Đô	H. Hưng Hà			20° 33' 12"	106° 16' 35"	20° 33' 09"	106° 28' 10"	F-48-81-D-c
Khu di tích đình, chùa Duyên Trường	KX	xã Tây Đô	H. Hưng Hà	20° 35' 42"	106° 16' 48"					F-48-81-D-c
Khu di tích đình, chùa Làng Kênh	KX	xã Tây Đô	H. Hưng Hà	20° 35' 08"	106° 15' 53"					F-48-81-D-c
Thôn Chiềng	DC	xã Thái Hưng	H. Hưng Hà	20° 35' 40"	106° 10' 31"					F-48-81-C-d
thôn Dương Khê	DC	xã Thái Hưng	H. Hưng Hà	20° 35' 20"	106° 09' 46"					F-48-81-C-d
thôn Dương Xuân	DC	xã Thái Hưng	H. Hưng Hà	20° 35' 18"	106° 10' 03"					F-48-81-C-d
thôn Đồng Vọng	DC	xã Thái Hưng	H. Hưng Hà	20° 35' 26"	106° 10' 10"					F-48-81-C-d
thôn Khả La	DC	xã Thái Hưng	H. Hưng Hà	20° 35' 46"	106° 10' 46"					F-48-81-C-d
thôn Phú Ốc	DC	xã Thái Hưng	H. Hưng Hà	20° 36' 05"	106° 10' 25"					F-48-81-C-d
thôn Tân Dương	DC	xã Thái Hưng	H. Hưng Hà	20° 34' 58"	106° 09' 45"					F-48-81-C-d
thôn Tống Xuyên	DC	xã Thái Hưng	H. Hưng Hà	20° 35' 45"	106° 10' 07"					F-48-81-C-d
đường Thái Bình - Hà Nam	KX	xã Thái Hưng	H. Hưng Hà			20° 35' 34"	106° 07' 40"	20° 36' 37"	106° 22' 42"	F-48-81-C-d
sông Sa Lung	TV	xã Thái Hưng	H. Hưng Hà			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-C-d
sông Thái Sư	TV	xã Thái Hưng	H. Hưng Hà			20° 36' 10"	106° 10' 57"	20° 37' 06"	106° 09' 19"	F-48-81-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hà Nguyên	DC	xã Thái Phương	H. Hưng Hà	20° 36' 00"	106° 11' 27"					F-48-81-C-d
thôn Nhân Xá	DC	xã Thái Phương	H. Hưng Hà	20° 35' 55"	106° 11' 10"					F-48-81-C-d
thôn Phương La 1	DC	xã Thái Phương	H. Hưng Hà	20° 34' 31"	106° 10' 51"					F-48-81-C-d
thôn Phương La 2	DC	xã Thái Phương	H. Hưng Hà	20° 34' 42"	106° 10' 57"					F-48-81-C-d
thôn Phương La 3	DC	xã Thái Phương	H. Hưng Hà	20° 34' 50"	106° 10' 54"					F-48-81-C-d
thôn Phương La 4	DC	xã Thái Phương	H. Hưng Hà	20° 34' 47"	106° 10' 44"					F-48-81-C-d
thôn Trác Dương	DC	xã Thái Phương	H. Hưng Hà	20° 35' 08"	106° 11' 21"					F-48-81-C-d
thôn Xuân La	DC	xã Thái Phương	H. Hưng Hà	20° 35' 22"	106° 10' 47"					F-48-81-C-d
cầu Đồng Tu	KX	xã Thái Phương	H. Hưng Hà	20° 35' 58"	106° 11' 56"					F-48-81-C-d
Chợ Mẹo	KX	xã Thái Phương	H. Hưng Hà	20° 34' 45"	106° 11' 01"					F-48-81-C-d
đường Thái Bình - Hà Nam	KX	xã Thái Phương	H. Hưng Hà			20° 35' 34"	106° 07' 40"	20° 36' 37"	106° 22' 42"	F-48-81-C-d
làng nghề Dệt vải Phương La (Làng Mẹo)	KX	xã Thái Phương	H. Hưng Hà	20° 34' 44"	106° 10' 50"					F-48-81-C-d
Quốc lộ 39	KX	xã Thái Phương	H. Hưng Hà			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-C-d
sông Sa Lung	TV	xã Thái Phương	H. Hưng Hà			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-C-d
sông Thái Sư	TV	xã Thái Phương	H. Hưng Hà			20° 36' 10"	106° 10' 57"	20° 37' 06"	106° 09' 19"	F-48-81-C-d
phố Trạm Chay	DC	xã Thống Nhất	H. Hưng Hà	20° 35' 54"	106° 14' 09"					F-48-81-C-d
thôn An Đình	DC	xã Thống Nhất	H. Hưng Hà	20° 36' 56"	106° 14' 54"					F-48-81-C-d, F-48-81-D-c
thôn An Khoái	DC	xã Thống Nhất	H. Hưng Hà	20° 36' 27"	106° 15' 13"					F-48-81-D-c
thôn An Mai	DC	xã Thống Nhất	H. Hưng Hà	20° 36' 20"	106° 15' 27"					F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đại An	DC	xã Thống Nhất	H. Hưng Hà	20° 36' 30"	106° 14' 32"					F-48-81-C-d
thôn Đa Phú 1	DC	xã Thống Nhất	H. Hưng Hà	20° 36' 15"	106° 13' 45"					F-48-81-C-d
thôn Đa Phú 2	DC	xã Thống Nhất	H. Hưng Hà	20° 36' 25"	106° 13' 06"					F-48-81-C-d
thôn Hoành Mỹ	DC	xã Thống Nhất	H. Hưng Hà	20° 36' 05"	106° 14' 51"					F-48-81-C-d, F-48-81-D-c
thôn Lương Trang	DC	xã Thống Nhất	H. Hưng Hà	20° 36' 07"	106° 14' 10"					F-48-81-C-d
thôn Ngoại Trang	DC	xã Thống Nhất	H. Hưng Hà	20° 36' 10"	106° 14' 24"					F-48-81-C-d
chùa Hoành Mỹ	KX	xã Thống Nhất	H. Hưng Hà	20° 36' 06"	106° 14' 46"					F-48-81-C-d
đền Khoai Đồng thôn An Đình	KX	xã Thống Nhất	H. Hưng Hà	20° 37' 00"	106° 14' 59"					F-48-81-C-d
đình Hoành Mỹ	KX	xã Thống Nhất	H. Hưng Hà	20° 36' 01"	106° 14' 45"					F-48-81-C-d
đường Thái Bình - Hà Nam	KX	xã Thống Nhất	H. Hưng Hà			20° 35' 34"	106° 07' 40"	20° 36' 37"	106° 22' 42"	F-48-81-C-d, F-48-81-D-c
Đường tỉnh 452	KX	xã Thống Nhất	H. Hưng Hà			20° 39' 10"	106° 19' 20"	20° 31' 20"	106° 13' 51"	F-48-81-C-d
sông Tiên Hưng	TV	xã Thống Nhất	H. Hưng Hà			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-C-d
thôn Do Đạo	DC	xã Tiến Đức	H. Hưng Hà	20° 35' 00"	106° 08' 10"					F-48-81-C-d
thôn Dương Xá	DC	xã Tiến Đức	H. Hưng Hà	20° 36' 11"	106° 09' 10"					F-48-81-C-d
thôn Đoan Bản	DC	xã Tiến Đức	H. Hưng Hà	20° 34' 54"	106° 08' 15"					F-48-81-C-d
thôn Nhật Tảo	DC	xã Tiến Đức	H. Hưng Hà	20° 35' 28"	106° 07' 55"					F-48-81-C-d
thôn Phú Vật	DC	xã Tiến Đức	H. Hưng Hà	20° 35' 13"	106° 08' 05"					F-48-81-C-d
thôn Tam Đường	DC	xã Tiến Đức	H. Hưng Hà	20° 36' 07"	106° 08' 35"					F-48-81-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tây Nha	DC	xã Tiến Đức	H. Hưng Hà	20° 36' 00"	106° 08' 57"					F-48-81-C-d
thôn Trung Thượng	DC	xã Tiến Đức	H. Hưng Hà	20° 35' 30"	106° 09' 21"					F-48-81-C-d
xóm Thống Nhất	DC	xã Tiến Đức	H. Hưng Hà	20° 36' 08"	106° 08' 09"					F-48-81-C-d
Cầu Lê	KX	xã Tiến Đức	H. Hưng Hà	20° 36' 27"	106° 09' 08"					F-48-81-C-d
cầu Thái Hà	KX	xã Tiến Đức	H. Hưng Hà	20° 35' 34"	106° 07' 40"					F-48-81-C-d
đường Thái Bình - Hà Nam	KX	xã Tiến Đức	H. Hưng Hà			20° 35' 34"	106° 07' 40"	20° 36' 37"	106° 22' 42"	F-48-81-C-d
Đình Giàng	KX	xã Tiến Đức	H. Hưng Hà	20° 35' 37"	106° 09' 14"					F-48-81-C-d
Đường tỉnh 453	KX	xã Tiến Đức	H. Hưng Hà			20° 36' 26"	106° 09' 09"	20° 32' 18"	106° 12' 44"	F-48-81-C-d
Khu di tích đền, chùa Phú Vật	KX	xã Tiến Đức	H. Hưng Hà	20° 35' 18"	106° 08' 12"					F-48-81-C-d
lăng mộ và đền thờ Các vị vua triều Trần	KX	xã Tiến Đức	H. Hưng Hà	20° 36' 01"	106° 08' 43"					F-48-81-C-d
lăng tẩm Các vua Trần	KX	xã Tiến Đức	H. Hưng Hà	20° 35' 52"	106° 08' 38"					F-48-81-C-d
Quốc lộ 39	KX	xã Tiến Đức	H. Hưng Hà			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-C-d
Sông Hồng	TV	xã Tiến Đức	H. Hưng Hà			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-81-C-d
sông Thái Sư	TV	xã Tiến Đức	H. Hưng Hà			20° 36' 10"	106° 10' 57"	20° 37' 06"	106° 09' 19"	F-48-81-C-d
thôn Gia Lạp	DC	xã Văn Cẩm	H. Hưng Hà	20° 36' 58"	106° 16' 08"					F-48-81-D-c
thôn Mỹ Đình	DC	xã Văn Cẩm	H. Hưng Hà	20° 37' 13"	106° 15' 16"					F-48-81-D-c
thôn Ngọc Liễn	DC	xã Văn Cẩm	H. Hưng Hà	20° 37' 06"	106° 15' 08"					F-48-81-D-c
thôn Trần Xá	DC	xã Văn Cẩm	H. Hưng Hà	20° 37' 18"	106° 16' 29"					F-48-81-D-c
thôn Truy Đình	DC	xã Văn Cẩm	H. Hưng Hà	20° 37' 12"	106° 15' 33"					F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Thái Bình - Hà Nam	KX	xã Văn Cẩm	H. Hưng Hà			20° 35' 34"	106° 07' 40"	20° 36' 37"	106° 22' 42"	F-48-81-D-c
thôn Mỹ Lương	DC	xã Văn Lang	H. Hưng Hà	20° 34' 11"	106° 12' 54"					F-48-81-C-d
thôn Phúc Duyên	DC	xã Văn Lang	H. Hưng Hà	20° 33' 13"	106° 12' 56"					F-48-81-C-d
thôn Phú Khu	DC	xã Văn Lang	H. Hưng Hà	20° 33' 49"	106° 13' 30"					F-48-81-C-d
thôn Thưởng Duyên	DC	xã Văn Lang	H. Hưng Hà	20° 33' 17"	106° 12' 41"					F-48-81-C-d
thôn Thượng Ngạn 1	DC	xã Văn Lang	H. Hưng Hà	20° 33' 38"	106° 13' 39"					F-48-81-C-d
thôn Thượng Ngạn 2	DC	xã Văn Lang	H. Hưng Hà	20° 33' 36"	106° 14' 02"					F-48-81-C-d
thôn Vĩnh Truyền	DC	xã Văn Lang	H. Hưng Hà	20° 33' 37"	106° 13' 18"					F-48-81-C-d
Cầu Đót	KX	xã Văn Lang	H. Hưng Hà	20° 34' 09"	106° 13' 22"					F-48-81-C-d
Cầu Ngận	KX	xã Văn Lang	H. Hưng Hà	20° 33' 38"	106° 14' 03"					F-48-81-C-d
đình Mỹ Lương	KX	xã Văn Lang	H. Hưng Hà	20° 34' 16"	106° 12' 54"					F-48-81-C-d
đình Thượng Ngạn	KX	xã Văn Lang	H. Hưng Hà	20° 33' 38"	106° 13' 35"					F-48-81-C-d
Đình Trang	KX	xã Văn Lang	H. Hưng Hà	20° 33' 10"	106° 12' 52"					F-48-81-C-d
Đình Trung	KX	xã Văn Lang	H. Hưng Hà	20° 33' 24"	106° 12' 45"					F-48-81-C-d
Đường tỉnh 452	KX	xã Văn Lang	H. Hưng Hà			20° 39' 10"	106° 19' 20"	20° 31' 20"	106° 13' 51"	F-48-81-C-d
Đường tỉnh 454	KX	xã Văn Lang	H. Hưng Hà			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-81-C-d
Khu di tích đền, chùa Vĩnh Truyền	KX	xã Văn Lang	H. Hưng Hà	20° 33' 35"	106° 13' 16"					F-48-81-C-d
sông Sa Lung	TV	xã Văn Lang	H. Hưng Hà			20° 38' 58"	106° 07' 38"	20° 31' 16"	106° 24' 32"	F-48-81-C-d
khu Chấn Đông	DC	TT. Thanh Nê	H. Kiến Xương	20° 23' 36"	106° 27' 11"					F-48-93-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Chung Đồng	DC	TT. Thanh Nê	H. Kiến Xương	20° 23' 10"	106° 25' 27"					F-48-93-B-b
khu Cộng Hòa	DC	TT. Thanh Nê	H. Kiến Xương	20° 23' 25"	106° 26' 09"					F-48-93-B-b
khu Đông Trung	DC	TT. Thanh Nê	H. Kiến Xương	20° 23' 15"	106° 26' 24"					F-48-93-B-b
khu Giang Đông	DC	TT. Thanh Nê	H. Kiến Xương	20° 23' 38"	106° 26' 52"					F-48-93-B-b
khu Giang Nam	DC	TT. Thanh Nê	H. Kiến Xương	20° 22' 58"	106° 26' 25"					F-48-93-B-b
khu Hưng Long	DC	TT. Thanh Nê	H. Kiến Xương	20° 23' 15"	106° 26' 05"					F-48-93-B-b
khu Minh Đức	DC	TT. Thanh Nê	H. Kiến Xương	20° 23' 07"	106° 26' 57"					F-48-93-B-b
khu Quang Trung	DC	TT. Thanh Nê	H. Kiến Xương	20° 23' 35"	106° 26' 30"					F-48-93-B-b
khu Tân Tiến	DC	TT. Thanh Nê	H. Kiến Xương	20° 23' 38"	106° 26' 01"					F-48-93-B-b
khu Thống Nhất	DC	TT. Thanh Nê	H. Kiến Xương	20° 23' 07"	106° 26' 15"					F-48-93-B-b
khu Tiền Tuyến	DC	TT. Thanh Nê	H. Kiến Xương	20° 23' 01"	106° 26' 30"					F-48-93-B-b
khu Tự Tiến	DC	TT. Thanh Nê	H. Kiến Xương	20° 23' 12"	106° 26' 00"					F-48-93-B-b
khu Văn Khôi	DC	TT. Thanh Nê	H. Kiến Xương	20° 23' 25"	106° 26' 43"					F-48-93-B-b
Cầu Cam	KX	TT. Thanh Nê	H. Kiến Xương	20° 22' 58"	106° 26' 34"					F-48-93-B-b
Đường tỉnh 457	KX	TT. Thanh Nê	H. Kiến Xương			20° 32' 03"	106° 25' 13"	20° 23' 27"	106° 26' 28"	F-48-93-B-b
Đường tỉnh 458	KX	TT. Thanh Nê	H. Kiến Xương			20° 27' 29"	106° 20' 30"	20° 23' 27"	106° 26' 28"	F-48-93-B-b
Quốc lộ 37B	KX	TT. Thanh Nê	H. Kiến Xương			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 17' 28"	106° 27' 00"	F-48-93-B-b
từ đường họ Trương Đăng Quỹ	KX	TT. Thanh Nê	H. Kiến Xương	20° 23' 13"	106° 26' 23"					F-48-93-B-b
sông Kiến Giang	TV	TT. Thanh Nê	H. Kiến Xương			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-B-b
thôn An Trạch	DC	xã An Bình	H. Kiến Xương	20° 28' 00"	106° 24' 39"					F-48-93-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bằng Trạch	DC	xã An Bình	H. Kiến Xương	20° 28' 53"	106° 24' 50"					F-48-93-B-b
thôn Bình Trật Bắc	DC	xã An Bình	H. Kiến Xương	20° 28' 34"	106° 24' 46"					F-48-93-B-b
thôn Bình Trật Nam	DC	xã An Bình	H. Kiến Xương	20° 28' 10"	106° 24' 44"					F-48-93-B-b
Đình Cả	KX	xã An Bình	H. Kiến Xương	20° 28' 13"	106° 24' 34"					F-48-93-B-b
Khu di tích đình, chùa An Trạch	KX	xã An Bình	H. Kiến Xương	20° 27' 56"	106° 24' 38"					F-48-93-B-b
sông Trà Lý	TV	xã An Bình	H. Kiến Xương			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-b
thôn An Đoài	DC	xã An Bồi	H. Kiến Xương	20° 23' 25"	106° 27' 47"					F-48-93-B-b
thôn An Đông	DC	xã An Bồi	H. Kiến Xương	20° 23' 25"	106° 28' 12"					F-48-93-B-b
thôn An Phú	DC	xã An Bồi	H. Kiến Xương	20° 23' 26"	106° 28' 00"					F-48-93-B-b
thôn Tân Hưng	DC	xã An Bồi	H. Kiến Xương	20° 23' 50"	106° 28' 01"					F-48-93-B-b
Quốc lộ 37B	KX	xã An Bồi	H. Kiến Xương			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 17' 28"	106° 27' 00"	F-48-93-B-b
từ đường họ Trần Ngọc Dư	KX	xã An Bồi	H. Kiến Xương	20° 23' 28"	106° 27' 54"					F-48-93-B-b
sông Kiến Giang	TV	xã An Bồi	H. Kiến Xương			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-B-b
thôn Ái Quốc	DC	xã Bình Định	H. Kiến Xương	20° 19' 01"	106° 27' 21"					F-48-93-B-d
thôn Công Bình	DC	xã Bình Định	H. Kiến Xương	20° 19' 16"	106° 27' 58"					F-48-93-B-d
thôn Hòa Bình	DC	xã Bình Định	H. Kiến Xương	20° 19' 12"	106° 26' 50"					F-48-93-B-d
thôn Hưng Đạo	DC	xã Bình Định	H. Kiến Xương	20° 19' 21"	106° 27' 14"					F-48-93-B-d
thôn Sơn Trung	DC	xã Bình Định	H. Kiến Xương	20° 18' 46"	106° 28' 11"					F-48-93-B-d
thôn Tân Đông	DC	xã Bình Định	H. Kiến Xương	20° 19' 45"	106° 28' 12"					F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thái Hòa	DC	xã Bình Định	H. Kiến Xương	20° 19' 19"	106° 27' 39"					F-48-93-B-d
thôn Trần Phú	DC	xã Bình Định	H. Kiến Xương	20° 18' 52"	106° 27' 02"					F-48-93-B-d
Khu di tích đền, chùa thôn Hòa Bình	KX	xã Bình Định	H. Kiến Xương	20° 19' 02"	106° 26' 47"					F-48-93-B-d
đình Sơn Tĩnh (đình Tức Tranh)	KX	xã Bình Định	H. Kiến Xương	20° 18' 58"	106° 28' 06"					F-48-93-B-d
từ đường họ Hoàng	KX	xã Bình Định	H. Kiến Xương	20° 19' 17"	106° 26' 40"					F-48-93-B-d
sông Cốc Giang	TV	xã Bình Định	H. Kiến Xương			20° 21' 57"	106° 28' 02"	20° 18' 31"	106° 28' 47"	F-48-93-B-d
Sông Lân	TV	xã Bình Định	H. Kiến Xương			20° 18' 29"	106° 29' 28"	20° 21' 17"	106° 29' 30"	F-48-93-B-d
thôn Đoàn Kết	DC	xã Bình Minh	H. Kiến Xương	20° 24' 06"	106° 26' 29"					F-48-93-B-b
thôn Đông Thành	DC	xã Bình Minh	H. Kiến Xương	20° 23' 46"	106° 25' 25"					F-48-93-B-b
thôn Giáo Nghĩa	DC	xã Bình Minh	H. Kiến Xương	20° 24' 20"	106° 26' 40"					F-48-93-B-b
thôn Hưng Đạo	DC	xã Bình Minh	H. Kiến Xương	20° 23' 44"	106° 25' 44"					F-48-93-B-b
thôn Hương Ngải	DC	xã Bình Minh	H. Kiến Xương	20° 24' 00"	106° 26' 13"					F-48-93-B-b
thôn Phú Mỹ	DC	xã Bình Minh	H. Kiến Xương	20° 24' 18"	106° 27' 04"					F-48-93-B-b
thôn Phương Ngải	DC	xã Bình Minh	H. Kiến Xương	20° 23' 56"	106° 26' 03"					F-48-93-B-b
thôn Việt Hùng	DC	xã Bình Minh	H. Kiến Xương	20° 24' 01"	106° 25' 43"					F-48-93-B-b
Cầu Ngái	KX	xã Bình Minh	H. Kiến Xương	20° 23' 46"	106° 25' 08"					F-48-93-B-b
chùa Phú Mỹ	KX	xã Bình Minh	H. Kiến Xương	20° 24' 16"	106° 26' 58"					F-48-93-B-b
Đường tỉnh 457	KX	xã Bình Minh	H. Kiến Xương			20° 32' 03"	106° 25' 13"	20° 23' 27"	106° 26' 28"	F-48-93-B-b
Đường tỉnh 458	KX	xã Bình Minh	H. Kiến Xương			20° 27' 29"	106° 20' 30"	20° 23' 27"	106° 26' 28"	F-48-93-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu di tích đình, miếu Phương Ngải Đông	KX	xã Bình Minh	H. Kiến Xương	20° 24' 10"	106° 26' 35"					F-48-93-B-b
Khu di tích đình, miếu Phương Ngải Đoài	KX	xã Bình Minh	H. Kiến Xương	20° 23' 51"	106° 25' 56"					F-48-93-B-b
sông Dục Dương	TV	xã Bình Minh	H. Kiến Xương			20° 29' 10"	106° 26' 50"	20° 23' 44"	106° 25' 08"	F-48-93-B-b
sông Kiến Giang	TV	xã Bình Minh	H. Kiến Xương			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-B-b
thôn An Chỉ	DC	xã Bình Nguyên	H. Kiến Xương	20° 27' 30"	106° 25' 40"					F-48-93-B-b
thôn Đông Lâu	DC	xã Bình Nguyên	H. Kiến Xương	20° 27' 01"	106° 25' 45"					F-48-93-B-b
thôn Quân Hành	DC	xã Bình Nguyên	H. Kiến Xương	20° 26' 50"	106° 25' 19"					F-48-93-B-b
thôn Xuân Bảng	DC	xã Bình Nguyên	H. Kiến Xương	20° 27' 08"	106° 25' 10"					F-48-93-B-b
Xóm Đình	DC	xã Bình Nguyên	H. Kiến Xương	20° 27' 11"	106° 25' 44"					F-48-93-B-b
Xóm Đoài	DC	xã Bình Nguyên	H. Kiến Xương	20° 27' 37"	106° 25' 04"					F-48-93-B-b
Xóm Đông	DC	xã Bình Nguyên	H. Kiến Xương	20° 27' 15"	106° 25' 23"					F-48-93-B-b
xóm Nam Đình	DC	xã Bình Nguyên	H. Kiến Xương	20° 26' 47"	106° 25' 19"					F-48-93-B-b
Xóm Trung	DC	xã Bình Nguyên	H. Kiến Xương	20° 26' 54"	106° 25' 29"					F-48-93-B-b
chùa Hồng Ân	KX	xã Bình Nguyên	H. Kiến Xương	20° 27' 14"	106° 25' 30"					F-48-93-B-b
sông Dục Dương	TV	xã Bình Nguyên	H. Kiến Xương			20° 29' 10"	106° 26' 50"	20° 23' 44"	106° 25' 08"	F-48-93-B-b
thôn Đa Cốc	DC	xã Bình Thanh	H. Kiến Xương	20° 18' 59"	106° 25' 40"					F-48-93-B-d
thôn Điện Biên	DC	xã Bình Thanh	H. Kiến Xương	20° 19' 06"	106° 26' 10"					F-48-93-B-d
thôn Khả Phú	DC	xã Bình Thanh	H. Kiến Xương	20° 19' 56"	106° 26' 00"					F-48-93-B-d
thôn Lập Ấp	DC	xã Bình Thanh	H. Kiến Xương	20° 20' 21"	106° 25' 51"					F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Cầu Gốc	KX	xã Bình Thanh	H. Kiến Xương	20° 19' 27"	106° 26' 31"					F-48-93-B-d
Chợ Gốc	KX	xã Bình Thanh	H. Kiến Xương	20° 19' 24"	106° 26' 24"					F-48-93-B-d
đền Lập Ấp	KX	xã Bình Thanh	H. Kiến Xương	20° 20' 33"	106° 25' 53"					F-48-93-B-d
đình Điện Biên (đình Khả Cảnh)	KX	xã Bình Thanh	H. Kiến Xương	20° 18' 57"	106° 26' 06"					F-48-93-B-d
đình Khả Phú	KX	xã Bình Thanh	H. Kiến Xương	20° 20' 03"	106° 26' 07"					F-48-93-B-d
đình Lập Ấp	KX	xã Bình Thanh	H. Kiến Xương	20° 20' 19"	106° 25' 57"					F-48-93-B-d
Quốc lộ 37B	KX	xã Bình Thanh	H. Kiến Xương			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 17' 28"	106° 27' 00"	F-48-93-B-d
tuyến đò Ngô Đồng	KX	xã Bình Thanh	H. Kiến Xương	20° 18' 02"	106° 25' 51"					F-48-93-B-d
từ đường họ Bùi	KX	xã Bình Thanh	H. Kiến Xương	20° 19' 50"	106° 26' 06"					F-48-93-B-d
sông Cốc Giang	TV	xã Bình Thanh	H. Kiến Xương			20° 21' 57"	106° 28' 02"	20° 18' 31"	106° 28' 47"	F-48-93-B-d
Sông Hồng	TV	xã Bình Thanh	H. Kiến Xương			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-d
thôn Cao Bạt Nang	DC	xã Đình Phùng	H. Kiến Xương	20° 25' 06"	106° 26' 23"					F-48-93-B-b
thôn Cao Trung	DC	xã Đình Phùng	H. Kiến Xương	20° 25' 18"	106° 26' 15"					F-48-93-B-b
thôn Nam Huân Bắc	DC	xã Đình Phùng	H. Kiến Xương	20° 25' 18"	106° 26' 32"					F-48-93-B-b
thôn Nam Huân Nam	DC	xã Đình Phùng	H. Kiến Xương	20° 25' 00"	106° 26' 38"					F-48-93-B-b
thôn Nam Huân Trung	DC	xã Đình Phùng	H. Kiến Xương	20° 25' 09"	106° 26' 40"					F-48-93-B-b
Cơ sở Xứ ủy Bắc Kỳ	KX	xã Đình Phùng	H. Kiến Xương	20° 25' 06"	106° 26' 38"					F-48-93-B-b
Đường huyện 15	KX	xã Đình Phùng	H. Kiến Xương			20° 26' 12"	106° 23' 30"	20° 25' 05"	106° 26' 21"	F-48-93-B-b
Đường tỉnh 457	KX	xã Đình Phùng	H. Kiến Xương			20° 32' 03"	106° 25' 13"	20° 23' 27"	106° 26' 28"	F-48-93-B-b
từ đường họ Phạm	KX	xã Đình Phùng	H. Kiến Xương	20° 25' 20"	106° 26' 34"					F-48-93-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Dục Dương	TV	xã Đình Phùng	H. Kiến Xương			20° 29' 10"	106° 26' 50"	20° 23' 44"	106° 25' 08"	F-48-93-B-b
thôn Bắc Sơn	DC	xã Hòa Bình	H. Kiến Xương	20° 24' 57"	106° 25' 09"					F-48-93-B-b
thôn Đề Thái	DC	xã Hòa Bình	H. Kiến Xương	20° 23' 56"	106° 25' 05"					F-48-93-B-b
Thôn Đoài	DC	xã Hòa Bình	H. Kiến Xương	20° 24' 40"	106° 24' 50"					F-48-93-B-b
thôn Nam Cao	DC	xã Hòa Bình	H. Kiến Xương	20° 24' 52"	106° 25' 29"					F-48-93-B-b
thôn Nam Sơn	DC	xã Hòa Bình	H. Kiến Xương	20° 24' 39"	106° 25' 28"					F-48-93-B-b
thôn Nam Tiền	DC	xã Hòa Bình	H. Kiến Xương	20° 23' 48"	106° 24' 50"					F-48-93-B-b
thôn Trung Hòa	DC	xã Hòa Bình	H. Kiến Xương	20° 24' 37"	106° 25' 55"					F-48-93-B-b
thôn Việt Hưng	DC	xã Hòa Bình	H. Kiến Xương	20° 24' 08"	106° 24' 54"					F-48-93-B-b
cầu Cánh Sẻ	KX	xã Hòa Bình	H. Kiến Xương	20° 24' 13"	106° 24' 15"					F-48-93-B-b
Cầu Ngái	KX	xã Hòa Bình	H. Kiến Xương	20° 23' 46"	106° 25' 08"					F-48-93-B-b
đền Bạt Trung Ngoại	KX	xã Hòa Bình	H. Kiến Xương	20° 24' 19"	106° 25' 12"					F-48-93-B-b
Đường tỉnh 458	KX	xã Hòa Bình	H. Kiến Xương			20° 27' 29"	106° 20' 30"	20° 23' 27"	106° 26' 28"	F-48-93-B-b
từ đường họ Nguyễn Phúc	KX	xã Hòa Bình	H. Kiến Xương	20° 24' 52"	106° 25' 09"					F-48-93-B-b
sông Dục Dương	TV	xã Hòa Bình	H. Kiến Xương			20° 29' 10"	106° 26' 50"	20° 23' 44"	106° 25' 08"	F-48-93-B-b
sông Kiến Giang	TV	xã Hòa Bình	H. Kiến Xương			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-B-b
thôn Bắc Dũng	DC	xã Hồng Thái	H. Kiến Xương	20° 27' 42"	106° 27' 51"					F-48-93-B-b
thôn Dương Cước	DC	xã Hồng Thái	H. Kiến Xương	20° 28' 10"	106° 27' 05"					F-48-93-B-b
thôn Gia Mỹ	DC	xã Hồng Thái	H. Kiến Xương	20° 28' 27"	106° 28' 11"					F-48-93-B-b
thôn Hữu Bộc	DC	xã Hồng Thái	H. Kiến Xương	20° 27' 54"	106° 27' 35"					F-48-93-B-b
thôn Nam Hòa	DC	xã Hồng Thái	H. Kiến Xương	20° 27' 30"	106° 27' 51"					F-48-93-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tả Phụ	DC	xã Hồng Thái	H. Kiến Xương	20° 27' 27"	106° 27' 33"					F-48-93-B-b
thôn Thượng Hòa	DC	xã Hồng Thái	H. Kiến Xương	20° 27' 10"	106° 27' 54"					F-48-93-B-b
thôn Xuân Cước	DC	xã Hồng Thái	H. Kiến Xương	20° 27' 40"	106° 26' 48"					F-48-93-B-b
cầu Đồng Xâm	KX	xã Hồng Thái	H. Kiến Xương	20° 27' 36"	106° 27' 41"					F-48-93-B-b
đền Đồng Xâm	KX	xã Hồng Thái	H. Kiến Xương	20° 27' 37"	106° 27' 43"					F-48-93-B-b
đền thờ Tổ Kim Hoàn	KX	xã Hồng Thái	H. Kiến Xương	20° 27' 39"	106° 27' 45"					F-48-93-B-b
Đường tỉnh 457	KX	xã Hồng Thái	H. Kiến Xương			20° 32' 03"	106° 25' 13"	20° 23' 27"	106° 26' 28"	F-48-93-B-b
làng nghề Chạm bạc Đồng Xâm	KX	xã Hồng Thái	H. Kiến Xương	20° 27' 38"	106° 27' 37"					F-48-93-B-b
sông Dục Dương	TV	xã Hồng Thái	H. Kiến Xương			20° 29' 10"	106° 26' 50"	20° 23' 44"	106° 25' 08"	F-48-93-B-b
sông Trà Lý	TV	xã Hồng Thái	H. Kiến Xương			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-b
thôn Cao Bình	DC	xã Hồng Tiến	H. Kiến Xương	20° 18' 14"	106° 28' 34"					F-48-93-B-d
thôn Đông Tiến	DC	xã Hồng Tiến	H. Kiến Xương	20° 18' 01"	106° 27' 39"					F-48-93-B-d
thôn Khả Cảnh	DC	xã Hồng Tiến	H. Kiến Xương	20° 18' 16"	106° 26' 21"					F-48-93-B-d
thôn Nam Hòa	DC	xã Hồng Tiến	H. Kiến Xương	20° 17' 51"	106° 27' 46"					F-48-93-B-d
thôn Nam Tiến	DC	xã Hồng Tiến	H. Kiến Xương	20° 18' 02"	106° 28' 29"					F-48-93-B-d
thôn Tân Thành	DC	xã Hồng Tiến	H. Kiến Xương	20° 18' 07"	106° 27' 03"					F-48-93-B-d
đền Khả Cửu	KX	xã Hồng Tiến	H. Kiến Xương	20° 18' 03"	106° 27' 29"					F-48-93-B-d
Quốc lộ 37B	KX	xã Hồng Tiến	H. Kiến Xương			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 17' 28"	106° 27' 00"	F-48-93-B-d
tuyến đò Cồn Nhất	KX	xã Hồng Tiến	H. Kiến Xương	20° 17' 28"	106° 27' 00"					F-48-93-B-d
tuyến đò Cồn Nhì	KX	xã Hồng Tiến	H. Kiến Xương	20° 17' 26"	106° 28' 01"					F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cốc Giang	TV	xã Hồng Tiến	H. Kiến Xương			20° 21' 57"	106° 28' 02"	20° 18' 31"	106° 28' 47"	F-48-93-B-d
Sông Hồng	TV	xã Hồng Tiến	H. Kiến Xương			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-d
Xóm 4	DC	xã Lê Lợi	H. Kiến Xương	20° 27' 19"	106° 27' 26"					F-48-93-B-b
Xóm 5	DC	xã Lê Lợi	H. Kiến Xương	20° 27' 07"	106° 27' 32"					F-48-93-B-b
Xóm 6	DC	xã Lê Lợi	H. Kiến Xương	20° 27' 00"	106° 27' 33"					F-48-93-B-b
Xóm 9	DC	xã Lê Lợi	H. Kiến Xương	20° 26' 50"	106° 27' 16"					F-48-93-B-b
Xóm 11	DC	xã Lê Lợi	H. Kiến Xương	20° 26' 48"	106° 27' 37"					F-48-93-B-b
Xóm 13	DC	xã Lê Lợi	H. Kiến Xương	20° 26' 43"	106° 27' 03"					F-48-93-B-b
Xóm 14	DC	xã Lê Lợi	H. Kiến Xương	20° 26' 32"	106° 27' 13"					F-48-93-B-b
Xóm 17	DC	xã Lê Lợi	H. Kiến Xương	20° 26' 23"	106° 27' 29"					F-48-93-B-b
Xóm 18	DC	xã Lê Lợi	H. Kiến Xương	20° 26' 09"	106° 27' 34"					F-48-93-B-b
Xóm 19	DC	xã Lê Lợi	H. Kiến Xương	20° 26' 18"	106° 26' 55"					F-48-93-B-b
Xóm 20	DC	xã Lê Lợi	H. Kiến Xương	20° 26' 28"	106° 26' 51"					F-48-93-B-b
thôn An Phúc	DC	xã Lê Lợi	H. Kiến Xương	20° 26' 30"	106° 27' 08"					F-48-93-B-b
thôn An Thái	DC	xã Lê Lợi	H. Kiến Xương	20° 26' 14"	106° 27' 21"					F-48-93-B-b
thôn Đông Thổ	DC	xã Lê Lợi	H. Kiến Xương	20° 26' 46"	106° 27' 32"					F-48-93-B-b
thôn Phú Ân	DC	xã Lê Lợi	H. Kiến Xương	20° 27' 12"	106° 27' 30"					F-48-93-B-b
thôn Thái Trung	DC	xã Lê Lợi	H. Kiến Xương	20° 26' 23"	106° 27' 26"					F-48-93-B-b
thôn Trung Kinh	DC	xã Lê Lợi	H. Kiến Xương	20° 26' 32"	106° 27' 28"					F-48-93-B-b
thôn Văn Hanh	DC	xã Lê Lợi	H. Kiến Xương	20° 26' 53"	106° 27' 30"					F-48-93-B-b
Chợ Lụ	KX	xã Lê Lợi	H. Kiến Xương	20° 26' 18"	106° 27' 10"					F-48-93-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Tây Phúc	KX	xã Lê Lợi	H. Kiến Xương	20° 26' 57"	106° 27' 18"					F-48-93-B-b
đền Đông Thổ	KX	xã Lê Lợi	H. Kiến Xương	20° 26' 48"	106° 27' 21"					F-48-93-B-b
Đường tỉnh 457	KX	xã Lê Lợi	H. Kiến Xương			20° 32' 03"	106° 25' 13"	20° 23' 27"	106° 26' 28"	F-48-93-B-b
sông Dục Dương	TV	xã Lê Lợi	H. Kiến Xương			20° 29' 10"	106° 26' 50"	20° 23' 44"	106° 25' 08"	F-48-93-B-b
sông Trà Lý	TV	xã Lê Lợi	H. Kiến Xương			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-b
thôn Cao Đồng	DC	xã Minh Hưng	H. Kiến Xương	20° 21' 50"	106° 25' 59"					F-48-93-B-d
thôn Nguyên Kinh 1	DC	xã Minh Hưng	H. Kiến Xương	20° 21' 03"	106° 25' 29"					F-48-93-B-d
thôn Nguyên Kinh 2	DC	xã Minh Hưng	H. Kiến Xương	20° 20' 47"	106° 25' 06"					F-48-93-B-d
thôn Nội Thôn	DC	xã Minh Hưng	H. Kiến Xương	20° 21' 39"	106° 25' 24"					F-48-93-B-d
Đình Son	KX	xã Minh Hưng	H. Kiến Xương	20° 20' 55"	106° 25' 35"					F-48-93-B-d
Miếu Son	KX	xã Minh Hưng	H. Kiến Xương	20° 20' 58"	106° 25' 32"					F-48-93-B-d
từ đường họ Trần	KX	xã Minh Hưng	H. Kiến Xương	20° 20' 53"	106° 25' 05"					F-48-93-B-d
thôn Dương Liễu 1	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Xương	20° 20' 27"	106° 24' 31"					F-48-93-B-d
thôn Dương Liễu 2	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Xương	20° 20' 38"	106° 24' 37"					F-48-93-B-d
thôn Dương Liễu 3	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Xương	20° 20' 21"	106° 24' 22"					F-48-93-B-d
thôn Nguyệt Giám	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Xương	20° 19' 56"	106° 24' 40"					F-48-93-B-d
thôn Tân Ấp 1	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Xương	20° 19' 34"	106° 25' 22"					F-48-93-B-d
thôn Tân Ấp 2	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Xương	20° 19' 48"	106° 25' 13"					F-48-93-B-d
Chùa Bụt (chùa Trại Chè)	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Xương	20° 20' 04"	106° 25' 15"					F-48-93-B-d
Đền Đông	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Xương	20° 20' 54"	106° 24' 37"					F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền Nguyệt Giám	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Xương	20° 20' 03"	106° 24' 58"					F-48-93-B-d
đền Hành Tại	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Xương	20° 19' 32"	106° 25' 03"					F-48-93-B-d
Khu di tích đền, chùa Nam	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Xương	20° 20' 19"	106° 24' 19"					F-48-93-B-d
Miếu Chúa	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Xương	20° 20' 28"	106° 23' 54"					F-48-93-B-d
từ đường họ Bùi Xuân	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Xương	20° 20' 24"	106° 24' 32"					F-48-93-B-d
từ đường họ Phan Đốc Đễ	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Xương	20° 19' 58"	106° 24' 47"					F-48-93-B-d
Sông Hồng	TV	xã Minh Tân	H. Kiến Xương			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-d
Sông Kem	TV	xã Minh Tân	H. Kiến Xương			20° 24' 01"	106° 23' 53"	20° 20' 28"	106° 23' 53"	F-48-93-B-d
thôn Đa Cốc	DC	xã Nam Bình	H. Kiến Xương	20° 19' 49"	106° 26' 23"					F-48-93-B-d
thôn Đức Chính	DC	xã Nam Bình	H. Kiến Xương	20° 20' 18"	106° 27' 04"					F-48-93-B-d
thôn Phú Cốc	DC	xã Nam Bình	H. Kiến Xương	20° 20' 25"	106° 26' 50"					F-48-93-B-d
thôn Sơn Thọ	DC	xã Nam Bình	H. Kiến Xương	20° 19' 45"	106° 26' 39"					F-48-93-B-d
thôn Thái Cao	DC	xã Nam Bình	H. Kiến Xương	20° 20' 45"	106° 27' 24"					F-48-93-B-d
thôn Trung Kiên	DC	xã Nam Bình	H. Kiến Xương	20° 20' 00"	106° 26' 45"					F-48-93-B-d
trại Đồng Lạc	DC	xã Nam Bình	H. Kiến Xương	20° 20' 37"	106° 26' 39"					F-48-93-B-d
Cầu Bản	KX	xã Nam Bình	H. Kiến Xương	20° 20' 21"	106° 27' 18"					F-48-93-B-d
Cầu Gốc	KX	xã Nam Bình	H. Kiến Xương	20° 19' 27"	106° 26' 31"					F-48-93-B-d
chùa Đa Cốc	KX	xã Nam Bình	H. Kiến Xương	20° 19' 47"	106° 26' 14"					F-48-93-B-d
đình Đa Cốc	KX	xã Nam Bình	H. Kiến Xương	20° 19' 48"	106° 26' 16"					F-48-93-B-d
đình Phú Cốc	KX	xã Nam Bình	H. Kiến Xương	20° 20' 23"	106° 26' 46"					F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Thái Cao	KX	xã Nam Bình	H. Kiến Xương	20° 20' 43"	106° 27' 19"					F-48-93-B-d
Miếu Tây	KX	xã Nam Bình	H. Kiến Xương	20° 19' 47"	106° 26' 13"					F-48-93-B-d
Quốc lộ 37B	KX	xã Nam Bình	H. Kiến Xương			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 17' 28"	106° 27' 00"	F-48-93-B-d
từ đường họ Hoàng	KX	xã Nam Bình	H. Kiến Xương	20° 19' 49"	106° 26' 25"					F-48-93-B-d
sông Cốc Giang	TV	xã Nam Bình	H. Kiến Xương			20° 21' 57"	106° 28' 02"	20° 18' 31"	106° 28' 47"	F-48-93-B-d
thôn Cao Bạt Đình	DC	xã Nam Cao	H. Kiến Xương	20° 25' 56"	106° 27' 07"					F-48-93-B-b
thôn Cao Bạt Đoài	DC	xã Nam Cao	H. Kiến Xương	20° 25' 45"	106° 27' 04"					F-48-93-B-b
thôn Cao Bạt Đông	DC	xã Nam Cao	H. Kiến Xương	20° 25' 59"	106° 27' 19"					F-48-93-B-b
thôn Cao Bạt E	DC	xã Nam Cao	H. Kiến Xương	20° 25' 36"	106° 27' 18"					F-48-93-B-b
thôn Cao Bạt Lụ	DC	xã Nam Cao	H. Kiến Xương	20° 26' 02"	106° 27' 13"					F-48-93-B-b
thôn Cao Bạt Nam	DC	xã Nam Cao	H. Kiến Xương	20° 25' 45"	106° 27' 30"					F-48-93-B-b
thôn Cao Bạt Thượng	DC	xã Nam Cao	H. Kiến Xương	20° 25' 18"	106° 27' 17"					F-48-93-B-b
thôn Cao Bạt Trung	DC	xã Nam Cao	H. Kiến Xương	20° 25' 47"	106° 27' 11"					F-48-93-B-b
thôn Nam Đường Đông (thôn Nam Đường)	DC	xã Nam Cao	H. Kiến Xương	20° 25' 47"	106° 26' 58"					F-48-93-B-b
thôn Nam Đường Tây (thôn Nam Đường)	DC	xã Nam Cao	H. Kiến Xương	20° 25' 56"	106° 26' 39"					F-48-93-B-b
Đường tỉnh 457	KX	xã Nam Cao	H. Kiến Xương			20° 32' 03"	106° 25' 13"	20° 23' 27"	106° 26' 28"	F-48-93-B-b
làng nghề Dệt đũi Cao Bạt	KX	xã Nam Cao	H. Kiến Xương	20° 25' 59"	106° 27' 13"					F-48-93-B-b
sông Dục Dương	TV	xã Nam Cao	H. Kiến Xương			20° 29' 10"	106° 26' 50"	20° 23' 44"	106° 25' 08"	F-48-93-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bắc Sơn	DC	xã Quang Bình	H. Kiến Xương	20° 23' 54"	106° 24' 06"					F-48-93-B-b
Thôn Đông	DC	xã Quang Bình	H. Kiến Xương	20° 23' 24"	106° 24' 19"					F-48-93-B-b
thôn Đại Thành	DC	xã Quang Bình	H. Kiến Xương	20° 23' 23"	106° 23' 22"					F-48-93-B-b
thôn Đoàn Kết	DC	xã Quang Bình	H. Kiến Xương	20° 23' 41"	106° 24' 15"					F-48-93-B-b
thôn Hoa Thám	DC	xã Quang Bình	H. Kiến Xương	20° 23' 49"	106° 23' 41"					F-48-93-B-b
thôn Hưng Tiến	DC	xã Quang Bình	H. Kiến Xương	20° 23' 31"	106° 23' 46"					F-48-93-B-b
thôn Kim Thịnh	DC	xã Quang Bình	H. Kiến Xương	20° 23' 52"	106° 24' 25"					F-48-93-B-b
Thôn Ngái	DC	xã Quang Bình	H. Kiến Xương	20° 23' 13"	106° 24' 31"					F-48-93-B-b
thôn Ngái Đông	DC	xã Quang Bình	H. Kiến Xương	20° 23' 14"	106° 24' 41"					F-48-93-B-b
cầu Cánh Sẻ	KX	xã Quang Bình	H. Kiến Xương	20° 24' 13"	106° 24' 15"					F-48-93-B-b
đình Trung Thành	KX	xã Quang Bình	H. Kiến Xương	20° 23' 37"	106° 23' 56"					F-48-93-B-b
Đình Ngái	KX	xã Quang Bình	H. Kiến Xương	20° 23' 18"	106° 24' 38"					F-48-93-B-b
Đình Quán	KX	xã Quang Bình	H. Kiến Xương	20° 23' 57"	106° 24' 07"					F-48-93-B-b
Đường tỉnh 458	KX	xã Quang Bình	H. Kiến Xương			20° 27' 29"	106° 20' 30"	20° 23' 27"	106° 26' 28"	F-48-93-B-b
sông Kiến Giang	TV	xã Quang Bình	H. Kiến Xương			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-B-b
Sông Kem	TV	xã Quang Bình	H. Kiến Xương			20° 24' 01"	106° 23' 53"	20° 20' 28"	106° 23' 53"	F-48-93-B-b
thôn Cao Mại	DC	xã Quang Hưng	H. Kiến Xương	20° 21' 35"	106° 26' 53"					F-48-93-B-d
thôn Đông Nghĩa	DC	xã Quang Hưng	H. Kiến Xương	20° 21' 24"	106° 26' 57"					F-48-93-B-d
thôn Hữu Tiệm	DC	xã Quang Hưng	H. Kiến Xương	20° 21' 10"	106° 26' 29"					F-48-93-B-d
thôn Nam Tiến	DC	xã Quang Hưng	H. Kiến Xương	20° 21' 27"	106° 26' 32"					F-48-93-B-d
thôn Nghĩa Môn	DC	xã Quang Hưng	H. Kiến Xương	20° 20' 53"	106° 26' 17"					F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tây Nghĩa	DC	xã Quang Hưng	H. Kiến Xương	20° 21' 15"	106° 26' 42"					F-48-93-B-d
đình Cao Mại	KX	xã Quang Hưng	H. Kiến Xương	20° 21' 31"	106° 26' 47"					F-48-93-B-d
đình Hữu Tiệm	KX	xã Quang Hưng	H. Kiến Xương	20° 21' 28"	106° 26' 20"					F-48-93-B-d
đình Nghĩa Môn	KX	xã Quang Hưng	H. Kiến Xương	20° 20' 56"	106° 26' 09"					F-48-93-B-d
Quốc lộ 37B	KX	xã Quang Hưng	H. Kiến Xương			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 17' 28"	106° 27' 00"	F-48-93-B-d
thôn Luật Ngoại 1	DC	xã Quang Lịch	H. Kiến Xương	20° 24' 32"	106° 23' 45"					F-48-93-B-b
thôn Luật Ngoại 2	DC	xã Quang Lịch	H. Kiến Xương	20° 24' 40"	106° 24' 01"					F-48-93-B-b
thôn Luật Nội Đông	DC	xã Quang Lịch	H. Kiến Xương	20° 25' 18"	106° 24' 55"					F-48-93-B-b
thôn Luật Nội Tây	DC	xã Quang Lịch	H. Kiến Xương	20° 24' 58"	106° 24' 28"					F-48-93-B-b
thôn Luật Trung	DC	xã Quang Lịch	H. Kiến Xương	20° 25' 28"	106° 24' 44"					F-48-93-B-b
đình Luật Ngoại	KX	xã Quang Lịch	H. Kiến Xương	20° 24' 45"	106° 24' 09"					F-48-93-B-b
đình Luật Nội	KX	xã Quang Lịch	H. Kiến Xương	20° 25' 11"	106° 24' 49"					F-48-93-B-b
thôn Bạch Đằng	DC	xã Quang Minh	H. Kiến Xương	20° 22' 18"	106° 24' 48"					F-48-93-B-d
thôn Chi Lăng	DC	xã Quang Minh	H. Kiến Xương	20° 22' 29"	106° 25' 18"					F-48-93-B-b, F-48-93-B-d
thôn Giang Tiến	DC	xã Quang Minh	H. Kiến Xương	20° 22' 18"	106° 25' 01"					F-48-93-B-d
thôn Lai Vy	DC	xã Quang Minh	H. Kiến Xương	20° 21' 44"	106° 24' 53"					F-48-93-B-d
thôn Thống Nhất	DC	xã Quang Minh	H. Kiến Xương	20° 22' 27"	106° 24' 47"					F-48-93-B-b, F-48-93-B-d
chùa Lai Thành	KX	xã Quang Minh	H. Kiến Xương	20° 22' 28"	106° 24' 34"					F-48-93-B-d
chùa Lai Vi	KX	xã Quang Minh	H. Kiến Xương	20° 21' 38"	106° 24' 46"					F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Lai Thành	KX	xã Quang Minh	H. Kiến Xương	20° 22' 28"	106° 24' 32"					F-48-93-B-d
đình Lai Vi	KX	xã Quang Minh	H. Kiến Xương	20° 21' 37"	106° 24' 44"					F-48-93-B-d
Sông Kem	TV	xã Quang Minh	H. Kiến Xương			20° 24' 01"	106° 23' 53"	20° 20' 28"	106° 23' 53"	F-48-93-B-b, F-48-93-B-d
thôn Cao Mại Đoài	DC	xã Quang Trung	H. Kiến Xương	20° 21' 14"	106° 27' 33"					F-48-93-B-d
thôn Mỹ Nguyên	DC	xã Quang Trung	H. Kiến Xương	20° 22' 22"	106° 27' 43"					F-48-93-B-b, F-48-93-B-d
thôn Thượng Phúc	DC	xã Quang Trung	H. Kiến Xương	20° 21' 49"	106° 27' 09"					F-48-93-B-d
thôn Trà Đoài	DC	xã Quang Trung	H. Kiến Xương	20° 21' 58"	106° 26' 36"					F-48-93-B-d
thôn Trà Đông	DC	xã Quang Trung	H. Kiến Xương	20° 22' 12"	106° 27' 03"					F-48-93-B-d
đình Mỹ Nguyên	KX	xã Quang Trung	H. Kiến Xương	20° 22' 18"	106° 27' 40"					F-48-93-B-d
đình Thượng Phúc	KX	xã Quang Trung	H. Kiến Xương	20° 21' 53"	106° 27' 11"					F-48-93-B-d
đình Trà Đoài	KX	xã Quang Trung	H. Kiến Xương	20° 22' 00"	106° 26' 39"					F-48-93-B-d
đình Trà Đông	KX	xã Quang Trung	H. Kiến Xương	20° 22' 14"	106° 27' 01"					F-48-93-B-d
miếu Trà Đoài	KX	xã Quang Trung	H. Kiến Xương	20° 22' 06"	106° 26' 36"					F-48-93-B-d
Quốc lộ 37B	KX	xã Quang Trung	H. Kiến Xương			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 17' 28"	106° 27' 00"	F-48-93-B-b, F-48-93-B-d
sông Cốc Giang	TV	xã Quang Trung	H. Kiến Xương			20° 21' 57"	106° 28' 02"	20° 18' 31"	106° 28' 47"	F-48-93-B-d
sông Kiến Giang	TV	xã Quang Trung	H. Kiến Xương			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-B-b, F-48-93-B-d
thôn Bích Kê	DC	xã Quốc Tuấn	H. Kiến Xương	20° 28' 05"	106° 25' 43"					F-48-93-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đắc Chúng Bắc	DC	xã Quốc Tuấn	H. Kiến Xương	20° 28' 37"	106° 26' 38"					F-48-93-B-b
thôn Đắc Chúng Nam	DC	xã Quốc Tuấn	H. Kiến Xương	20° 28' 03"	106° 26' 22"					F-48-93-B-b
thôn Đắc Chúng Trung	DC	xã Quốc Tuấn	H. Kiến Xương	20° 28' 15"	106° 26' 29"					F-48-93-B-b
thôn Thụy Lũng Đông	DC	xã Quốc Tuấn	H. Kiến Xương	20° 28' 48"	106° 25' 50"					F-48-93-B-b
thôn Thụy Lũng Nam	DC	xã Quốc Tuấn	H. Kiến Xương	20° 28' 14"	106° 25' 41"					F-48-93-B-b
thôn Thụy Lũng Tây	DC	xã Quốc Tuấn	H. Kiến Xương	20° 28' 46"	106° 25' 33"					F-48-93-B-b
đền Đắc Chúng (đền Tứ Giáp)	KX	xã Quốc Tuấn	H. Kiến Xương	20° 28' 20"	106° 26' 30"					F-48-93-B-b
Xí nghiệp Gạch Quốc Tuấn	KX	xã Quốc Tuấn	H. Kiến Xương	20° 29' 07"	106° 25' 38"					F-48-93-B-b
sông Dục Dương	TV	xã Quốc Tuấn	H. Kiến Xương			20° 29' 10"	106° 26' 50"	20° 23' 44"	106° 25' 08"	F-48-93-B-b
sông Trà Lý	TV	xã Quốc Tuấn	H. Kiến Xương			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-b
thôn Đông Tiến	DC	xã Quyết Tiến	H. Kiến Xương	20° 27' 07"	106° 26' 34"					F-48-93-B-b
thôn Hồng Tiến	DC	xã Quyết Tiến	H. Kiến Xương	20° 26' 40"	106° 26' 23"					F-48-93-B-b
thôn Tân Tiến	DC	xã Quyết Tiến	H. Kiến Xương	20° 26' 38"	106° 26' 44"					F-48-93-B-b
thôn Trung Tiến	DC	xã Quyết Tiến	H. Kiến Xương	20° 26' 47"	106° 26' 40"					F-48-93-B-b
chùa Thanh Quang (Chùa Cháy)	KX	xã Quyết Tiến	H. Kiến Xương	20° 27' 11"	106° 26' 44"					F-48-93-B-b
sông Dục Dương	TV	xã Quyết Tiến	H. Kiến Xương			20° 29' 10"	106° 26' 50"	20° 23' 44"	106° 25' 08"	F-48-93-B-b
thôn An Cơ Bắc	DC	xã Thanh Tân	H. Kiến Xương	20° 26' 19"	106° 25' 27"					F-48-93-B-b
thôn An Cơ Đông	DC	xã Thanh Tân	H. Kiến Xương	20° 25' 56"	106° 25' 51"					F-48-93-B-b
thôn An Cơ Nam	DC	xã Thanh Tân	H. Kiến Xương	20° 25' 43"	106° 25' 47"					F-48-93-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Thọ	DC	xã Thanh Tân	H. Kiến Xương	20° 26' 00"	106° 25' 12"					F-48-93-B-b
thôn Nam Lâu	DC	xã Thanh Tân	H. Kiến Xương	20° 26' 36"	106° 25' 33"					F-48-93-B-b
thôn Phú Mãn	DC	xã Thanh Tân	H. Kiến Xương	20° 26' 24"	106° 26' 07"					F-48-93-B-b
thôn Tử Tế	DC	xã Thanh Tân	H. Kiến Xương	20° 26' 25"	106° 25' 06"					F-48-93-B-b
cầu Tân Lễ	KX	xã Thanh Tân	H. Kiến Xương	20° 26' 14"	106° 24' 36"					F-48-93-B-b
đình An Cơ	KX	xã Thanh Tân	H. Kiến Xương	20° 25' 50"	106° 25' 35"					F-48-93-B-b
Đường huyện 15	KX	xã Thanh Tân	H. Kiến Xương			20° 26' 12"	106° 23' 30"	20° 25' 05"	106° 26' 21"	F-48-93-B-b
miếu An Cơ	KX	xã Thanh Tân	H. Kiến Xương	20° 26' 06"	106° 25' 17"					F-48-93-B-b
miếu làng Tử Tế	KX	xã Thanh Tân	H. Kiến Xương	20° 26' 27"	106° 25' 12"					F-48-93-B-b
sông Dục Dương	TV	xã Thanh Tân	H. Kiến Xương			20° 29' 10"	106° 26' 50"	20° 23' 44"	106° 25' 08"	F-48-93-B-b
thôn Đông Khánh	DC	xã Thượng Hiền	H. Kiến Xương	20° 25' 32"	106° 28' 04"					F-48-93-B-b
thôn Tây Phú	DC	xã Thượng Hiền	H. Kiến Xương	20° 24' 54"	106° 27' 27"					F-48-93-B-b
thôn Trung Quí	DC	xã Thượng Hiền	H. Kiến Xương	20° 25' 11"	106° 27' 47"					F-48-93-B-b
thôn Văn Lăng	DC	xã Thượng Hiền	H. Kiến Xương	20° 24' 34"	106° 27' 28"					F-48-93-B-b
Đình Đông	KX	xã Thượng Hiền	H. Kiến Xương	20° 25' 47"	106° 28' 10"					F-48-93-B-b
Đình Nam	KX	xã Thượng Hiền	H. Kiến Xương	20° 24' 53"	106° 27' 36"					F-48-93-B-b
thôn Diệm Dương Đông	DC	xã Trà Giang	H. Kiến Xương	20° 29' 23"	106° 27' 43"					F-48-93-B-b
thôn Diệm Nam	DC	xã Trà Giang	H. Kiến Xương	20° 28' 28"	106° 27' 17"					F-48-93-B-b
thôn Dục Dương	DC	xã Trà Giang	H. Kiến Xương	20° 28' 39"	106° 27' 15"					F-48-93-B-b
thôn Dục Dương Đông	DC	xã Trà Giang	H. Kiến Xương	20° 29' 15"	106° 27' 26"					F-48-93-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lãng Đông	DC	xã Trà Giang	H. Kiến Xương	20° 28' 22"	106° 27' 33"					F-48-93-B-b
thôn Năng Nhượng	DC	xã Trà Giang	H. Kiến Xương	20° 29' 37"	106° 28' 07"					F-48-93-B-b
thôn Thuyền Định	DC	xã Trà Giang	H. Kiến Xương	20° 29' 01"	106° 27' 47"					F-48-93-B-b
thôn Trực Tầm	DC	xã Trà Giang	H. Kiến Xương	20° 29' 24"	106° 28' 19"					F-48-93-B-b
cầu Trà Giang	KX	xã Trà Giang	H. Kiến Xương	20° 29' 27"	106° 27' 01"					F-48-93-B-b
chùa Lãng Đông	KX	xã Trà Giang	H. Kiến Xương	20° 28' 06"	106° 27' 35"					F-48-93-B-b
Đường tỉnh 457	KX	xã Trà Giang	H. Kiến Xương			20° 32' 03"	106° 25' 13"	20° 23' 27"	106° 26' 28"	F-48-93-B-b
sông Dục Dương	TV	xã Trà Giang	H. Kiến Xương			20° 29' 10"	106° 26' 50"	20° 23' 44"	106° 25' 08"	F-48-93-B-b
sông Trà Lý	TV	xã Trà Giang	H. Kiến Xương			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-b
thôn An Điềm	DC	xã Vũ An	H. Kiến Xương	20° 25' 12"	106° 23' 09"					F-48-93-B-b
thôn Đồng Lầu	DC	xã Vũ An	H. Kiến Xương	20° 25' 41"	106° 23' 31"					F-48-93-B-b
thôn Đồng Tâm	DC	xã Vũ An	H. Kiến Xương	20° 25' 20"	106° 24' 00"					F-48-93-B-b
thôn Đồng Vinh	DC	xã Vũ An	H. Kiến Xương	20° 25' 41"	106° 22' 59"					F-48-93-B-b
thôn Đô Lương	DC	xã Vũ An	H. Kiến Xương	20° 25' 21"	106° 23' 22"					F-48-93-B-b
thôn Phụng Thượng	DC	xã Vũ An	H. Kiến Xương	20° 25' 31"	106° 23' 41"					F-48-93-B-b
đền Vua Rộc	KX	xã Vũ An	H. Kiến Xương	20° 25' 20"	106° 23' 04"					F-48-93-B-b
thôn Mộ Đạo 1	DC	xã Vũ Bình	H. Kiến Xương	20° 21' 25"	106° 23' 41"					F-48-93-B-d
thôn Mộ Đạo 2	DC	xã Vũ Bình	H. Kiến Xương	20° 21' 19"	106° 23' 14"					F-48-93-B-d
thôn Mộ Đạo 3	DC	xã Vũ Bình	H. Kiến Xương	20° 21' 24"	106° 23' 13"					F-48-93-B-d
thôn Nguyệt Lâm 1	DC	xã Vũ Bình	H. Kiến Xương	20° 20' 48"	106° 23' 47"					F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nguyệt Lâm 2	DC	xã Vũ Bình	H. Kiến Xương	20° 21' 08"	106° 23' 55"					F-48-93-B-d
thôn Nguyệt Lâm 3	DC	xã Vũ Bình	H. Kiến Xương	20° 20' 50"	106° 23' 52"					F-48-93-B-d
đền Mộ Đạo	KX	xã Vũ Bình	H. Kiến Xương	20° 21' 01"	106° 22' 56"					F-48-93-B-d
đình Mộ Đạo	KX	xã Vũ Bình	H. Kiến Xương	20° 21' 20"	106° 23' 39"					F-48-93-B-d
Đồn Cả (đồn Phan Bá Vành)	KX	xã Vũ Bình	H. Kiến Xương	20° 20' 33"	106° 23' 50"					F-48-93-B-d
Sông Hồng	TV	xã Vũ Bình	H. Kiến Xương			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-d
Sông Kem	TV	xã Vũ Bình	H. Kiến Xương			20° 24' 01"	106° 23' 53"	20° 20' 28"	106° 23' 53"	F-48-93-B-d
thôn Thái Công Bắc	DC	xã Vũ Công	H. Kiến Xương	20° 22' 56"	106° 23' 59"					F-48-93-B-b
thôn Thái Công Nam	DC	xã Vũ Công	H. Kiến Xương	20° 22' 44"	106° 23' 56"					F-48-93-B-b
thôn Trà Vy Bắc	DC	xã Vũ Công	H. Kiến Xương	20° 22' 10"	106° 23' 58"					F-48-93-B-d
thôn Trà Vy Đông	DC	xã Vũ Công	H. Kiến Xương	20° 21' 51"	106° 23' 56"					F-48-93-B-d
thôn Trà Vy Nam	DC	xã Vũ Công	H. Kiến Xương	20° 21' 43"	106° 23' 41"					F-48-93-B-d
đình Thái Công	KX	xã Vũ Công	H. Kiến Xương	20° 22' 51"	106° 23' 45"					F-48-93-B-b
đình Trà Vi Nam	KX	xã Vũ Công	H. Kiến Xương	20° 21' 42"	106° 23' 24"					F-48-93-B-d
Sông Kem	TV	xã Vũ Công	H. Kiến Xương			20° 24' 01"	106° 23' 53"	20° 20' 28"	106° 23' 53"	F-48-93-B-b, F-48-93-B-d
Thôn 1	DC	xã Vũ Hòa	H. Kiến Xương	20° 22' 24"	106° 23' 08"					F-48-93-B-b, F-48-93-B-d
Thôn 2	DC	xã Vũ Hòa	H. Kiến Xương	20° 22' 18"	106° 23' 01"					F-48-93-B-d
Thôn 3	DC	xã Vũ Hòa	H. Kiến Xương	20° 22' 06"	106° 22' 45"					F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 4	DC	xã Vũ Hòa	H. Kiến Xương	20° 21' 51"	106° 22' 37"					F-48-93-B-c, F-48-93-B-d
Thôn 5	DC	xã Vũ Hòa	H. Kiến Xương	20° 21' 55"	106° 22' 21"					F-48-93-B-c, F-48-93-B-d
làng Lịch Bài	DC	xã Vũ Hòa	H. Kiến Xương	20° 21' 56"	106° 22' 50"					F-48-93-B-c, F-48-93-B-d
làng Xuân Vũ	DC	xã Vũ Hòa	H. Kiến Xương	20° 22' 36"	106° 23' 13"					F-48-93-B-b, F-48-93-B-d
thôn Đông Chú	DC	xã Vũ Lễ	H. Kiến Xương	20° 26' 14"	106° 24' 23"					F-48-93-B-b
thôn Đồng Vân	DC	xã Vũ Lễ	H. Kiến Xương	20° 26' 46"	106° 24' 06"					F-48-93-B-b
thôn Man Đích	DC	xã Vũ Lễ	H. Kiến Xương	20° 26' 14"	106° 23' 37"					F-48-93-B-b
thôn Trình Hoàng	DC	xã Vũ Lễ	H. Kiến Xương	20° 26' 26"	106° 24' 33"					F-48-93-B-b
thôn Tri Lễ	DC	xã Vũ Lễ	H. Kiến Xương	20° 25' 49"	106° 23' 58"					F-48-93-B-b
cầu Tân Lễ	KX	xã Vũ Lễ	H. Kiến Xương	20° 26' 14"	106° 24' 36"					F-48-93-B-b
chùa Trình Hoàng	KX	xã Vũ Lễ	H. Kiến Xương	20° 26' 17"	106° 24' 28"					F-48-93-B-b
Đường huyện 15	KX	xã Vũ Lễ	H. Kiến Xương			20° 26' 12"	106° 23' 30"	20° 25' 05"	106° 26' 21"	F-48-93-B-b
thôn Bắc Sơn	DC	xã Vũ Ninh	H. Kiến Xương	20° 24' 51"	106° 22' 39"					F-48-93-B-a, F-48-93-B-b
thôn Cổ Am	DC	xã Vũ Ninh	H. Kiến Xương	20° 24' 19"	106° 21' 37"					F-48-93-B-a
thôn Đại Đồng	DC	xã Vũ Ninh	H. Kiến Xương	20° 25' 17"	106° 22' 28"					F-48-93-B-a, F-48-93-B-b
thôn Độc Lập	DC	xã Vũ Ninh	H. Kiến Xương	20° 25' 21"	106° 22' 12"					F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đông Hòa	DC	xã Vũ Ninh	H. Kiến Xương	20° 24' 41"	106° 22' 20"					F-48-93-B-a
thôn Đồng Vàng	DC	xã Vũ Ninh	H. Kiến Xương	20° 25' 38"	106° 21' 48"					F-48-93-B-a
thôn Hòa Bình	DC	xã Vũ Ninh	H. Kiến Xương	20° 25' 24"	106° 22' 35"					F-48-93-B-a, F-48-93-B-b
thôn Nam Sơn	DC	xã Vũ Ninh	H. Kiến Xương	20° 25' 03"	106° 22' 53"					F-48-93-B-b
thôn Tây Hòa	DC	xã Vũ Ninh	H. Kiến Xương	20° 24' 45"	106° 22' 04"					F-48-93-B-a
thôn Trung Hòa	DC	xã Vũ Ninh	H. Kiến Xương	20° 24' 37"	106° 22' 06"					F-48-93-B-a
Cầu Niềm	KX	xã Vũ Ninh	H. Kiến Xương	20° 25' 24"	106° 22' 14"					F-48-93-B-a
Đường tỉnh 458	KX	xã Vũ Ninh	H. Kiến Xương			20° 27' 29"	106° 20' 30"	20° 23' 27"	106° 26' 28"	F-48-93-B-a, F-48-93-B-b
từ đường Dũng Sơn Hầu Nguyễn Đăng Sùng	KX	xã Vũ Ninh	H. Kiến Xương	20° 24' 37"	106° 22' 07"					F-48-93-B-a
từ đường họ Lại	KX	xã Vũ Ninh	H. Kiến Xương	20° 24' 43"	106° 22' 22"					F-48-93-B-a
sông Kiến Giang	TV	xã Vũ Ninh	H. Kiến Xương			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-B-a
Sông Kìm	TV	xã Vũ Ninh	H. Kiến Xương			20° 26' 57"	106° 21' 30"	20° 24' 32"	106° 21' 51"	F-48-93-B-a
Thôn 1	DC	xã Vũ Quý	H. Kiến Xương	20° 24' 17"	106° 23' 21"					F-48-93-B-b
Thôn 2	DC	xã Vũ Quý	H. Kiến Xương	20° 24' 12"	106° 22' 56"					F-48-93-B-b
Thôn 3	DC	xã Vũ Quý	H. Kiến Xương	20° 24' 05"	106° 23' 06"					F-48-93-B-b
Thôn 4	DC	xã Vũ Quý	H. Kiến Xương	20° 24' 07"	106° 22' 51"					F-48-93-B-b
Thôn 5	DC	xã Vũ Quý	H. Kiến Xương	20° 23' 45"	106° 22' 59"					F-48-93-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Hanh Cù (chùa Bảo Trai)	KX	xã Vũ Quý	H. Kiến Xương	20° 24' 16"	106° 23' 11"					F-48-93-B-b
Chợ Phủ	KX	xã Vũ Quý	H. Kiến Xương	20° 24' 11"	106° 22' 58"					F-48-93-B-b
Đường tỉnh 458	KX	xã Vũ Quý	H. Kiến Xương			20° 27' 29"	106° 20' 30"	20° 23' 27"	106° 26' 28"	F-48-93-B-b
từ đường họ Nguyễn Đăng	KX	xã Vũ Quý	H. Kiến Xương	20° 23' 47"	106° 22' 57"					F-48-93-B-b
sông Kiến Giang	TV	xã Vũ Quý	H. Kiến Xương			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-B-a, F-48-93-B-b
thôn Đại Du	DC	xã Vũ Sơn	H. Kiến Xương	20° 27' 11"	106° 23' 49"					F-48-93-B-b
thôn Quyết Tiến	DC	xã Vũ Sơn	H. Kiến Xương	20° 27' 12"	106° 23' 22"					F-48-93-B-b
thôn Tân Hùng	DC	xã Vũ Sơn	H. Kiến Xương	20° 27' 37"	106° 23' 32"					F-48-93-B-b
thôn Trung Bắc	DC	xã Vũ Sơn	H. Kiến Xương	20° 26' 50"	106° 23' 47"					F-48-93-B-b
thôn Bình Sơn	DC	xã Vũ Tây	H. Kiến Xương	20° 27' 43"	106° 23' 54"					F-48-93-B-b
thôn Đại Hải	DC	xã Vũ Tây	H. Kiến Xương	20° 28' 51"	106° 23' 45"					F-48-93-B-b
thôn Đồng Tâm	DC	xã Vũ Tây	H. Kiến Xương	20° 27' 46"	106° 23' 39"					F-48-93-B-b
thôn Hoa Nam	DC	xã Vũ Tây	H. Kiến Xương	20° 27' 59"	106° 23' 33"					F-48-93-B-b
thôn Hợp Tiến	DC	xã Vũ Tây	H. Kiến Xương	20° 27' 56"	106° 24' 05"					F-48-93-B-b
thôn Quang Minh	DC	xã Vũ Tây	H. Kiến Xương	20° 27' 34"	106° 23' 57"					F-48-93-B-b
thôn Thống Nhất	DC	xã Vũ Tây	H. Kiến Xương	20° 27' 49"	106° 23' 31"					F-48-93-B-b
thôn Tiền Phong	DC	xã Vũ Tây	H. Kiến Xương	20° 27' 29"	106° 24' 29"					F-48-93-B-b
thôn Văn Hồng	DC	xã Vũ Tây	H. Kiến Xương	20° 28' 42"	106° 23' 20"					F-48-93-B-b
đình Lại Trì	KX	xã Vũ Tây	H. Kiến Xương	20° 27' 41"	106° 23' 59"					F-48-93-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đền Am	KX	xã Vũ Tây	H. Kiến Xương	20° 27' 33"	106° 24' 40"					F-48-93-B-b
sông Trà Lý	TV	xã Vũ Tây	H. Kiến Xương			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-b
Thôn 1	DC	xã Vũ Thắng	H. Kiến Xương	20° 23' 02"	106° 22' 02"					F-48-93-B-a
Thôn 2	DC	xã Vũ Thắng	H. Kiến Xương	20° 22' 59"	106° 21' 51"					F-48-93-B-a
Thôn 3	DC	xã Vũ Thắng	H. Kiến Xương	20° 22' 51"	106° 21' 41"					F-48-93-B-a
Thôn 4	DC	xã Vũ Thắng	H. Kiến Xương	20° 22' 49"	106° 21' 58"					F-48-93-B-a
Thôn 5	DC	xã Vũ Thắng	H. Kiến Xương	20° 22' 36"	106° 22' 03"					F-48-93-B-a, F-48-93-B-c
Thôn 6	DC	xã Vũ Thắng	H. Kiến Xương	20° 22' 48"	106° 22' 11"					F-48-93-B-a
Thôn 7	DC	xã Vũ Thắng	H. Kiến Xương	20° 22' 56"	106° 22' 12"					F-48-93-B-a
Thôn 8	DC	xã Vũ Thắng	H. Kiến Xương	20° 23' 15"	106° 21' 58"					F-48-93-B-a
Thôn 5A	DC	xã Vũ Trung	H. Kiến Xương	20° 23' 54"	106° 22' 41"					F-48-93-B-a
Thôn 5B	DC	xã Vũ Trung	H. Kiến Xương	20° 23' 45"	106° 22' 28"					F-48-93-B-b
Thôn 6	DC	xã Vũ Trung	H. Kiến Xương	20° 23' 39"	106° 22' 49"					F-48-93-B-b
Thôn 7A	DC	xã Vũ Trung	H. Kiến Xương	20° 23' 55"	106° 22' 10"					F-48-93-B-a
Thôn 7B	DC	xã Vũ Trung	H. Kiến Xương	20° 23' 54"	106° 22' 17"					F-48-93-B-a
Thôn 8	DC	xã Vũ Trung	H. Kiến Xương	20° 23' 20"	106° 22' 39"					F-48-93-B-b
Thôn 9	DC	xã Vũ Trung	H. Kiến Xương	20° 23' 19"	106° 22' 57"					F-48-93-B-b
Thôn 10	DC	xã Vũ Trung	H. Kiến Xương	20° 23' 08"	106° 22' 46"					F-48-93-B-b
Đình Cả	KX	xã Vũ Trung	H. Kiến Xương	20° 23' 27"	106° 22' 40"					F-48-93-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà lưu niệm Nguyễn Mậu Kiến	KX	xã Vũ Trung	H. Kiến Xương	20° 23' 57"	106° 22' 09"					F-48-93-B-a
từ đường họ Nguyễn Ngọc	KX	xã Vũ Trung	H. Kiến Xương	20° 23' 12"	106° 22' 34"					F-48-93-B-b
sông Kiến Giang	TV	xã Vũ Trung	H. Kiến Xương			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-B-a, F-48-93-B-b
Cầu Môi	KX	TT. An Bài	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 46"	106° 25' 02"					F-48-81-D-b
Cầu Nghìn	KX	TT. An Bài	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 36"	106° 26' 10"					F-48-81-D-b
đình An Bài	KX	TT. An Bài	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 47"	106° 25' 26"					F-48-81-D-b
đình Đông Linh	KX	TT. An Bài	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 26"	106° 25' 36"					F-48-81-D-b
đình Lý Xá	KX	TT. An Bài	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 55"	106° 25' 57"					F-48-81-D-b
Khu công nghiệp Cầu Nghìn	KX	TT. An Bài	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 24"	106° 26' 05"					F-48-81-D-b
miếu Phong Xá	KX	TT. An Bài	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 13"	106° 25' 13"					F-48-81-D-b
Ngã tư Môi	KX	TT. An Bài	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 59"	106° 25' 22"					F-48-81-D-b
Quốc lộ 10	KX	TT. An Bài	H. Quỳnh Phụ			20° 39' 41"	106° 26' 16"	20° 26' 41"	106° 13' 01"	F-48-81-D-b
Sông Cô	TV	TT. An Bài	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 42"	106° 23' 58"	20° 36' 21"	106° 26' 58"	F-48-81-D-b
Sông Hóa	TV	TT. An Bài	H. Quỳnh Phụ			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-b
cầu Mỹ Hà	KX	TT. Quỳnh Côi	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 57"	106° 19' 32"					F-48-81-D-a
Cầu Tây	KX	TT. Quỳnh Côi	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 13"	106° 19' 16"					F-48-81-D-a
đường Đào Đình Luyện	KX	TT. Quỳnh Côi	H. Quỳnh Phụ			20° 39' 10"	106° 19' 20"	20° 39' 42"	106° 19' 37"	F-48-81-D-a
đường Nguyễn Du	KX	TT. Quỳnh Côi	H. Quỳnh Phụ			20° 39' 14"	106° 19' 16"	20° 38' 25"	106° 19' 52"	F-48-81-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Nguyễn Quang Cáp	KX	TT. Quỳnh Côi	H. Quỳnh Phụ			20° 39' 50"	106° 19' 30"	20° 39' 42"	106° 19' 37"	F-48-81-D-a
đường Nguyễn Thái Sơn	KX	TT. Quỳnh Côi	H. Quỳnh Phụ			20° 39' 14"	106° 19' 16"	20° 39' 20"	106° 19' 02"	F-48-81-D-a
Đường tỉnh 396B	KX	TT. Quỳnh Côi	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 31"	106° 18' 09"	20° 35' 23"	106° 22' 05"	F-48-81-D-a
đường Trần Hưng Đạo	KX	TT. Quỳnh Côi	H. Quỳnh Phụ			20° 39' 14"	106° 19' 16"	20° 39' 42"	106° 19' 33"	F-48-81-D-a
Đường tỉnh 452	KX	TT. Quỳnh Côi	H. Quỳnh Phụ			20° 39' 10"	106° 19' 20"	20° 31' 20"	106° 13' 51"	F-48-81-D-a
Đường tỉnh 455	KX	TT. Quỳnh Côi	H. Quỳnh Phụ			20° 33' 12"	106° 16' 35"	20° 33' 09"	106° 28' 10"	F-48-81-D-a
Trường Trung cấp Nông nghiệp Thái Bình	KX	TT. Quỳnh Côi	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 36"	106° 19' 53"					F-48-81-D-a
sông Yên Lộng	TV	TT. Quỳnh Côi	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 22"	106° 17' 57"	20° 34' 20"	106° 20' 37"	F-48-81-D-a
thôn An Ấp	DC	xã An Ấp	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 49"	106° 22' 05"					F-48-81-D-a
thôn Cam Mỹ	DC	xã An Ấp	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 37"	106° 22' 46"					F-48-81-D-b
thôn Đông Thành	DC	xã An Ấp	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 20"	106° 22' 20"					F-48-81-D-a
thôn Thượng Phúc	DC	xã An Ấp	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 06"	106° 22' 12"					F-48-81-D-a, F-48-81-D-b
thôn Xuân Lai	DC	xã An Ấp	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 13"	106° 22' 38"					F-48-81-D-a, F-48-81-D-b
Cầu Láp	KX	xã An Ấp	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 02"	106° 22' 47"					F-48-81-D-b
Cầu Và	KX	xã An Ấp	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 04"	106° 22' 06"					F-48-81-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền Bà Chúa	KX	xã An Ấp	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 47"	106° 22' 04"					F-48-81-D-a
Đường tỉnh 455	KX	xã An Ấp	H. Quỳnh Phụ			20° 33' 12"	106° 16' 35"	20° 33' 09"	106° 28' 10"	F-48-81-D-a, F-48-81-D-b
sông Diêm Hộ	TV	xã An Ấp	H. Quỳnh Phụ			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-81-D-a
Sông Sành	TV	xã An Ấp	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 15"	106° 18' 05"	20° 37' 56"	106° 21' 35"	F-48-81-D-a
Xóm 10	DC	xã An Cầu	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 02"	106° 24' 18"					F-48-81-D-b
xóm Bắc Lệ	DC	xã An Cầu	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 34"	106° 24' 09"					F-48-81-D-b
thôn Lương Cầu	DC	xã An Cầu	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 36"	106° 23' 41"					F-48-81-D-b
thôn Trung Châu Đông	DC	xã An Cầu	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 05"	106° 23' 40"					F-48-81-D-b
thôn Trung Châu Tây	DC	xã An Cầu	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 05"	106° 23' 26"					F-48-81-D-b
thôn Tư Cương	DC	xã An Cầu	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 02"	106° 23' 00"					F-48-81-D-b
Cầu Rô	KX	xã An Cầu	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 40"	106° 24' 00"					F-48-81-D-b
Sông Hóa	TV	xã An Cầu	H. Quỳnh Phụ			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-b
thôn An Lạc	DC	xã An Dục	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 06"	106° 24' 49"					F-48-81-D-d
thôn An Mỹ	DC	xã An Dục	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 44"	106° 25' 26"					F-48-81-D-d
thôn Bình Minh	DC	xã An Dục	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 58"	106° 24' 32"					F-48-81-D-d
thôn Lạc Cổ	DC	xã An Dục	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 28"	106° 25' 08"					F-48-81-D-b, F-48-81-D-d
thôn Việt Thắng	DC	xã An Dục	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 55"	106° 24' 42"					F-48-81-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 455	KX	xã An Dục	H. Quỳnh Phụ			20° 33' 12"	106° 16' 35"	20° 33' 09"	106° 28' 10"	F-48-81-D-b
Miếu Rọc	KX	xã An Dục	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 58"	106° 24' 26"					F-48-81-D-d
Sông Cô	TV	xã An Dục	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 42"	106° 23' 58"	20° 36' 21"	106° 26' 58"	F-48-81-D-b, F-48-81-D-d
thôn Bắc Dũng	DC	xã An Đồng	H. Quỳnh Phụ	20° 42' 19"	106° 22' 20"					F-48-81-D-a
thôn Đào Xá	DC	xã An Đồng	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 53"	106° 23' 50"					F-48-81-D-b
thôn Đông Lễ Văn	DC	xã An Đồng	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 40"	106° 23' 34"					F-48-81-D-b
thôn Đồng Tâm	DC	xã An Đồng	H. Quỳnh Phụ	20° 42' 14"	106° 23' 20"					F-48-81-D-b
thôn Tây Lễ Văn	DC	xã An Đồng	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 43"	106° 23' 19"					F-48-81-D-b
thôn Vũ Xá	DC	xã An Đồng	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 54"	106° 23' 03"					F-48-81-D-b
chùa Am Qua	KX	xã An Đồng	H. Quỳnh Phụ	20° 42' 11"	106° 22' 23"					F-48-81-D-b
đền Đồng Tâm	KX	xã An Đồng	H. Quỳnh Phụ	20° 42' 18"	106° 23' 13"					F-48-81-D-b
đình Vũ Xá	KX	xã An Đồng	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 57"	106° 23' 06"					F-48-81-D-b
tuyến đò An Đồng	KX	xã An Đồng	H. Quỳnh Phụ	20° 42' 46"	106° 22' 45"					F-48-81-D-b
từ đường họ Nguyễn	KX	xã An Đồng	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 36"	106° 23' 26"					F-48-81-D-b
Sông Cô	TV	xã An Đồng	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 42"	106° 23' 58"	20° 36' 21"	106° 26' 58"	F-48-81-D-b
Sông Hóa	TV	xã An Đồng	H. Quỳnh Phụ			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-b
Sông Luộc	TV	xã An Đồng	H. Quỳnh Phụ			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-D-a, F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lam Cầu 1	DC	xã An Hiệp	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 45"	106° 22' 23"					F-48-81-D-a, F-48-81-D-b
thôn Lam Cầu 2	DC	xã An Hiệp	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 08"	106° 22' 28"					F-48-81-D-a, F-48-81-D-b
thôn Lam Cầu 3	DC	xã An Hiệp	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 56"	106° 22' 21"					F-48-81-D-a
thôn Nguyên Xá 1	DC	xã An Hiệp	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 23"	106° 22' 41"					F-48-81-D-b
thôn Nguyên Xá 2	DC	xã An Hiệp	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 39"	106° 22' 42"					F-48-81-D-b
thôn Nguyên Xá 3	DC	xã An Hiệp	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 49"	106° 22' 35"					F-48-81-D-b
thôn Nguyên Xá 4	DC	xã An Hiệp	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 45"	106° 22' 41"					F-48-81-D-b
thôn Nguyên Xá 5	DC	xã An Hiệp	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 32"	106° 22' 37"					F-48-81-D-b
Cầu Vược	KX	xã An Hiệp	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 18"	106° 22' 05"					F-48-81-D-a
Đình Vược (Đình Đá)	KX	xã An Hiệp	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 44"	106° 22' 36"					F-48-81-D-b

(Xem tiếp Công báo số 671 + 672)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng